

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ HUY HOÀNG

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA
CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN
CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ HUY HOÀNG

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA
CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN
CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. TRƯƠNG HỒ HẢI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS. NGUYỄN HOÀNG ANH

2. PGS.TS. TÀO THỊ QUYÊN

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

Tác giả luận án

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Lê Huy Hoàng', written over a horizontal line.

Lê Huy Hoàng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU.....	8
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước.....	8
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.....	17
1.3. Nhận xét, đánh giá tình hình nghiên cứu có liên quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	26
1.4. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu.....	33
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN.....	36
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và nguyên tắc áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân.....	36
2.2. Nội dung, các giai đoạn và các điều kiện bảo đảm áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân.....	53
2.3. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy ở một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.....	75
Chương 3: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM.....	84
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.....	84
3.2. Thực trạng áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.....	98
Chương 4: DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI PHẠM MA TÚY, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM.....	132
4.1. Dự báo tình hình tội phạm ma túy tại các tỉnh Tây Bắc Việt Nam trong thời gian tới.....	132
4.2. Quan điểm bảo đảm áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.....	139
4.3. Giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.....	150
KẾT LUẬN.....	177
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ.....	179
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	180
PHỤ LỤC.....	192

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

ADPL	Áp dụng pháp luật
ANTT	An ninh trật tự
BLHS	Bộ luật Hình sự
CAND	Công an nhân dân
CBĐT	Cán bộ điều tra
CQĐT	Cơ quan điều tra
CSĐT	Cảnh sát điều tra
ĐTV	Điều tra viên
ĐTVA	Điều tra vụ án
NCS	Nghiên cứu sinh
NXB	Nhà xuất bản
TTHS	Tố tụng hình sự
TTATXH	Trật tự, an toàn xã hội
TNHS	Trách nhiệm hình sự
VAHS	Vụ án hình sự
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thời gian qua, với đường lối, chính sách đổi mới của Đảng cùng nhiều chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế và xã hội, đất nước ta, đặc biệt là khu vực Tây Bắc, đã đạt được những thành tựu rất quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa; chất lượng đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao; an ninh chính trị, TTATXH về cơ bản được bảo đảm. Tuy nhiên, mặt trái nền kinh tế thị trường cũng mang lại những tác động tiêu cực khiến tình hình tội phạm ở nước ta nói chung và tình hình tội phạm ma túy nói riêng vẫn tiếp tục diễn biến ngày càng phức tạp với tính chất ngày càng mạnh động, liều lĩnh, nguy hiểm của các hành vi phạm tội... Nhiều băng, ổ nhóm, đường dây buôn bán trái phép chất ma túy liên tỉnh, xuyên quốc gia có quy mô diễn biến hết sức phức tạp với thủ đoạn ngày càng mạnh động, liều lĩnh, tinh vi, xảo quyệt. Để thực hiện hành vi vận chuyển ma túy trái phép qua biên giới, đối tượng thường lợi dụng người dân tộc thiểu số thiếu hiểu biết, địa hình hiểm trở hoặc dùng các phương tiện công nghệ cao để giao dịch, vận chuyển và rửa tiền. Chúng còn tận dụng triệt để mạng xã hội, tiền ảo để che giấu danh tính, gây cản trở cho các cơ quan chức năng trong quá trình điều tra. Quan điểm về người nghiện ma túy thay đổi, họ vừa là nạn nhân, vừa là mắt xích quan trọng trong các đường dây buôn bán ma túy với vai trò là người tiêu thụ, người vận chuyển và thậm chí là người mua bán ma túy nhỏ lẻ. Trước tình hình đó, cùng với chủ trương của Nhà nước ta về cải cách tư pháp nói chung, các cơ quan chức năng, đặc biệt là lực lượng Công an nhân dân các tỉnh Tây Bắc đã chủ động triển khai tiến hành nhiều biện pháp khác nhau trong đấu tranh phòng chống các loại tội phạm về ma túy, trong đó ADPL trong ĐTVAs ma túy được coi là nội dung công tác trọng tâm.

ADPL trong ĐTVAs ma túy của lực lượng CAND là một dạng hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt, trong đó Cơ quan CSĐT có thẩm quyền trong CAND căn cứ vào quy định của pháp luật ban hành quyết định cá biệt

(văn bản ADPL) làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật TTHS trong giai đoạn ĐTVA ma túy, bảo đảm xử lý vụ án một cách nghiêm minh, đúng pháp luật.

Khảo sát thực tế việc ADPL trong ĐTVA ma túy trên địa bàn khu vực Tây Bắc Việt Nam từ năm 2015 đến 2024 cho thấy Công an các tỉnh Tây Bắc đã tiếp nhận 1.021 tố giác và tin báo về tội phạm về ma túy, qua đó đã xác minh làm rõ và khởi tố, điều tra theo quy trình TTHS 783 vụ án ma túy, khởi tố bị can đối với 2.457 đối tượng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trên địa bàn. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động này còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: còn sai sót trong tiến hành các giai đoạn ADPL trong ĐTVA ma túy; một số vụ việc chưa xác định đúng tội danh khi giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và khởi tố vụ án về ma túy; một số ĐTV, CBĐT được phân công thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm chưa xác định, phân định rõ trường hợp sử dụng biện pháp pháp luật và biện pháp điều tra theo quy định; còn chậm trễ trong thông báo kết quả giải quyết, việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị bắt giữ, bị can, người bị tố giác và người bị kiến nghị khởi tố trong một số vụ việc còn chưa đi vào thực chất mà còn mang tính thủ tục; trình độ, năng lực của một số ĐTV, CBĐT còn hạn chế; hệ thống cơ sở vật chất, nhất là phương tiện, thiết bị kỹ thuật ở một số đơn vị đã lỗi thời, lạc hậu; số vụ việc được phát hiện để đưa vào quy trình xử lý theo TTHS chưa nhiều... Trong khi đó, địa bàn Tây Bắc là một trong những khu vực kinh tế phát triển chậm, tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực thấp nhất cả nước; tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao, vị trí địa lý ở gần biên giới, gần khu vực “Tam giác vàng”, xa khu trung tâm, địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi, chia cắt mạnh khiến cho việc đi lại khó khăn, phong tục tập quán của người dân còn lạc hậu, trình độ dân trí chưa cao... Những điều này đã gây ra khó khăn lớn cho lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy nói chung, cũng như làm giảm chất lượng của ADPL trong ĐTVA ma túy nói riêng.

Trước tình hình cấp bách đó, các nghiên cứu lý luận pháp luật dường như chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Đến nay đã có một số công trình khoa học nghiên cứu về ADPL trong ĐTVMA ma túy, tuy nhiên mới chỉ đề cập ở những vấn đề đơn lẻ về một số khía cạnh của ADPL trong ĐTVMA ma túy như: khái quát được bối cảnh và sự cần thiết của ADPL trong ĐTVMA ma túy ở Việt Nam, khái quát và đánh giá được mô hình tổ chức, thẩm quyền và hoạt động của lực lượng CAND khi ADPL trong ĐTVMA ma túy... mà chưa làm rõ được khái niệm, đặc trưng, nội dung... của hoạt động ADPL của lực lượng CAND. Đặc biệt, chưa có đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện thực trạng ADPL trong ĐTVMA ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc hay dự báo về thuận lợi, khó khăn trong hoạt động này trong bối cảnh cả nước đang tiến hành quá trình tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bộ máy chính quyền địa phương các cấp và của lực lượng CAND. Vì vậy, để góp phần nâng cao hiệu quả ADPL trong ĐTVMA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam trong thời gian tới, cần thiết phải có một công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu, toàn diện về vấn đề này.

Xuất phát từ những lý do trên, NCS lựa chọn đề tài “***Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam***” làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Bổ sung, hoàn thiện một số vấn đề lý luận về ADPL trong ĐTVMA ma túy của lực lượng CAND và đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm ADPL trong ĐTVMA ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích, luận án có các nhiệm vụ sau:

- Tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án; nhận xét, đánh giá về kết quả các công trình khoa học đó, chỉ ra những vấn đề đã được nghiên cứu, những ưu điểm, hạn chế và làm rõ những vấn đề luận án cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu.

- Nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận về ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND.

- Khảo sát, làm rõ và đánh giá thực trạng ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam từ năm 2015 đến năm 2024.

- Đề xuất các quan điểm và giải pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm bảo đảm ADPL trong ĐTVÁ về ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Lý luận và thực trạng ADPL trong ĐTVÁ về ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- Về nội dung: Đề tài nghiên cứu về ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND; luận án không nghiên cứu, khảo sát các vụ án ma túy do lực lượng Quân đội nhân dân và các lực lượng khác điều tra theo thẩm quyền quy định.

- Về không gian: Đề tài luận án khảo sát trên địa bàn khu vực Tây Bắc Việt Nam (trước khi ban hành Nghị quyết 202/2025/QH15), bao gồm các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái và Hòa Bình. Tuy nhiên theo Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội thì từ ngày 01/7/2025, khu vực Tây Bắc còn 04 tỉnh, gồm: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai (sáp nhập từ hai tỉnh là Lào Cai và Yên Bái), Sơn La, Hòa Bình sáp nhập vào tỉnh Phú Thọ (Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình).

- Phạm vi về thời gian: khảo sát từ năm 2015 đến năm 2024.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài luận án

4.1. Phương pháp luận

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận là phép duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước Việt Nam, khoa học lý luận lịch sử Nhà nước và pháp luật.

4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Tác giả sử dụng tổng thể các phương pháp nghiên cứu khoa học để làm rõ nội dung nghiên cứu, như:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Phương pháp này được NCS sử dụng để làm rõ các nội dung ở Chương 1, Chương 2 và một phần Chương 3 của đề tài luận án. Trong quá trình nghiên cứu đề tài, NCS đến Cục CSĐT tội phạm về ma túy - Bộ Công an, VKSND tối cao, TAND tối cao, các trường Đại học trên địa bàn Thủ đô Hà Nội có đào tạo ngành Luật; các thư viện để tìm kiếm, chọn lọc và thu thập các số liệu, tài liệu có nội dung liên quan đến đề tài luận án thông qua các báo cáo tổng kết công tác năm, hồ sơ vụ án, đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo trên các tạp chí, bài viết trong kỷ yếu hội thảo, luận án liên quan đến các tội phạm về ma túy... Từ đó tổng hợp, đánh giá tổng quan các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án, bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về vấn đề này, đồng thời làm rõ thực trạng ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

- Phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích và so sánh: Luận án sử dụng phương pháp này để phân tích những vấn đề lý luận về ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND Việt Nam, trong đó có lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc, được đề cập trong Chương 2 của luận án. Đồng thời, căn cứ vào nội dung các tài liệu mà NCS đã thu thập được như báo cáo tổng kết công tác năm của Công an các tỉnh Tây Bắc từ năm 2015 đến 2024, 150 hồ sơ vụ án điển hình..., tiến hành đọc, tổng hợp, thống kê số liệu có liên quan về tiếp nhận tố giác, thông tin tội phạm về ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc, số lượng và các loại quyết định đã ban hành trong quá trình ĐTVA ma túy, số lượng các biện pháp ngăn chặn đã áp dụng, kết quả ĐTVA ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc... để làm căn cứ phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức và tiến hành ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND Việt Nam, được trình bày tại Chương 3 của luận án.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: NCS đã nghiên cứu, khảo sát điển hình 150 hồ sơ vụ án về việc ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc để đánh giá tình hình, đặc điểm tội phạm này trên địa bàn nghiên cứu. Qua đó đánh giá thực trạng này được sát với thực tế hơn. Phương pháp này được NCS sử dụng chủ yếu ở Chương 3 của luận án.

- Phương pháp chuyên gia: Quá trình nghiên cứu luận án, NCS gặp gỡ, trao đổi một số vấn đề lý luận và thực tiễn với các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án đang công tác tại các học viện, trường CAND; các ĐTV có nhiều kinh nghiệm trong công tác điều tra các loại tội phạm ma túy để làm rõ những nội dung cần nghiên cứu của luận án. Đồng thời thu thập thông tin về những đề xuất, giải pháp dưới góc nhìn chuyên gia về vấn đề ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc. Ngoài ra, luận án cũng đã được hội thảo đề cương, bản thảo luận án ở cấp khoa chuyên ngành, cấp Học viện. Qua đó, tác giả lĩnh hội những tri thức, kiến thức của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia, các nhà khoa học và các ĐTV, cán bộ điều tra có nhiều kinh nghiệm trong điều tra các tội phạm ma túy để góp ý, bổ sung, hoàn thiện nội dung về lý luận cũng như chỉ ra những vấn đề còn tồn tại trong thực tiễn có liên quan đến đề tài luận án; đồng thời, nắm bắt được xu hướng, đề xuất của các nhà nghiên cứu trong việc bảo đảm hiệu quả ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc. Phương pháp này được sử dụng trong Chương 2, 3 và 4.

- Phương pháp dự báo khoa học: Dựa trên các thông tin, số liệu, thống kê đã thu thập được, NCS đã nghiên cứu, phân tích và trao đổi ý kiến với một số chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực mà luận án đang nghiên cứu để đưa ra những dự báo khách quan, có căn cứ về tình hình, diễn biến tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Tây Bắc trong thời gian tới. Bên cạnh đó, kết hợp với những nội dung cơ bản trong quan điểm bảo đảm ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc, NCS đã đề xuất hệ thống các

giải pháp nhằm tiếp tục bảo đảm hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc trong tình hình mới.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài luận án

- *Ý nghĩa lý luận:* Luận án phân tích, làm rõ nhận thức về ĐTVÁ ma túy; Bổ sung, hệ thống hóa và hoàn thiện lý luận về ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND. Nội dung của luận án có giá trị tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập trong các trường Đại học có đào tạo ngành Luật.

- *Ý nghĩa thực tiễn:* Hệ thống các giải pháp được NCS đề xuất sẽ góp phần bảo đảm và nâng cao hơn nữa hiệu quả ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

6. Những điểm mới của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học một cách toàn diện về ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND Việt Nam nên có những đóng góp về mặt lý luận sau:

- Xây dựng được khái niệm, chỉ ra được đặc điểm, làm rõ vai trò và các điều kiện bảo đảm ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam, chỉ ra được những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế thiếu sót khi ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam trong thời gian khảo sát.

- Luận chứng các quan điểm, đưa ra hệ thống các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Cấu trúc của luận án bao gồm các phần: Mở đầu, Nội dung, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục. Trong đó phần Nội dung gồm có 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về điều tra vụ án ma túy

(1) *Giáo trình “Phương pháp điều tra tội phạm về ma túy”* do Tiến sĩ Phạm Đăng Quyền chủ biên, NXB Học viện CSND, xuất bản năm 2014 [80]. Giáo trình gồm 09 chương với 575 trang đã trình bày các nội dung chính như: Tổ chức bộ máy và hoạt động của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy; Tổ chức ĐTVA hình sự; Điều tra tội phạm về sản xuất trái phép các chất ma túy; Điều tra tội phạm về tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy; Điều tra tội phạm sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; Điều tra tội phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Điều tra tội phạm cưỡng bức, lôi kéo những người khác sử dụng trái phép các chất ma túy; Điều tra tội phạm vi phạm qui định về quản lý sử dụng thuốc gây nghiện hoặc chất ma túy khác; Điều tra tội phạm rửa tiền. Nhìn chung, giáo trình đã trình bày chi tiết, cụ thể về tổ chức lực lượng CSĐT thực hiện nhiệm vụ điều tra tội phạm ma túy; quy trình điều tra một số tội phạm về ma túy cụ thể theo thủ tục TTHS. Tuy nhiên, giáo trình này cũng chưa trình bày chi tiết, cụ thể về ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND nói chung.

(2) *Giáo trình “Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy”*, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thiện Phú chủ biên, NXB Học viện CSND, xuất bản năm 2015 [59]. Giáo trình đề cập tới những vấn đề cơ bản về ma túy như: khái niệm, hậu quả, tác hại của ma túy; nhận thức chung tội phạm về ma túy; quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống và kiểm soát ma túy; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ phối hợp giữa

các lực lượng, các cơ quan đơn vị trong phòng, chống tội phạm về ma túy. Giáo trình còn đề cập đến những nội dung máu chốt trong phòng ngừa, đấu tranh phòng chống loại tội phạm này theo chức năng của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy. Tuy vậy, trong giáo trình này vấn đề ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND chưa được trình bày đầy đủ, chưa thành hệ thống mà mới chỉ dừng lại ở vấn đề nghiên cứu về đấu tranh phòng, chống loại tội phạm trên.

(3) ***Giáo trình “Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy”***, Tiến sĩ Bùi Ngọc Phong là chủ biên, NXB Học viện CSND, xuất bản năm 2020 [57]. Giáo trình đề cập đến mô hình, tổ chức của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy; thẩm quyền và hoạt động của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy. Đây là cơ sở để các nhà khoa học hình sự, các nhà điều tra, nhà làm luật cập nhật, nghiên cứu và hoàn thiện những lý luận về cơ cấu tổ chức của lực lượng CSĐT tội phạm ma túy; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, bảo đảm tính cập nhật, khoa học và thống nhất. Tuy nhiên, nội dung về ADPL trong ĐTVÁ ma túy theo chức năng của lực lượng CAND vẫn chưa được tác giả đề cập một cách sâu sắc, bài bản.

(4) Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ ***“Quan hệ phối hợp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới trên biển”*** của Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Quang Huyền, Bộ Công an, nghiệm thu năm 2019 [52]. Tác giả đã tập trung làm rõ nhận thức về quan hệ phối hợp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy tại khu vực biên giới trên biển; thực trạng, dự báo và giải pháp nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới trên biển. Qua đó, đề tài đã đề xuất được hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong công tác đấu tranh phòng, chống

tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới trên biển ở Việt Nam. Tuy nhiên nội dung ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an vẫn chưa được tập trung nghiên cứu đầy đủ, chuyên sâu và chưa thống nhất.

(5) Đề tài khoa học cấp Bộ **“Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Công an nhân dân với Bộ đội Biên phòng trong phòng, chống tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt - Lào”** của PGS, TS Bùi Trần Cường, Bộ Công an, năm 2020 [37]. Đề tài đã nghiên cứu, đánh giá một cách sâu sắc quan hệ phối hợp của CAND với Bộ đội Biên phòng trên mặt trận phòng, chống tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt - Lào, cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Đề tài đã làm rõ những hạn chế, thiếu sót trong triển khai hoạt động phối hợp giữa các lực lượng này, từ đó đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa lực lượng CAND và Bộ đội Biên phòng trong phòng, chống các tội phạm ma túy trên tuyến biên giới Việt - Lào, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, vấn đề ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND chưa được đề cập sâu sắc, toàn diện trong đề tài, mà mới chỉ mang tính chất đơn lẻ, chưa có tính hệ thống và còn giới hạn trong phạm vi biên giới Việt - Lào.

(6) Đề tài khoa học cấp Bộ **“Hoạt động nghiệp vụ trình sát của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy trong phòng, chống tội phạm về ma túy có tổ chức xuyên quốc gia”**, tác giả TS Bùi Ngọc Phong, Bộ Công an, năm 2020 [58]. Đây là đề tài nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động nghiệp vụ trình sát của lực lượng CAND, cụ thể là lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy trong phòng, chống tội phạm ma túy có tổ chức xuyên quốc gia. Tác giả đã bổ sung, làm rõ hệ thống lý luận và thực tiễn có liên quan đến hoạt động trình sát trong công tác phòng, chống tội phạm ma túy có tổ chức xuyên quốc gia; đồng thời khảo sát, đánh giá đúng thực trạng hoạt động này, từ đó đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trình sát của lực lượng CSĐT tội phạm ma túy trong tình hình hiện nay. Đề tài có đề cập đến vấn đề

ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy, tuy nhiên nội dung còn hạn chế, chưa được phân tích sâu và mới chỉ tập trung khảo sát đối với chủ thể là lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy.

(7) Luận án Tiến sĩ luật học **“Phát hiện, điều tra ban đầu các tội phạm ma túy của Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào”** của NCS Lê Quang Hanh, cơ sở đào tạo Học viện CSND, năm 2011 [41]. Luận án đã giới thiệu khái quát tình hình nghiên cứu và lý luận về hoạt động phát hiện, điều tra ban đầu các tội phạm ma túy; phân tích tình hình, đặc điểm có liên quan, đồng thời đưa ra các dự báo và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này. Nội dung của luận án góp phần bổ sung luận cứ để tác giả vận dụng trong việc đề xuất các giải pháp tại chương 3 và phục vụ cho các nội dung khảo sát có liên quan tại chương 2 của đề tài.

(8) Luận án Tiến sĩ luật học **“Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Công an nhân dân với lực lượng Hải quan và Bộ đội Biên phòng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới, cửa khẩu đất liền”**, tác giả Trần Quang Huyền, cơ sở đào tạo Học viện CSND, năm 2013 [51]. Kết quả nghiên cứu của luận án đã giúp tác giả nhận thức rõ các nội dung lý luận về quan hệ phối hợp giữa lực lượng CAND với Bộ đội Biên phòng trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trên khu vực biên giới. Qua đó, luận án phục vụ cho việc xây dựng các nội dung lý luận tại chương 1 và chương 3, đặc biệt là việc xây dựng hệ thống giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa lực lượng CAND với Bộ đội Biên phòng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới.

(9) Luận án Tiến sĩ luật học **“Hoạt động truy nã đối tượng phạm tội về ma túy theo chức năng của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy”** của NCS Ngô Gia Bắc, cơ sở đào tạo Học viện CSND, năm 2013 [23]. Luận án tập trung làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động truy nã đối tượng phạm tội về ma túy theo chức năng của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy;

phân tích thực trạng hoạt động truy nã, truy tìm trong điều tra tội phạm về ma túy của lực lượng này; đồng thời đưa ra dự báo các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động truy nã đối tượng phạm tội ma túy trong thời gian tới. Vấn đề ADPL trong ĐTVA ma túy theo chức năng của lực lượng CAND mới chỉ được trình bày ở một số khía cạnh đơn lẻ, chưa mang tính toàn diện.

(10) Luận án Tiến sĩ luật học ***“Tổ chức hoạt động phòng ngừa tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy”*** của NCS Đinh Quang Toàn, cơ sở đào tạo Học viện CSND, năm 2014 [88]. Luận án đã làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu và nhận thức lý luận về tổ chức hoạt động phòng ngừa tội phạm về ma túy; phân tích đặc điểm tội phạm học đối với tội phạm về ma túy và thực trạng tổ chức phòng ngừa tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội; đồng thời đưa ra dự báo tình hình và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động phòng ngừa tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy luận án mới chỉ tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và đánh giá thực trạng hoạt động phòng ngừa tội phạm về ma túy, trong khi vấn đề ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an chưa được đề cập nhiều.

(11) Luận án Tiến sĩ luật học ***“Quan hệ phối hợp giữa Bộ đội Biên phòng Việt Nam với Công an Lào trong phòng, chống tội phạm về ma túy”*** của NCS Phạm Tuấn Đợi, cơ sở đào tạo Học viện CSND, năm 2015 [40]. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án có giá trị tham khảo cao đối với việc nghiên cứu quan hệ phối hợp giữa lực lượng CAND với Bộ đội Biên phòng trong phòng, chống tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt - Lào. Trên cơ sở đó, tác giả có thể kế thừa các nội dung lý luận về quan hệ phối hợp giữa lực lượng CAND với Bộ đội Biên phòng, góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an.

(12) Luận án Tiến sĩ luật học **“Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy với Bộ đội Biên phòng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới các tỉnh miền Trung”** của NCS Phùng Thị Thùy Linh, bảo vệ năm 2016 tại Học viện CSND [54]. Tác giả đã đưa ra khái niệm về quan hệ phối hợp giữa lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy với Bộ đội Biên phòng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới các tỉnh Miền Trung; đồng thời khảo sát thực trạng mối quan hệ phối hợp giữa hai lực lượng trong phòng, chống tội phạm về ma túy tại khu vực này. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án có giá trị tham khảo cao đối với việc nghiên cứu quan hệ phối hợp giữa lực lượng CAND với Bộ đội Biên phòng trong phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới các tỉnh Miền Trung.

(13) Luận án Tiến sĩ luật học **“Hoạt động của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tội phạm về ma túy ở các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc”** của NCS Ngô Văn Hóa, cơ sở đào tạo Học viện CSND, năm 2018 [44]. Luận án tập trung phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động phòng ngừa tội phạm về ma túy ở các tỉnh biên giới theo chức năng của lực lượng CSĐT tội phạm ma túy; khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động phòng ngừa tội phạm ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc; đồng thời đưa ra các dự báo và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm ma túy tại địa bàn này trong thời gian tới.

(14) Bài viết **“Tăng cường vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự nói chung và phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai”** của tác giả Nguyễn Văn Vịnh, đăng trên Tạp chí Tuyên giáo, số 9 năm 2018 [94], đã khái quát rằng: những năm qua, lợi dụng tuyến biên giới với nước láng giềng và những thiếu sót trong công tác quản lý biên giới của các lực lượng chức năng, các đối tượng phạm tội đã và đang tìm mọi cách để móc nối, hình thành các đường dây tội

phạm xuyên quốc gia, gây ra những hệ lụy tiêu cực đối với tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trong đó đáng chú ý là hoạt động của các đường dây vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường vai trò của cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở trong việc triển khai đồng bộ, hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện vùng cao, vùng kinh tế khó khăn; góp phần giảm thiểu và tiến tới triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; xây dựng tuyến biên giới hữu nghị, hòa bình, ổn định và phát triển; hạn chế di cư trái phép, ổn định đời sống nhân dân. Đây là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị đối với NCS trong quá trình khái quát đặc điểm tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc và đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

(15) Bài viết *“Những vướng mắc trong đối chất và thực nghiệm điều tra vụ án hình sự”* của tác giả Lê Đình Nghĩa, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 7/2021 [55]. Tác giả đã làm rõ những vướng mắc, bất cập trong các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng biện pháp điều tra đối chất và biện pháp thực nghiệm điều tra; đồng thời đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm bổ sung các quy phạm pháp luật còn thiếu, cũng như quy định việc phải tiến hành tại hiện trường vụ án trong những trường hợp nhất định. Những vấn đề này được NCS tiếp tục nghiên cứu và làm rõ hơn trong luận án.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu có liên quan đến áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án về ma túy

Đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu độc lập và toàn diện về ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc. Chỉ có một số ít các công trình nghiên cứu về hoạt động của tội phạm ma

túy trên địa bàn các tỉnh biên giới hoặc một số địa bàn các tỉnh, tuyến đường liên tỉnh thuộc địa bàn các tỉnh Tây Bắc. NCS nghiên cứu nhằm mục tiêu phân tích về đặc điểm tội phạm ma túy, hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm về ma túy trên từng địa bàn cụ thể đó và từ đó chọn lọc các nội dung có liên quan để đưa vào luận án. Cụ thể:

(1) Sách **“Các tội phạm về ma túy ở Việt Nam - Cơ sở lý luận và thực tiễn xét xử”** của tác giả Phạm Minh Tuyên, NXB Hồng Đức năm 2013 [91]. Nội dung chính của cuốn sách tập trung vào việc làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn ADPL hình sự đối với các tội phạm về ma túy ở Việt Nam. Trong đó tác giả đưa ra những thông tin chung về ma túy, tác hại của ma túy đối với cá nhân, gia đình và toàn xã hội; phân tích chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam đối với tội phạm ma túy qua các thời kỳ, đặc biệt là trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung). Đặc biệt, cuốn sách đã làm rõ thực tiễn xét xử, giúp người làm pháp luật nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng thống nhất pháp luật hình sự trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các vụ án ma túy.

(2) Sách **“Điều tra và truy tố các tội phạm về ma túy theo pháp luật mới nhất”** do Tiến sĩ Trần Công Phàn chủ biên, NXB CAND năm 2019 [56]. Với độ dày 428 trang cuốn sách bàn về đặc điểm pháp lý của tội phạm ma túy, xác định chất ma túy, thẩm quyền, phân công, phân cấp, các hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, truy tố tội phạm ma túy, phối hợp giữa các cơ quan tố tụng trong ĐTVÁ ma túy. Một số nội dung của cuốn sách được NCS kế thừa, bổ sung trong hệ thống lý luận về ADPL trong ĐTVÁ ma túy.

(3) **Giáo trình Các chất ma túy, tiền chất, pháp luật và hệ thống kiểm soát ma túy** do Tiến sĩ Ngô Gia Bắc chủ biên, Học viện CSND, xuất bản năm 2017 [24]. Nội dung giáo trình đã đề cập đến những kiến thức mới, cơ bản về

các chất ma túy, pháp luật về phòng, chống và kiểm soát ma túy cho sinh viên các cơ sở đào tạo của Bộ Công an. Tuy nhiên, vấn đề ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của lực lượng Công an chưa được tác giả trình bày chi tiết, cụ thể mà chỉ trình bày những chuyên sâu về các chất ma túy mới theo Danh mục do Chính phủ ban hành và những vấn đề mới của pháp luật Việt Nam hiện hành về phòng, chống và kiểm soát ma túy.

(4) Luận án Tiến sĩ luật học **“Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án Việt Nam”** của NCS Chu Thị Trang Vân, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2009 [93]. Tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng về hoạt động tổ chức ADPL của CQĐT, Viện Kiểm sát và Tòa án. Trên cơ sở đó, tác giả đã chỉ ra các yêu cầu và giải pháp bảo đảm hiệu quả hoạt động ADPL hình sự của CQĐT, Viện Kiểm sát và Tòa án.

(5) Luận án Tiến sĩ luật học **“Áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án có bị can là người dưới 18 tuổi của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện ở vùng Tây Bắc Việt Nam”** của NCS Đỗ Văn Chiến, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2024 [27]. Luận án trình bày những vấn đề cơ bản về ADPL trong ĐTVA có bị can là người dưới 18 tuổi của Cơ quan CSĐT cấp huyện, cụ thể như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, các giai đoạn, nội dung ADPL và các điều kiện bảo đảm ADPL trong ĐTVA có bị can là người dưới 18 tuổi của Cơ quan CSĐT cấp huyện trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc Việt Nam. Đồng thời luận án đã trình bày được những vấn đề liên quan và đề xuất các giải pháp có tính khả thi cao để nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới. Tuy nhiên, luận án chưa trình bày được những vấn đề chi tiết, cụ thể về tội phạm ma túy và ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

(6) Bài viết **“Bàn về khái niệm và cơ sở áp dụng thủ tục đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên**

trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam” của tác giả Đỗ Thị Phượng đăng trên Tạp chí Luật học, số 4/2004 [63]. Bài viết đã được tác giả đi sâu làm rõ nội hàm khái niệm thủ tục tố tụng đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên; những cơ sở quy định thủ tục tố tụng đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên; Thực tiễn áp dụng các quy định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên ở Việt Nam hiện nay.

(7) Bài viết *“Một số vấn đề về áp dụng những quy định có lợi cho người bị buộc tội theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự”* của tác giả Trần Hưng Bình đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 16 (tháng 8/2016) [25]. Bài viết đã đưa ra những nét khái quát quy định về người bị buộc tội trong giai đoạn ĐTVA hình sự của Bộ luật TTHS năm 2015 và chỉ ra những quy định có lợi theo Bộ luật TTHS năm 2015 đối với người bị buộc tội trong giai đoạn ĐTVA hình sự, và trong đó có ĐTVA về ma túy theo chức năng của lực lượng CAND.

1.2. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

Tội phạm về ma túy hiện nay không còn nằm trong phạm vi của một quốc gia mà nó có tính xuyên biên giới, xuyên quốc gia và trở thành mối quan tâm đặc biệt của nhiều quốc gia, nhiều vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam. Nước ta nằm trong khu vực “Tam giác vàng”, đây được coi là địa bàn nóng về ma túy. Tội phạm ma túy và việc ADPL trong ĐTVA ma túy là vấn đề luôn được các nhà lập pháp, các nhà nghiên cứu thuộc chính phủ hoặc phi chính phủ chú trọng nghiên cứu và quan tâm ở nhiều phương diện khác nhau để từ đó đưa ra các giải pháp khả thi nhằm bảo đảm những quy định của pháp luật được thực thi có hiệu quả trên thực tế. Qua nghiên cứu, sưu tầm và thu thập thông tin từ Internet, thư viện quốc gia, tham khảo ý kiến các nhà khoa học về lĩnh vực Khoa học điều tra hình sự và các nhà làm luật cho thấy có nhiều nhà khoa học ở nhiều nước trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập

về vấn đề này. Trên cơ sở lựa chọn những công trình khoa học tiêu biểu được viết bằng ngôn ngữ chung của thế giới là tiếng Anh, NCS trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến ADPL trong điều tra các vụ án ma túy. Dưới đây, NCS đã tổng hợp một số nghiên cứu của các nhà nghiên cứu hoặc nhóm nhà nghiên cứu trong khu vực cũng như trên thế giới có liên quan đến đề tài nghiên cứu của luận án.

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về điều tra vụ án về ma túy

(1) Sách *“The Defendant's Rights Today”* (tạm dịch: *Quyền của bị cáo ngày nay*), của tác giả David Fellman, NXB Univ of Wisconsin, năm 1977, 462 trang [98]. Trong cuốn sách này, tác giả David Fellman cung cấp thông tin về quyền của bị cáo, được nhiều nhà khoa học chính trị và sinh viên ngành luật ủng hộ. Đối tượng của quyền của bị cáo rất rộng và phức tạp. Fellman đưa ra các khái niệm cơ bản về quyền của bị cáo, đưa ra một cuộc thảo luận toàn diện về những ảnh hưởng của hệ thống tư pháp hình sự đối với bị cáo từ khi bị bắt, qua xét xử, tới các biện pháp khắc phục sau khi kết án hiện nay.

(2) Tài liệu *“The United Nations Convention Against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances”* (tạm dịch: *Công ước Liên Hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần*) năm 1988 được thông qua tại phiên họp toàn thể lần thứ 6 ngày 19/12/1988 [112]. Công ước ra đời đã tạo ra phương tiện pháp lý quốc tế quan trọng để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về ma túy. Ngay tại Điều 2 của Công ước đã khẳng định mục đích của Công ước là *“Mục đích của Công ước này là thúc đẩy sự hợp tác giữa các bên của Công ước để họ có thể giải quyết có hiệu quả những khía cạnh khác nhau của hoạt động buôn bán bất hợp pháp có quy mô quốc tế các chất ma túy và các chất hướng thần. Khi thực hiện những nghĩa vụ của mình theo quy định và Công ước, các bên sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết kể cả biện pháp mang tính pháp lý và hành*

chính phù hợp với những quy định cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình”. Công ước có ý nghĩa quan trọng trong quá trình triển khai công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy cũng như triển khai mối quan hệ phối hợp giữa các nước trong đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này trong khu vực và trên thế giới.

(3) Tài liệu **“The United Nations Convention Against Transnational Organized Crime”** (tạm dịch: Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia) của Liên hợp quốc được thông qua năm 2000 tại Palermo, Italia, chính thức có hiệu lực từ tháng 9 năm 2003 [113]. Công ước ra đời đã đáp ứng được nguyện vọng của cộng đồng quốc tế trước sự cần thiết phải có một phương tiện pháp lý quốc tế hiệu quả để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Ngay tại Điều 1 của Công ước đã khẳng định mục đích của Công ước là *“Tăng cường hợp tác để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia một cách hữu hiệu hơn”*. Công ước có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy các quốc gia có những giải pháp hiệu quả chống các hoạt động phạm tội có tổ chức xuyên quốc gia đồng thời thiết lập và tăng cường các mối liên hệ giữa các lực lượng kiểm soát biên giới các nước. Công ước được quy định và áp dụng để phòng chống, điều tra và truy tố, xét xử các loại tội sau đây: Tham gia vào tổ chức tội phạm có tổ chức (Điều 5); Rửa tiền (Điều 6); Tham nhũng (Điều 8); Cản trở hoạt động tư pháp (Điều 23). Các tội phạm nghiêm trọng khác theo Điều 2 của Công ước khi hành vi phạm tội có tính chất xuyên quốc gia và có liên quan đến tội phạm có tổ chức. Như vậy, trong đó có việc đề cập đến nội dung đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy vì bản chất loại tội phạm này vừa có tính tổ chức, đồng thời liên tỉnh, xuyên quốc gia, do đó Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng để các quốc gia có cơ sở triển khai các nội dung trong phối hợp đấu tranh với loại tội phạm này.

(4) Cuốn sách “***Drugs and Policing A Scientific Perspective***” (tạm dịch: *Ma túy và Cảnh sát: Góc nhìn khoa học*) của tác giả Brian K. Payne và Randy R. Gainey, do NXB Charles C. Thomas ấn hành năm 2005, với độ dày 214 trang [96]. Cuốn sách trình bày về trách nhiệm của lực lượng Cảnh sát trong đấu tranh với ma túy, lạm dụng ma túy và tình trạng buôn bán ma túy và cách thức xử lý của Cảnh sát các cấp trong xử lý với tội phạm ma túy. Cuốn sách chỉ ra cách thức đấu tranh với tội phạm ma túy dưới góc độ của khoa học luật hình sự, tội phạm học và khoa học xã hội. Giải pháp quan trọng nhất, theo tác giả, là phải nâng cao hiệu quả ADPL đối với công tác của lực lượng Cảnh sát trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

(5) Cuốn sách “***Drug Interdiction***” (tạm dịch: *Chống buôn lậu ma túy*) của tác giả George S. Steffen và Samuel M. Candelaria, do NXB Taylor & Francis ấn hành năm 2010, với độ dày 320 trang [100]. Cuốn sách đề cập đến vấn đề bài trừ tệ nạn ma túy. Tác giả cho rằng buôn bán trái phép chất ma túy và tình trạng sử dụng trái phép chất ma túy đang là vấn đề phức tạp trên toàn cầu. Theo tác giả, bên cạnh những sáng kiến toàn cầu, thì nỗ lực của từng quốc gia là rất quan trọng trong đấu tranh với sự gia tăng và mức độ phức tạp của tội phạm ma túy hiện nay. Cuốn sách cũng đề cập đến những nguyên tắc pháp lý và cách thức điều tra, ADPL của lực lượng Cảnh sát trong đấu tranh với tội phạm ma túy. Cuốn sách đưa ra những hướng dẫn chung cho việc ADPL đối với các khâu cụ thể từ việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử đối với các hành vi phổ biến như vận chuyển, buôn bán, sử dụng trái phép chất ma túy. Theo tác giả, vận dụng pháp luật phải rất cụ thể trong từng tình huống. Tác giả khẳng định, tinh thần đấu tranh quyết liệt, không khoan nhượng với tội phạm ma túy, nhưng cũng vẫn phải tuân theo những quy tắc chung của pháp luật như nguyên tắc suy đoán vô tội, trọng chứng hơn trọng cung...

(6) Cuốn sách “***The internationalization of police cooperation in Western Europe***” (tạm dịch: *Quốc tế hóa hợp tác cảnh sát ở Tây Âu*), của tác

giả Cyrille Fijnaut, NXB Tilburg University, năm 2013, 213 trang [97]. Tác giả đã nghiên cứu về xu hướng tăng cường hợp tác giữa lực lượng Cảnh sát các nước ở tây Âu bao gồm: Anh, Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, Séc... trong đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm, trong đó có tội phạm về ma túy. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong cuốn sách có giá trị tham khảo cao để nghiên cứu về quan hệ phối hợp giữa lực lượng CAND với các lực lượng có liên quan trong phòng, chống tội phạm về ma túy trên các tuyến biên giới của Việt Nam.

(7) Sách: ***“A Global War on Drugs: Why the United States Should Support the Prosecution of Drug Traffickers in the International Criminal Court”*** (tạm dịch: *Cuộc chiến toàn cầu về ma túy: Tại sao Hoa Kỳ nên ủng hộ việc truy tố những kẻ buôn bán ma túy tại Tòa án Hình sự Quốc tế*), của tác giả Fletcher BW và Chandler RK, NXB Georgetown, năm 2015, 156 trang [99]. Hai tác giả đã nghiên cứu, khảo sát về công tác điều tra, xử lý tội phạm mua bán ma túy trên phạm vi toàn cầu. Từ kết quả nghiên cứu, hai tác giả đưa ra ý tưởng về vấn đề đưa các đối tượng phạm tội mua bán ma túy ở các quốc gia đến xét xử tại tòa án quốc tế.

(8) Sách ***“International effort to combat drug trafficking and other forms of crime”*** (tạm dịch: *Nỗ lực quốc tế để chống buôn bán ma túy và các hình thức tội phạm khác*), của tác giả Wilson DB, Bouffard LA, Mackenzie DL, NXB Nat Neurosci, năm 2016, 1.428 trang [115]. Các tác giả đã khảo sát, đánh giá một cách toàn diện về nỗ lực của chính phủ các nước, trong đó có lực lượng Cảnh sát của các nước trong việc triển khai, thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế đấu tranh, phòng ngừa đối với các loại tội phạm về ma túy.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án về ma túy

(1) Cuốn sách ***“Practical Drug Enforcement”*** (tạm dịch: *Thực tiễn thực thi pháp luật về ma túy*) của tác giả Michael D. Lyman, do NXB CRC

Press ấn hành năm 2001, với độ dày 336 trang [107]. Cuốn sách đề cập đến thực tiễn hoạt động của lực lượng thực thi pháp luật đấu tranh với tội phạm ma túy. Tác giả cho rằng, tệ nạn buôn bán chất ma túy trên toàn cầu đã tăng nhanh, có thể đem về doanh thu cho người phạm tội khoảng 30 tỉ Đô la Mỹ mỗi năm, dẫn đến những khó khăn cho công tác đấu tranh phòng chống. Trước tình hình đó, lực lượng Cảnh sát không chỉ phải đối mặt với tội phạm ma túy với nhiều phương thức thủ đoạn hoạt động, mà còn phải cập nhật những quy định pháp lý khi pháp luật có thể thường xuyên bị thay đổi. Từ đó, tác giả đã đi sâu phân tích tầm quan trọng của ADPL trong đấu tranh với những thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi của tội phạm ma túy. Tác giả cũng dành thời gian phân tích tình trạng mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy đang diễn ra rất tinh vi trên nhiều tuyến, nhiều địa bàn trọng điểm và có sự liên kết chặt chẽ với các loại tội phạm khác. Bên cạnh đó, các đối tượng phạm tội ma túy cũng có thể hoạt động mang tính chất xuyên biên giới, khi người nước ngoài cũng câu kết, móc nối với một số đối tượng trong nước để mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Tội phạm ma túy cũng có thể lợi dụng kẽ hở của pháp luật, để gây khó khăn khi ADPL của lực lượng Cảnh sát.

(2) Sách ***“Treatment of Drug Offenders: Policies and Issues”*** (tạm dịch: *Xử lý người phạm tội về ma túy: Chính sách và vấn đề còn tồn tại*), của các tác giả Leukefeld C.G, Tims F. và Farabee D., NXB New York, NY: Springer, năm 2002, 768 trang [104]. Cuốn sách đã khảo sát, đánh giá thực trạng và dự báo xu hướng hợp tác quốc tế của các lực lượng thực thi pháp luật của Mỹ với các quốc gia láng giềng trong việc ngăn chặn tội phạm về ma túy xảy ra trên lãnh thổ các nước có liên quan.

(3) Cuốn sách ***“Practical Narcotics Investigations”*** (tạm dịch: *Thực tiễn điều tra ma túy*) của tác giả James Henning, do NXB Xlibris ấn hành năm 2005, với độ dày 494 trang [101]. Cuốn sách trình bày những vấn đề thực tiễn của hoạt động điều tra tội phạm ma túy. Theo tác giả, tội phạm ma túy hiện

diễn biến phức tạp, và lực lượng Cảnh sát các nước cần phải vận dụng linh hoạt các quy định pháp luật trong đấu tranh phòng, chống. Tác giả dành thời lượng đáng kể của cuốn sách để nói về tình trạng tội phạm ma túy liên quan đến mua bán trái phép chất ma túy do các đối tượng thực hiện đơn lẻ. Tác giả đã đưa ra những hướng dẫn cụ thể để đấu tranh với các hình thức hoạt động tội phạm này. Tác giả đề cao việc vận dụng linh hoạt quy định của pháp luật, kết hợp với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát. Như vậy, tác giả khẳng định vai trò quan trọng của việc ADPL linh hoạt với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát. Đây là cơ sở cho công tác đấu tranh hiệu quả với tội phạm về ma túy.

(4) Cuốn sách “*Careers in Undercover Narcotics Investigation*” (tạm dịch: *Công cuộc điều tra ngầm về ma túy*) của tác giả Linda Bickerstaff, NXB Rosen Publishing Group, năm 2013, có độ dài 112 trang [106]. Trong cuốn sách này, tác giả đã trình bày về công tác điều tra tội phạm ma túy của lực lượng Cảnh sát, bao gồm những vụ rất phức tạp, nguy hiểm liên quan đến ma túy. Tác giả cho rằng, để điều tra có hiệu quả tội phạm ma túy thì lực lượng Cảnh sát cần phải có kiến thức pháp luật tốt, được đào tạo cơ bản và thực sự yêu nghề. Theo tác giả, nghề đấu tranh với tội phạm ma túy là nghề nguy hiểm. Do đó, lực lượng Cảnh sát cần phải có kiến thức pháp luật giỏi, có kỹ năng nghiệp vụ. Tác giả cũng cho rằng, đôi khi sẽ có sự giao thoa giữa ADPL và các tình huống nghiệp vụ. Các tình huống nghiệp vụ có thể linh hoạt, nhưng ADPL là phải thống nhất, thượng tôn pháp luật để bảo đảm giá trị của các chứng cứ thu được.

(5) Sách tham khảo “*Successful Fight against Drug Trafficking, Transnational Organized Crime Requires Interlocking National, Regional, International Strategies, Third Committee Told*” (tạm dịch: *Sự thành công trong phòng, chống tội phạm buôn bán ma túy, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đòi hỏi phải có các chiến lược quốc gia, khu vực, quốc tế, Ủy ban*

thứ ba liên kết), của tác giả Redonna K. Chandler, NXB Dept of Justice publication NCJ, 2014, 246 trang [110]. Cuốn sách này đã trình bày những thành tựu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán ma túy, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của các lực lượng thực thi pháp luật của các nước là thành viên của Liên hợp quốc.

(6) Sách tham khảo **“Crime Prevention Inter-agency Coordination”** (tạm dịch: *Phối hợp phòng chống tội phạm*), của tác giả Kevin J. Mahoney, NXB Worldtime, năm 2016, 450 trang [103]. Nội dung cuốn sách tập trung làm rõ công tác phòng, chống tội phạm về ma túy ở một số quốc gia trên thế giới như Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc và mối quan hệ phối hợp giữa các quốc gia này trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch phòng chống tội phạm về ma túy hiện nay.

(7) Cuốn sách **“Drugs Law and Legal Practice in Southeast Asia Indonesia, Singapore and Vietnam”** (tạm dịch: *Luật về Ma túy và thực tiễn pháp lý tại Đông Nam Á: Indonesia, Singapore và Việt Nam*) của tác giả Tim Lindsey và Pip Nicholson, do NXB Bloomsbury Publishing ấn hành năm 2016, với 408 trang [114]. Nội dung của cuốn sách trình bày về pháp luật liên quan đến tội phạm ma túy và thực tiễn của pháp luật tại khu vực Đông Nam Á, cụ thể là tại Indonesia, Singapore và Việt Nam. Cuốn sách phân tích những cách tiếp cận khác nhau đối với những quy định của pháp luật liên quan đến tội phạm ma túy ở Indonesia, Singapore và Việt Nam. Cuốn sách này cung cấp nghiên cứu thực nghiệm lớn đầu tiên bằng tiếng Anh và phân tích so sánh về quy định, luật học, thủ tục tòa án và các thông lệ liên quan đến thực thi pháp luật về ma túy tại 3 nước. Tác giả đề cao việc ADPL trong điều tra, xử lý, truy tố, xét xử tội phạm ma túy. Theo tác giả, tội phạm ma túy đang gia tăng tại Đông Nam Á, trong đó có 3 nước nói trên. Mặc dù có những quy định khác nhau trong pháp luật của 3 nước này, nhưng tác giả cho rằng pháp luật ở

3 nước trên đều thể hiện tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với tội phạm ma túy. Vấn đề tác giả quan tâm là việc ADPL ở từng nước. Qua phân tích, tác giả khẳng định rằng việc ADPL là yếu tố quyết định trong đấu tranh với tội phạm ma túy. Tác giả cũng phân tích một số khó khăn, bất cập trong ADPL trong một số trường hợp cụ thể liên quan đến tội phạm ma túy tại 3 nước. Ví dụ, tại Việt Nam, có những vướng mắc trong thực tiễn do vẫn còn sự mâu thuẫn về đường lối giải quyết các vụ án ma túy trong trường hợp bắt quả tang, thu giữ tang vật nhưng giám định không có chất ma túy. Từ đó, cần phải hoàn thiện những quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn ở từng giai đoạn khác nhau, từ đó tạo ra sự thống nhất trong ADPL, mới có thể đấu tranh có hiệu quả với tội phạm ma túy.

(8) Cuốn sách ***“Use of Force Investigations”*** (tạm dịch: *Sử dụng điều tra bằng vũ lực*) của tác giả Kevin R. Davis, do NXB Independent Publishing Platform ấn hành năm 2018, với 210 trang [102]. Cuốn sách tập trung phân tích những khía cạnh pháp lý cả về lý luận và thực tiễn của lực lượng Cảnh sát Mỹ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội phạm ma túy. Những kinh nghiệm trong ADPL của lực lượng Cảnh sát Mỹ rất hữu ích để các lực lượng thực thi pháp luật trên thế giới học hỏi kinh nghiệm. Đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, lực lượng Cảnh sát Mỹ rất đề cao vai trò của ADPL, trong đó, pháp luật phải được thực thi triệt để. Thượng tôn pháp luật, và việc ADPL phải được thống nhất, không có ngoại lệ. Nhờ ADPL một cách triệt để, thực hiện nghiêm nguyên tắc thượng tôn pháp luật đã góp phần quan trọng vào làm giảm tội phạm ma túy ở Mỹ.

(9) Cuốn sách ***“Justice, Crime, and Ethics”*** (tạm dịch: *Công lý, Tội phạm và Đạo đức*) của các tác giả Michael C. Braswell, Belinda R. McCarthy và Bernard J. McCarthy, do NXB Taylor & Francis ấn hành năm 2019, với độ

dày 568 trang [108]. Cuốn sách đề cập đến vấn đề tư pháp, tội phạm và khía cạnh đạo đức. Trong đó, tác giả cũng trình bày về công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm ma túy. Tác giả khẳng định các hoạt động trái phép có liên quan ma túy đều là phạm tội, không những thế nó còn khiến cho đạo đức bị hủy hoại. Tác giả nhận thấy tội phạm ma túy thường bị xử phạt bằng những hình phạt rất nặng, thậm chí bị tử hình, nhưng các đối tượng có ý định thực hiện các hành vi trái phép liên quan đến ma túy hầu như không cảm thấy sợ hãi trước mức hình phạt này. Điều đó khiến cho tình hình tội phạm không giảm. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, vẫn rất cần thiết phải ADPL nghiêm minh trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

(10) Sách tham khảo ***“The War on Drugs”: U.S.-Mexico Intelligence Cooperation*** (tạm dịch: *Cuộc chiến chống tội phạm ma túy: Sự phối hợp giữa Mỹ và Mexico*) của các tác giả Simon Willmetts, NXB OUP Oxford, năm 2019, 358 trang [109]. Cuốn sách phản ánh kết quả nghiên cứu của tác giả Simon Willmetts về thực trạng công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy trên tuyến biên giới giữa Mexico và Mỹ.

1.3. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Những vấn đề luận án có thể kế thừa và phát triển

Nội dung của các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước đã công bố có liên quan đến đề tài luận án là căn cứ, cơ sở để luận án kế thừa và phát triển trong quá trình nghiên cứu. Cụ thể:

Một là, các công trình nghiên cứu khoa học đã khái quát được bối cảnh và sự cần thiết của ADPL trong ĐTVA ma túy ở nước ta. Từ năm 2014 trở lại đây, tội phạm ma túy tại khu vực Tây Bắc Việt Nam đã và đang diễn biến theo chiều hướng ngày càng phức tạp, khó lường. Các đối tượng đã câu kết với nhau và có sự phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng đối tượng trong

quá trình thực hiện tội phạm về ma túy, đặc biệt hiện nay phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội của các đối tượng tinh vi hơn như lợi dụng mạng xã hội, khoa học công nghệ... để nhằm trốn tránh lực lượng CAND các tỉnh Tây Bắc. Mặt khác, chúng cũng rất liêu lĩnh khi thực hiện hành vi phạm tội, gần như các đối tượng này đều có vũ khí nóng và sẵn sàng thanh trừng nhau cũng như rất mạnh động thực hiện các hành vi chống trả khi bị cơ quan chức năng phát hiện. Tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc chủ yếu móc nối với các đối tượng là người nước ngoài như Trung Quốc, Lào... Đặc biệt tính chất xuyên biên giới, xuyên quốc gia của loại tội phạm này trên địa bàn Tây Bắc được thể hiện ở việc thực hiện hành vi phạm tội không chỉ trên phạm vi một đến hai quốc gia mà có cả hệ thống với các quốc gia khác với nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau để sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy. Mặt khác, cũng xuất phát từ tình trạng thiếu hiểu biết pháp luật, nghèo khó và lòng tham của một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc nên các đối tượng đã lợi dụng để đưa họ vào đường dây tội phạm ma túy. Việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ để thực hiện tội phạm ma túy cũng trở nên phổ biến và tinh vi hơn. Điều đó đã và đang gây ra nhiều khó khăn, cản trở cho lực lượng CAND các tỉnh Tây Bắc khi đấu tranh, phòng ngừa trong bối cảnh hiện nay. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu nghiêm túc, toàn diện về ADPL trong ĐTVÁ ma túy.

Hai là, các công trình nghiên cứu khoa học đã khái quát và đánh giá được mô hình tổ chức, thẩm quyền, hoạt động của lực lượng CAND khi ADPL trong ĐTVÁ ma túy, chỉ ra những kết quả đạt được, cũng như những bất cập, hạn chế trong quá trình ADPL của lực lượng CAND trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc trong ĐTVÁ ma túy. Có thể thấy lực lượng CAND đóng vai trò chủ chốt, quan trọng trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội

phạm, trong đó có tội phạm ma túy. Mỗi quốc gia có một thể chế chính trị riêng và lực lượng CAND cũng được tổ chức, hoạt động theo một mô hình, tổ chức riêng. Tuy nhiên, với nhiều thủ đoạn tinh vi và tính chất phức tạp của tội phạm ma túy như hiện nay, yêu cầu đặt ra là lực lượng CAND phải không ngừng chủ động, tích cực nghiên cứu, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ và ứng dụng tối đa có thể thành tựu tiên tiến của khoa học, kỹ thuật cũng như các thiết bị cần thiết để kịp thời phát hiện, điều tra và xử lý loại tội phạm này theo đúng quy định của pháp luật. Thực tế trên đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ tăng cường công tác đào tạo và tập huấn nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện và điều tra tội phạm ma túy có tính chất xuyên biên giới, xuyên quốc gia cho lực lượng CAND. Bên cạnh đó, lực lượng CAND cũng cần phải phối kết hợp với các lực lượng chức năng khác, đặc biệt là bộ đội biên phòng, trong công tác nghiệp vụ và thực hiện các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, quần chúng, nhân dân cũng có thể cung cấp rất nhiều thông tin quan trọng, cần thiết về đối tượng để lực lượng CAND có các phương án đấu tranh phù hợp, kịp thời để phòng, chống tội phạm ma túy.

Ba là, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tiếp cận và nghiên cứu vấn đề liên quan đến đề tài luận án từ nhiều góc độ, nội dung khác nhau. Trong đó, các công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã giúp NCS nhìn nhận thức sâu sắc hơn tính chất, hậu quả nghiêm trọng của tội phạm ma túy tại các điểm nóng trong khu vực và trên thế giới - những nơi mà tội phạm về ma túy và các tệ nạn xã hội từ ma túy vẫn đang diễn biến phức tạp, như: Lào, Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan.... Từ phân tích của các tác giả, NCS đã thu thập thêm kiến thức về chính sách pháp luật các nước và cách nhìn nhận, mức độ quan tâm của Chính phủ các nước đối với tội phạm ma túy. Các công trình khoa học ở trong nước đã làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn; khảo sát thực

tranh, xu hướng vận động của tội phạm về ma túy và thực tiễn hoạt động đấu tranh, phòng ngừa tội phạm ma túy của lực lượng CAND ở các địa bàn trọng yếu trên cả nước, đặc biệt là các tỉnh Tây Bắc của Việt Nam. Từ đó, trong một số công trình nghiên cứu đã đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa, đấu tranh tội phạm về ma túy theo chức năng của lực lượng CAND. Tuy nhiên, các công trình này đa số thuộc mã ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm nên không chuyên sâu vào ADPL trong ĐTVA về ma túy.

Bốn là, hệ thống pháp luật của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á và trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã đưa ra những quy định khá chi tiết và mang tính đặc thù riêng của đất nước mình về tội phạm ma túy. Bên cạnh đó, các nước cũng đã thống nhất thông qua các công ước khu vực và quốc tế về việc liên minh giữa các khu vực, các quốc gia trong việc đẩy lùi và dần đưa ra khỏi đời sống xã hội tệ nạn ma túy và tội phạm ma túy, cũng như các công ước khu vực và quốc tế về phòng ngừa, điều tra, xử lý tội phạm nói chung và tội phạm ma túy nói riêng. Các công ước, hiệp định, thỏa thuận được các nước thành viên tham gia thực hiện nghiêm túc và có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết tội phạm ma túy trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Việc vận dụng quy định, các điều ước quốc tế, các hiệp định song phương và hiệp định đa phương càng có ý nghĩa hơn nữa trong tình hình tội phạm đa quốc gia và có tính phức tạp như hiện nay. Những vấn đề vượt ra khỏi phạm vi quốc gia càng gây khó khăn cho lực lượng CAND Việt Nam vì chính lực lượng này phải phối hợp với cảnh sát của nước mà tội phạm ma túy đang ẩn náu hoặc đi qua, liên quan đến vụ án về ma túy. Tuy nhiên trong bối cảnh diễn biến tội phạm ma túy đang ngày càng phức tạp, có tính xuyên quốc gia và đặc biệt nguy hiểm, cần có những chế tài răn đe cũng như những quy định chặt chẽ hơn về thủ tục thực hiện công tố đối với tội phạm về ma túy.

Năm là, trong các công trình nghiên cứu, việc so sánh luật pháp quốc tế và luật pháp quốc gia, sự ảnh hưởng của điều kiện quốc tế dẫn đến gia tăng tội phạm về ma túy được đi sâu phân tích và có ý nghĩa rất quan trọng khi NCS thực hiện đề tài luận án. Theo đó, để phòng, chống tội phạm ma túy có hiệu quả các quốc gia cần phải phối hợp với nhau, cũng như phối hợp ở tầm quốc tế về các quy định pháp luật, về ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào công tác điều tra và xử lý loại tội phạm này... Luật pháp Việt Nam cần có những hướng đi phù hợp với luật pháp quốc tế. Khi nghiên cứu các công trình khoa học đã được công bố, NCS nhận thấy, việc quy định các chế tài cũng như quá trình giải quyết các nhiệm vụ của các lực lượng thực thi pháp luật quốc tế có những vấn đề mà lực lượng CAND Việt Nam cần nghiên cứu, kế thừa có chọn lọc và phù hợp với đặc điểm, tình hình của tội phạm ma túy ở nước ta và áp dụng vào thực tiễn công tác nhằm mang lại hiệu quả cao.

1.3.2. Những vấn đề liên quan đến luận án nhưng chưa được giải quyết toàn diện

Thứ nhất, trong các công trình nghiên cứu đã công bố chưa làm rõ một số vấn đề lý luận có liên quan đến ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND nói chung như: khái niệm, đặc điểm ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND... Những vấn đề lý luận này đòi hỏi cần có những phân tích cụ thể hơn nữa về các đặc trưng ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND. Đồng thời cũng chưa có những phân tích về mối quan hệ của lực lượng Công an với các lực lượng khác trong và ngoài ngành Công an khi tiến hành ADPL trong ĐTVÁ ma túy.

Thứ hai, các công trình khoa học trong nước có liên quan đến nội dung luận án hiện nay chưa đưa ra được hệ thống các giải pháp khả thi, toàn diện và khoa học nhằm bảo đảm cho lực lượng CAND thực hiện chức năng ADPL trong ĐTVÁ ma túy một cách hiệu quả, đặc biệt chưa đưa ra được các đánh

giá thực trạng hay dự báo về thuận lợi, khó khăn trong ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND... trong bối cảnh mới hiện nay khi có sự thay đổi sâu sắc trong tổ chức của lực lượng CAND (giải thể bộ máy của Công an cấp huyện) và các cơ quan có thẩm quyền khác tham gia phối hợp trong ADPL trong ĐTVÁ ma túy do quá trình tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta.

Thứ ba, hiện nay chưa có công trình nghiên cứu khoa học toàn diện, độc lập về ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND trên địa bàn khu vực Tây Bắc. Đây là địa bàn an ninh quốc phòng trọng yếu được Đảng, Nhà nước quan tâm đầu tư, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Vì vậy, khi lựa chọn nghiên cứu về khu vực Tây Bắc, cần có những khái quát về đặc điểm vị trí địa lý, tình hình dân cư, đặc trưng văn hóa xã hội và đưa ra những đánh giá, so sánh giữa khu vực Tây Bắc với các khu vực lân cận để có cái nhìn toàn diện về nguyên nhân, tính chất tội phạm, đặc biệt là tội phạm ma túy hiện đang diễn ra phức tạp tại địa bàn này.

Thứ tư, tội phạm ma túy tại khu vực Tây Bắc Việt Nam diễn biến ngày càng phức tạp với các phương thức và thủ đoạn hoạt động phạm tội tinh vi, xảo quyệt, đặc biệt là có yếu tố xuyên biên giới, xuyên quốc gia, xuyên khu vực, không lường trước được, gây nhiều khó khăn cho lực lượng CAND trong đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Nhận thức rõ ràng nội dung này khi nghiên cứu sẽ giúp cho NCS chú ý đến tính quốc tế hóa của tội phạm về ma túy (liên quốc gia, khu vực, quốc tế), từ đó hiểu rõ hơn nội dung ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND.

Nhìn chung, các công trình đã từng nghiên cứu từ trước đến nay chủ yếu tập trung phân tích quy định của pháp luật hình sự về tội phạm ma túy, diễn biến tăng, giảm của tình hình tội phạm về ma túy hiện nay thông qua các số liệu cụ thể để từ đó tìm ra nguyên nhân, giải pháp phòng ngừa khác

phục với biện pháp xã hội và biện pháp nghiệp vụ. Còn nhiều những khoảng trống về mặt lý luận cần được hoàn thiện để có sự thống nhất, phù hợp giữa lý luận với thực tiễn như: khái niệm, đặc điểm, nội dung quan hệ phối hợp giữa lực lượng CAND các tỉnh Tây Bắc với các lực lượng khác trong quá trình ADPL trong điều tra vụ án về ma túy... Các yếu tố về quy định pháp luật, về sự phối hợp giữa lực lượng Công an với các lực lượng chức năng tuy đã được đề cập, nghiên cứu nhưng vẫn còn rời rạc, chưa thống nhất và chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào đề cập chuyên sâu, toàn diện, có hệ thống về ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND nói chung, của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam nói riêng dưới góc độ nghiên cứu của chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Đặc biệt, trong bối cảnh đất nước ta đang diễn ra quá trình sáp nhập bộ máy chính quyền địa phương từ ba cấp xuống còn hai cấp và quá trình tinh gọn tổ chức bộ máy của lực lượng CAND cần có đánh giá về sự tác động bối cảnh lịch sử này đến hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*” có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu và không trùng lặp với bất cứ công trình nghiên cứu khoa học nào đã được công bố.

1.3.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Đánh giá tổng quan các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến luận án được trình bày ở trên cho thấy, đối với đề tài ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND trên địa bàn Tây Bắc Việt Nam, có bốn nhóm vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ, gồm:

Thứ nhất, đề tài cần đi sâu nghiên cứu, phân tích lý luận về ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND. Trong đó cần xây dựng được khái

niệm, làm rõ được các đặc điểm, vai trò, nội dung, các giai đoạn ADPL, phân tích các điều kiện bảo đảm ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND.

Thứ hai, luận án phân tích kinh nghiệm ĐTVA về ma túy của một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới, từ đó rút ra các giá trị tham khảo cho Việt Nam;

Thứ ba, luận án tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng, nhất là tình hình các loại tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc; đánh giá thực trạng ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc trong giai đoạn 2015 - 2024 thông qua các số liệu cụ thể, làm rõ kết quả đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Thứ tư, luận án luận giải các quan điểm và đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống, toàn diện và có tính khả thi nhằm bảo đảm ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc trong giai đoạn tới, khi bộ máy cơ quan chính quyền địa phương và tổ chức lực lượng CAND đã được tinh gọn, sắp xếp lại, và quá trình toàn cầu hóa trở nên sâu rộng hơn. Việc nghiên cứu đưa ra các giải pháp sẽ góp phần hạn chế tối đa nhóm tội phạm nguy hiểm này và bảo đảm luận án có ý nghĩa ứng dụng vào thực tiễn.

1.4. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu

ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND có vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc đấu tranh, ngăn chặn tội phạm ma túy. Thời gian qua hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc Việt Nam đã đạt được một số kết quả nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót cần khắc phục, trong khi đó tình hình tội phạm ma túy tại địa bàn các tỉnh Tây Bắc có xu hướng càng ngày càng phức tạp hơn, diễn biến khó lường về tính chất, mức độ và trong bối cảnh liên kết khu vực, quốc tế ngày càng mở rộng như hiện nay. Đặc biệt là sự ảnh hưởng từ cuộc cách

mạng về tinh gọn bộ máy ở nước ta. Do đó, để bảo đảm và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động này trong tình hình mới đòi hỏi phải có những giải pháp mang tính đồng bộ, phù hợp và khả thi nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND, đáp ứng thực tiễn yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy ở các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ giả thuyết trên, luận án đặt ra các câu hỏi cần phải trả lời như sau:

1. ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND là gì? Có đặc điểm gì khác biệt so với các hoạt động ADPL khác? Nội dung và các giai đoạn ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND như thế nào?

2. Thực trạng ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam hiện nay như thế nào? Có hạn chế, bất cập gì? Nguyên nhân những hạn chế, bất cập đó là gì?

3. Việc ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam hiện nay cần quán triệt những quan điểm nào? Để bảo đảm chất lượng hiệu quả hoạt động ADPL này trong thời gian tới cần phải thực hiện những giải pháp nào?

Kết luận chương 1

1. Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến ADPL trong ĐTVÁ về ma túy: đã chỉ ra tội phạm về ma túy không chỉ xâm hại đến sức khỏe con người mà còn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, hạnh phúc gia đình của các nạn nhân và người dân, bên cạnh đó loại tội phạm này còn tác động xấu đến sự phát triển bền vững về lối sống, phong tục tập quán tốt đẹp và ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình ANTT của đất nước. Một số công trình đã phân tích pháp luật quy định về ĐTVÁ ma túy và hoạt động ĐTVÁ về ma túy. Các công trình đó đã có vai trò nhất định trong việc hoàn thiện khung pháp lý quan trọng làm cơ sở cho các lực lượng chức năng, trong đó có lực lượng CAND thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tội phạm về ma túy.

2. Qua việc phân tích những công trình tiêu biểu đã công bố trong và ngoài nước liên quan đến tội phạm về ma túy, ĐTVÁ ma túy, ADPL trong ĐTVÁ ma túy, hoạt động phòng, chống tội phạm về ma túy của lực lượng CAND, NCS nhận thấy những nội dung có thể kế thừa cũng như thấy được những khoảng trống về lý luận cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung làm rõ để hoàn thiện. Có thể khẳng định, hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND các tỉnh Tây Bắc Việt Nam. Từ đó, NCS đã xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu nhằm luận giải và đưa ra các giải pháp mang tính hệ thống, toàn diện và có tính khả thi bảo đảm nội dung của một luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật.

3. NCS đã đặt ra giả thuyết nghiên cứu và các câu hỏi nghiên cứu cần được giải đáp thông qua việc nghiên cứu đề tài. Việc nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng; đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam là cần thiết, có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

2.1.1. Khái niệm điều tra các vụ án ma túy và áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân

2.1.1.1. Khái niệm điều tra các vụ án ma túy

Năm 1988, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã đưa ra định nghĩa: “Ma túy là bất kỳ một dạng chất nào, khi đưa vào cơ thể làm thay đổi trạng thái ý thức và hành vi như là kết quả tác động của chất đó lên hoạt động của não” [112]. Từ định nghĩa này có thể hiểu: “*Ma túy là một số chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi được đưa vào cơ thể con người qua đường tiêm, chích, hút, hít, nhai, nuốt... làm thay đổi trạng thái ý thức hoặc hành vi của người đó*”. Nếu lạm dụng các chất ma túy, người sử dụng sẽ bị lệ thuộc vào nó. Luật Phòng, chống ma túy (năm 2021) của Việt Nam xác định “chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành” [73].

ĐTVA hình sự là một giai đoạn của quá trình giải quyết VAHS. Thời điểm bắt đầu giai đoạn ĐTVA hình sự là khi có quyết định khởi tố VAHS của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Theo quy định của Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015: “Cơ quan CSĐT của CAND, bao gồm: Cơ quan CSĐT Bộ Công an; Cơ quan CSĐT Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh); Cơ quan CSĐT Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện)” [69].

Trên cơ sở đó, Cơ quan CSĐT có thẩm quyền trong CAND “áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật để thu thập chứng cứ, tài liệu cần thiết, làm rõ sự thật khách quan, toàn diện về VAHS để kết thúc ĐTVA hình sự” [69].

ĐTVA hình sự là giai đoạn độc lập của quá trình giải quyết VAHS, phục vụ cho việc thực hiện mục đích chung của quá trình giải quyết VAHS đó là “phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội”. Do đó, ở giai đoạn này Cơ quan CSĐT CAND các cấp được “áp dụng mọi biện pháp nghiệp vụ và biện pháp pháp luật theo luật định, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục TTHS để giải quyết VAHS”. Quá trình áp dụng những biện pháp hợp pháp theo luật định như hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để giải quyết làm rõ VAHS nói chung và các vụ án về ma túy nói riêng.

Như vậy, khái niệm ĐTVA về ma túy của lực lượng CAND có thể được tiếp cận như sau:

Thứ nhất, để ĐTVA về ma túy thì Cơ quan CSĐT có thẩm quyền trong CAND là chủ thể giữ vai trò chủ công, là chủ thể chính trong việc tổ chức ADPL trong ĐTVA. Các cơ quan, lực lượng khác có trách nhiệm tham gia, thực hiện các hoạt động ADPL khác theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, quá trình ĐTVA về ma túy của lực lượng CAND phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật như pháp luật hình sự, pháp luật TTHS, Luật Tổ chức CQĐT hình sự và các quy định có liên quan để làm sáng tỏ bản chất các vụ án về ma túy.

Thứ ba, các quyết định tố tụng, hành vi TTHS của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT phải bảo đảm áp dụng đúng căn cứ, thẩm quyền được pháp luật quy định.

Thứ tư, mục đích của hoạt động ĐTVA về ma túy là làm sáng tỏ bản chất các vụ án ma túy, các tình tiết liên quan đến vụ án ma túy, chứng minh tội phạm và người phạm tội, phục vụ hoạt động ADPL trong ĐTVA về ma túy.

Với cách tiếp cận nêu trên, có thể hiểu khái niệm về ĐTVA về ma túy của lực lượng CAND như sau:

“Điều tra vụ án về ma túy của lực lượng Công an nhân dân là quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp trong Công an nhân dân tiến hành tổng hợp các hoạt động theo trình tự, thủ tục tổ tụng hình sự, có sự phối hợp, hỗ trợ chặt chẽ của các cơ quan hữu quan và sử dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp nhằm phát hiện, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh làm rõ toàn bộ sự thật của vụ án về ma túy, phục vụ cho việc xử lý người phạm tội và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật”.

2.1.1.2. Khái niệm áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy

- Khái niệm áp dụng pháp luật

ADPL là một trong những hình thức thực hiện pháp luật. Theo đó, ADPL là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc các tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền, nhằm cá biệt hóa những quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức. Trong thực tiễn, ADPL được thực hiện trong các trường hợp như: cơ quan nhà nước có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý (áp dụng biện pháp chế tài) đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật (tội phạm, vi phạm hành chính,...) hoặc áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhà nước theo quy định pháp luật; khi nhà nước cần can thiệp để phát sinh, thay đổi quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể pháp luật; khi xảy ra tranh chấp mà các bên không tự giải quyết được, cần sự phán quyết từ phía nhà nước... ADPL phải thực hiện theo các giai đoạn cơ bản như: Xác định tình tiết của vụ việc thực tế; Lựa chọn quy phạm pháp luật có nội dung liên quan; Xác định hệ quả pháp lý

đối với các chủ thể có liên quan khi ADPL đã được chọn lựa phù hợp, ra quyết định hoặc phán quyết về vụ việc; Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản ADPL. Việc ADPL chính là môi trường kiểm nghiệm rõ nhất tính đúng đắn của quy định pháp luật, thể hiện tính quyền uy của pháp luật. Chính vì thế, trong quá trình ADPL, chủ thể ADPL, trong không ít trường hợp, phát hiện ra và đối mặt với tình huống quy định pháp luật có mâu thuẫn; quy phạm pháp luật có sự không rõ ràng, đa nghĩa...; có sự khuyết thiếu quy phạm pháp luật cần thiết...

Giáo trình Đại cương về nhà nước và pháp luật của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2017 nêu định nghĩa ADPL: “ADPL là hình thức thực hiện pháp luật chỉ dành cho cơ quan nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền. Đây là hình thức thực hiện pháp luật mà nhà nước, thông qua cơ quan của mình hoặc người có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện các quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể” [53, tr.181-182].

Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2023 xác định: “ADPL là hình thức thực hiện pháp luật của các cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền hoặc tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền. Đây là hình thức các chủ thể có thẩm quyền do pháp luật quy định giải quyết các vụ việc cụ thể xảy ra trong đời sống, nhằm xác định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý... cho các chủ thể cụ thể trong những trường hợp cụ thể” [92, tr.403].

Như vậy có thể hiểu ADPL là một hình thức thực hiện pháp luật trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật ra các quyết định áp dụng trong những trường hợp cụ thể của đời sống xã hội.

- Khái niệm ADPL trong điều tra các vụ án ma túy

ADPL trong ĐTVA hình sự là hình thức thực hiện pháp luật trong ĐTVA hình sự, trong đó, Nhà nước thông qua CQĐT và các cơ quan tổ chức khác có thẩm quyền dựa vào quy định pháp luật nhằm tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật TTHS. Chẳng hạn như, Thủ trưởng CQĐT khi tiến hành ĐTVA có nhiệm vụ và quyền hạn: “Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt” [70].

ADPL trong ĐTVA hình sự là hình thức luôn có sự tham gia của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và được tổ chức, tiến hành trong các trường hợp theo quy định chặt chẽ của pháp luật. Chẳng hạn: ADPL trong trường hợp cần áp dụng biện pháp cưỡng chế trong ĐTVA hình sự hay truy cứu TNHS đối với chủ thể vi phạm pháp luật. Ví dụ, áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, ra quyết định khởi tố bị can... Việc chủ thể vi phạm pháp luật không tự giác, không biết hoặc lẩn trốn việc bị truy cứu TNHS là đòi hỏi Cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền: “Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội” [69].

ADPL khi các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể tham gia TTHS trong ĐTVA hình sự không mặc nhiên sinh ra, thay đổi hoặc chấm dứt nếu thiếu sự can thiệp của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền. Chẳng hạn như, việc xác định địa vị pháp lý của một người hoặc pháp nhân trong TTHS là bị can là người hoặc pháp nhân thương mại bị khởi tố về hình sự. Và theo quy định tại Điều 179 Bộ luật TTHS năm 2015 thì chỉ có cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mới có thẩm quyền khởi tố bị can.

Từ đó có thể hiểu khái niệm ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND như sau:

“Áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân là một dạng hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp trong Công an nhân dân căn cứ vào quy định của pháp luật ban hành quyết định cá biệt (văn bản áp dụng pháp luật) làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn điều tra vụ án ma túy và tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, bảo đảm xử lý vụ án nghiêm minh, đúng pháp luật”.

Từ khái niệm nêu trên có thể thấy:

Thứ nhất, về chủ thể ADPL trong ĐTVÁ ma túy, đây là Cơ quan CSĐT các cấp trong CAND, là lực lượng được Nhà nước trao thẩm quyền tiến hành một số hoạt động TTHS theo quy định của Bộ luật TTHS hiện hành. Với tính chất là cơ quan được giao quyền lực nhà nước trong lĩnh vực điều tra, Cơ quan CSĐT có trách nhiệm thu thập chứng cứ, xác định sự thật khách quan của vụ án, làm rõ hành vi phạm tội và người phạm tội, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, người bị hại và các chủ thể khác. Trong quá trình này, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT vừa là người áp dụng trực tiếp các quy định pháp luật vào tình huống thực tế, vừa là người chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với mọi quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của mình. Do đó, năng lực pháp lý, phẩm chất chính trị, bản lĩnh và đạo đức nghề nghiệp của họ có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả của việc ADPL trong điều tra các vụ án ma túy.

Thứ hai, về cơ sở pháp lý của việc ADPL, hoạt động ĐTVÁ ma túy phải tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật hình sự và TTHS. Cụ thể, trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) quy định rõ về tội danh, dấu hiệu pháp lý và khung hình phạt của các hành vi phạm tội về ma túy; trong khi đó, Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2021, 2025)

xác định trình tự thủ tục, thẩm quyền và nguyên tắc tiến hành các hoạt động điều tra. Ngoài ra, còn có các văn bản hướng dẫn của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và các quy chế về phối hợp liên ngành. Cơ sở pháp lý này không chỉ là “khuôn khổ” để CQĐT vận dụng khi ban hành các quyết định cá biệt (như khởi tố, bắt, tạm giữ, khám xét, trưng cầu giám định...), mà còn là công cụ bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý, khách quan của toàn bộ quá trình điều tra. Việc nắm vững và vận dụng thống nhất các quy phạm pháp luật là điều kiện tiên quyết để tránh tình trạng lạm quyền, vi phạm tố tụng, đồng thời bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, xử lý tội phạm ma túy.

Thứ ba, kết quả của việc ADPL được thể hiện thông qua việc ban hành các quyết định cá biệt, tổ chức để thực hiện chúng trong thực tế. Mỗi hành vi và quyết định tố tụng, dù là khởi tố vụ án, khởi tố bị can, hay kết luận điều tra... đều là sản phẩm của quá trình ADPL có căn cứ, có cơ sở rõ ràng. Việc tổ chức thực hiện quyết định ADPL bảo đảm cho các quyền, nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể trong tố tụng được thực thi, đồng thời tạo điều kiện để vụ án được xử lý đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Đây chính là thước đo quan trọng phản ánh hiệu quả ADPL và vai trò của lực lượng CAND trong việc bảo vệ pháp chế XHCN, bảo đảm an ninh, TTATXH và bảo đảm thực thi công lý.

2.1.2. Đặc điểm của áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân

ADPL trong ĐTVÁ ma túy được thực hiện từ khi CQĐT tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm về ma túy, xác minh ra quyết định khởi tố vụ án ma túy và kết thúc khi CQĐT có bản kết luận điều tra đề nghị Viện Kiểm sát truy tố hoặc khi CQĐT, Viện Kiểm sát ra quyết định đình chỉ điều tra đối với vụ án. Những hành vi tố tụng của chủ thể có thẩm quyền trong giai đoạn ĐTVÁ ma túy là hình thức biểu hiện cụ thể trong quá trình tiến hành tố tụng các chủ thể

căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự và pháp luật TTHS và các văn bản pháp luật có liên quan để ban hành các văn bản ADPL cụ thể cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

Cũng như hoạt động ADPL nói chung, ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND “là hoạt động mang tính chất quyền lực nhà nước do CQĐT các cấp tiến hành theo trình tự, thủ tục chặt chẽ nhằm cá biệt hoá các quy phạm pháp luật hình sự về tội phạm ma túy và quy phạm pháp luật TTHS để giải quyết các vụ án ma túy”. Trong quá trình ADPL, các chủ thể tiến hành tố tụng có quyền lực nhà nước đề ra những quyết định TTHS có tính chất bắt buộc đối với các đối tượng bị áp dụng, nếu các đối tượng bị áp dụng không chấp hành có thể bị cưỡng chế. Quyết định ADPL của Cơ quan CSĐT có thẩm quyền bao gồm nhiều loại khác nhau, có loại là quyết định ADPL nội dung tức là quyết định áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự về tội phạm ma túy, có loại là quyết định ADPL hình thức, tức là quyết định áp dụng các quy phạm pháp luật TTHS mỗi loại quyết định ADPL có những nét đặc thù riêng.

Ngoài những đặc điểm của ADPL nói chung, ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND có những đặc điểm riêng có tính đặc thù sau đây:

Thứ nhất, ADPL trong ĐTVA về ma túy của lực lượng CAND là hoạt động ADPL của lực lượng CSĐT tội phạm ma túy - lực lượng chuyên trách, nắm vai trò nòng cốt nhất.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, có nhiều chủ thể có thẩm quyền ADPL điều tra các vụ án ma túy. Nếu đối tượng phạm tội ma túy thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự thì việc ĐTVA ma túy sẽ do CQĐT trong Quân đội nhân dân tiến hành điều tra. Chủ thể có thẩm quyền ADPL điều tra ban đầu (đối với các vụ án ma túy phạm tội ít nghiêm trọng) còn có thể là Bộ đội Biên phòng và Lực lượng Cảnh sát biển. Tuy nhiên, ADPL trong ĐTVA

về ma túy của lực lượng CAND là hoạt động ADPL của lực lượng CSĐT lực lượng chuyên trách, nắm vai trò nòng cốt nhất, đó là lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy.

Lực lượng CSĐT tội phạm ma túy bao gồm: “Cục CSĐT tội phạm về ma túy thuộc Bộ Công an; Phòng CSĐT tội phạm ma túy của Công an cấp tỉnh và các Đội CSĐT tội phạm ma túy của Công an cấp huyện” (trước ngày 01/3/2025). Từ ngày 01/3/2025, trên cả nước không còn tổ chức Công an cấp huyện nên thực tế lực lượng CSĐT tội phạm ma túy chỉ còn ở 2 cấp là cấp Bộ (Cục CSĐT tội phạm về ma túy) và cấp tỉnh (Phòng CSĐT tội phạm về ma túy). Đây là lực lượng chuyên trách, nòng cốt nhất trong số các lực lượng có thẩm quyền điều tra các vụ án ma túy. Có thể nói, hầu hết các vụ phạm tội ma túy ở nước ta là do lực lượng CSĐT tội phạm ma túy tiến hành các biện pháp điều tra để làm rõ, đây là lực lượng được trang bị những phương tiện kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ đặc thù để đấu tranh với nhóm tội phạm ma túy. Lực lượng CSĐT tội phạm ma túy có quyền áp dụng tất cả các biện pháp nghiệp vụ, các biện pháp TTHS cũng như áp dụng các quy định của BLHS về tội phạm ma túy để điều tra giải quyết vụ án.

Thứ hai, ADPL điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND là việc kết hợp chặt chẽ giữa ADPL về nội dung và ADPL về tố tụng.

Để điều tra các vụ án về ma túy, lực lượng CAND vừa phải áp dụng các quy định của BLHS (pháp luật về nội dung) và các quy định của Bộ luật TTHS (pháp luật về tố tụng). ADPL của CQĐT trong giai đoạn điều tra các vụ án ma túy chủ yếu là áp dụng các quy phạm pháp luật hình thức và mục đích của việc áp dụng này là để thực hiện các quy phạm pháp luật nội dung tức là các quy phạm pháp luật hình sự quy định về tội phạm ma túy. Vì vậy, có thể nói, áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS là điều kiện bắt buộc và là tiền đề cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự. Bộ luật TTHS năm 2015 [70] đã quy định cụ thể, chặt chẽ trình tự, thủ tục ADPL trong giai đoạn

điều tra các VAHS. Đây là những quy định quan trọng và cần thiết, thể hiện sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật nhằm bảo đảm cho việc ADPL được đúng đắn, khách quan, chính xác, không để xảy ra các oan sai hay bỏ lọt tội phạm trong quá trình giải quyết án hình sự.

Thứ ba, hoạt động ADPL điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND có tác động trực tiếp đến các quyền công dân rất cơ bản của đối tượng bị áp dụng, vì vậy đòi hỏi sự thận trọng, khách quan và sự kiểm soát của Viện Kiểm sát nhân dân.

Trong quá trình ADPL điều tra các vụ án ma túy đòi hỏi ĐTV phải thận trọng, khách quan trong việc xem xét, đánh giá các chứng cứ, tài liệu của các vụ án trước khi ra quyết định ADPL, bởi lẽ các quyết định đó đều tác động trực tiếp đến quyền cơ bản của đối tượng bị áp dụng.

Để bảo đảm quyền cơ bản của các đối tượng bị ADPL, lệnh, quyết định của CQĐT như lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam,... phải có sự phê chuẩn của Viện Kiểm sát nhân dân. Đây là điều kiện bắt buộc để những lệnh, quyết định của CQĐT có giá trị pháp lý. Pháp luật cũng trao cho Viện Kiểm sát quyền áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các quyết định ADPL không có căn cứ hoặc không cần thiết của CQĐT. Vì vậy, CQĐT phải nghiên cứu kỹ hồ sơ để đưa ra những quyết định, lệnh nhằm ĐTV ma túy có đầy đủ căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Nếu Viện Kiểm sát yêu cầu CQĐT bổ sung căn cứ cho việc ban hành quyết định, CQĐT phải bổ sung căn cứ chứng minh tội phạm về ma túy.

Thứ tư, điều tra các vụ án về ma túy là hoạt động ADPL cá biệt do CQĐT thực hiện đối với các vụ án về ma túy. Các hoạt động ADPL này làm phát sinh mối quan hệ giữa một bên là Nhà nước (đại diện là CQĐT, Viện Kiểm sát) với một bên là đối tượng phạm tội về ma túy. Trong mối quan hệ này, Nhà nước với tư cách là chủ thể bảo vệ lợi ích của xã hội có quyền áp

dụng các biện pháp cưỡng chế, các quyết định mang tính bắt buộc đối với các đối tượng phạm tội ma túy là những chủ thể gây nguy hiểm cho xã hội.

Ngoài ra, ADPL trong giai đoạn ĐTVA ma túy còn làm phát sinh mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng với nhau, đó là mối quan hệ giữa Viện Kiểm sát và CQĐT. Mối quan hệ giữa Viện Kiểm sát và CQĐT là mối quan hệ vừa có tính chất quyết định - chấp hành, vừa mang tính phối hợp để bảo đảm vụ án ma túy được giải quyết đúng đắn, toàn diện, khách quan và kịp thời. Trên cơ sở những quy phạm pháp luật hình sự về tội phạm ma túy và những quan hệ pháp luật TTHS, CQĐT và Viện Kiểm sát vận dụng để giải quyết các mối quan hệ phát sinh trong quá trình ĐTVA ma túy. Kết quả của hoạt động ADPL trong giai đoạn này là những văn bản ADPL, các văn bản ADPL phải bảo đảm có căn cứ và đúng pháp luật và phải được ban hành theo trình tự, thủ tục chặt chẽ được pháp luật quy định. Mục đích của việc ban hành các văn bản ADPL trong giai đoạn này nhằm bảo đảm việc điều tra các vụ án ma túy được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Thứ năm, ADPL điều tra các vụ án về ma túy là hoạt động ADPL có tính đặc thù, tương đối khác biệt so với điều tra các vụ án liên quan đến các loại tội phạm khác.

Tính đặc thù này xuất phát từ bản chất phức tạp, tinh vi và thường xuyên biến đổi của tội phạm ma túy, đặc biệt là phương thức và các thủ đoạn phạm tội càng ngày càng đa dạng, tinh vi và có tính chất xuyên quốc gia. Trong quá trình điều tra, các chủ thể ADPL không chỉ dựa trên chứng cứ thu thập được tại hiện trường hay lời khai của người phạm tội mà còn phải khai thác, sử dụng có hiệu quả kết quả hoạt động của các cơ quan chuyên môn khác, đặc biệt là kết quả giám định kỹ thuật hình sự. Đây được coi là nguồn chứng cứ quan trọng, có tính chất quyết định trong việc xác định sự thật

khách quan của vụ án. Kết quả giám định về chất ma túy thường có vai trò then chốt để xác định có hay không hành vi phạm tội, tức là quyết định việc có tội phạm hay không có tội phạm đã được quy định tại các điều khoản cụ thể trong BLHS năm 2015 (sửa đổi năm 2017 và năm 2025). Ví dụ, Điều 251 về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” quy định rất rõ ràng về khối lượng, loại chất ma túy làm căn cứ định tội và định khung hình phạt [71]. Nếu kết quả giám định cho thấy chất thu giữ không phải là ma túy hoặc khối lượng không đủ cấu thành tội phạm thì có thể phải đình chỉ điều tra để tránh oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, kết quả giám định cũng giúp xác định tội danh cụ thể, bởi có nhiều trường hợp hành vi ban đầu có dấu hiệu vi phạm về ma túy nhưng kết quả giám định lại cho thấy chất thu giữ là tiền chất ma túy, tiền chất bị kiểm soát đặc biệt hoặc là chất khác, từ đó dẫn đến việc áp dụng quy phạm pháp luật khác, phù hợp hơn với tính chất và mức độ của hành vi vi phạm. Chính vì vậy, quá trình ADPL trong điều tra các vụ án ma túy đòi hỏi Cơ quan CSĐT có thẩm quyền không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Bộ luật TTHS mà còn phải tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan giám định chuyên ngành như Viện Khoa học hình sự, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh. Sự phối hợp này cần kịp thời, thường xuyên, đúng quy trình và bảo đảm tính chính xác tuyệt đối của kết quả giám định. Bên cạnh đó, cần thiết phải tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan khác như hải quan, bộ đội biên phòng, lực lượng kiểm soát ma túy quốc tế, nhất là đối với các vụ án có yếu tố nước ngoài, tội phạm có tổ chức, đường dây ma túy xuyên biên giới.

Thứ sáu, ADPL trong điều tra các vụ án ma túy thường gắn liền với yếu tố xuyên biên giới, tội phạm có tổ chức và thủ đoạn phạm tội đặc biệt tinh vi, đồng thời, gắn với quy trình tố tụng đặc thù khi có thể áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Các đối tượng phạm tội về ma túy thường lợi dụng địa hình biên giới phức tạp, đường mòn, lối mở hoặc nguy trang trong hoạt động xuất nhập khẩu, vận tải quốc tế, bưu chính, thương mại điện tử để cất

giấu, vận chuyển ma túy. Nhiều đường dây ma túy còn sử dụng công nghệ cao, drone, flycam, tiền “ảo” và các nền tảng mạng xã hội để giao dịch, điều hành hoạt động phạm tội từ xa, khiến cho việc điều tra, thu thập chứng cứ gặp khó khăn hơn nhiều so với các loại án hình sự khác. Đặc biệt, trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT có thể phải áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025) như: “ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử”. Tuy nhiên, nếu việc tổ chức thực hiện các biện pháp này không đúng quy trình, vượt quá giới hạn luật định thì sẽ tiềm ẩn nguy cơ vi phạm quyền con người, làm phát sinh rủi ro về tính hợp pháp của chứng cứ. Do đó, quá trình ADPL trong điều tra các vụ án ma túy không chỉ đòi hỏi sự chính xác, thận trọng ở mức độ cao hơn mà còn yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong nước và quốc tế, vừa bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, vừa bảo đảm nguyên tắc thượng tôn pháp luật trong TTHS.

2.1.3. Vai trò của áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân

Vai trò của ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND thể hiện trên các mặt cơ bản sau:

Thứ nhất, ADPL trong điều tra các vụ án ma túy có vai trò đặc biệt quan trọng, là tiền đề để thực hiện các giai đoạn tố tụng hình sự tiếp theo của việc giải quyết vụ án về ma túy.

Trong giai đoạn điều tra các vụ án ma túy, CQĐT xác định có hay không có tội phạm xảy ra, xác định người thực hiện hành vi phạm tội, thu thập chứng cứ, tài liệu, vật chứng nhằm phục vụ cho việc giải quyết các vụ án ma túy. Đây là những công việc hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến kết quả giải quyết VAHS. Để thực hiện tốt hoạt động này, Cơ quan CSĐT có thẩm quyền cần tiến hành thu thập, đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ, toàn

diện, khách quan, chính xác. Các chứng cứ phải được thu thập từ nguồn chứng cứ là: “Vật chứng, lời khai, lời trình bày, dữ liệu điện tử, kết luận giám định, định giá tài sản, biên bản của hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác và các đồ vật, tài liệu khác”. Ngoài ra, CQĐT cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thu thập thông tin, tài liệu chứng cứ. Ví dụ trong một số trường hợp, khi cần xác định bị can có đủ năng lực chịu TNHS hay không, CQĐT cần phối hợp với cơ quan y tế để tiến hành giám định tâm thần.

Như vậy, ADPL trong ĐTVÁ ma túy có vai trò hết sức quan trọng, là giai đoạn mang tính tiền đề trong quy trình tố tụng giải quyết VAHS.

Thứ hai, ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và kỷ cương pháp luật.

Bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và các quyền lợi ích cơ bản của cá nhân là nhiệm vụ chung của lực lượng CAND. Thông qua thực tiễn ADPL trong điều tra vụ án ma túy, Nhà nước xây dựng, củng cố và tăng cường quyền lực, đồng thời là phương tiện hữu hiệu nhất để Nhà nước quản lý các mặt của đời sống xã hội. Cũng như các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội, ADPL trong điều tra các vụ án ma túy có vai trò bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bảo đảm an ninh chính trị, TTATXH, giữ vững kỷ cương phép nước và tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Thông qua hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án ma túy, Nhà nước tiến hành các hoạt động cần thiết để xử lý người phạm tội, góp phần bảo vệ an ninh chính trị và TTATXH.

Thứ ba, ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND góp phần nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống ma túy.

Thông qua ADPL trong điều tra các vụ án ma túy có thể xác định được những hạn chế, bất cập trong pháp luật về tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm

về ma túy; về giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và khởi tố vụ án ma túy; pháp luật về khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn; trong áp dụng các biện pháp điều tra TTTHS để chứng minh tội phạm và người phạm tội; trong kết thúc ĐTVA ma túy. Từ đó, Cơ quan CSĐT có thẩm quyền tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy định của pháp luật liên quan đến điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND.

Thứ tư, ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND góp phần thúc đẩy quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Quá trình ĐTVA hình sự nói chung và ADPL trong điều tra các vụ án ma túy nói riêng đòi hỏi có sự hợp tác của nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau. Đây là xu thế tất yếu để mỗi quốc gia, dân tộc, vùng lãnh thổ phát huy các tiềm năng, thế mạnh của mình, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ, hợp tác từ các đối tác. Đại hội lần thứ XIII của Đảng ta đã yêu cầu “chủ động, tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh”, đồng thời “chủ động chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống” [39]. Thời gian gần đây, tình hình sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng các chất ma túy ở khu vực và trên thế giới diễn biến rất phức tạp; hoạt động sản xuất, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, đặc biệt là ma túy tổng hợp tiếp tục gia tăng; tội phạm ma túy gia tăng các hoạt động phạm tội cả về quy mô, tính chất và mức độ nghiêm trọng với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, gây khó khăn trong công tác phòng ngừa, đấu tranh. Vì vậy, việc ADPL trong điều tra các vụ án ma túy góp phần khẳng định chủ trương của Đảng, Nhà nước ta là không khoan nhượng với tội phạm ma túy và tiếp tục theo đuổi mục tiêu lâu dài hướng tới một khu vực không ma túy, cân bằng giữa giảm cung, giảm cầu, giảm tác hại thông qua các biện pháp thực thi pháp luật và các giải pháp kinh tế - xã hội nhằm loại bỏ các nguyên nhân sâu xa dẫn đến tệ nạn ma túy, đồng thời chú trọng hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy

trên nguyên tắc của 03 Công ước quốc tế về phòng, chống ma túy. Như vậy có thể nói, ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy đã tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế của Việt Nam trong phòng, chống tội phạm ma túy.

2.1.4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân

Trong toàn bộ tiến trình ĐTVA hình sự nói chung và ĐTVA ma túy nói riêng, hoạt động ADPL giữ vai trò trung tâm, là khâu trực tiếp hiện thực hóa các quy định của pháp luật thông qua những hành vi pháp lý cụ thể của CQĐT và người tiến hành tố tụng. Chất lượng và hiệu quả của ADPL quyết định trực tiếp đến việc bảo đảm pháp chế XHCN, hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy cũng như việc tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân. Do đó, ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND phải được thực hiện trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc cơ bản sau đây:

Thứ nhất, ADPL phải bảo đảm tính pháp chế.

Tính pháp chế là nguyên tắc nền tảng, xuyên suốt toàn bộ hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy. Nguyên tắc này đòi hỏi mọi quyết định và hành vi tố tụng của CQĐT, ĐTV, CBĐT phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng căn cứ pháp luật, đúng trình tự, thủ tục và hình thức theo quy định của pháp luật hình sự và pháp luật TTHS. Việc ADPL không được mang tính tùy tiện, cảm tính mà phải dựa trên các căn cứ khách quan, hợp pháp, phù hợp với những điều kiện mà quy phạm pháp luật đã dự liệu.

Trong điều tra các vụ án ma túy, việc bảo đảm tính pháp chế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là yêu cầu pháp lý bắt buộc mà còn là “hàng rào” bảo vệ uy tín của lực lượng CAND, phòng ngừa các hành vi vi phạm như làm sai lệch hồ sơ, bỏ lọt tội phạm, dung túng, bao che hoặc xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Đồng thời, nguyên tắc này cũng đặt ra yêu cầu đối với ĐTV, CBĐT trong việc nâng cao năng lực nhận thức, lý

giải và áp dụng pháp luật một cách chính xác, thống nhất, tránh tình trạng hiểu sai hoặc vận dụng sai quy định pháp luật.

Thứ hai, ADPL phải được thực hiện theo quy trình chặt chẽ: xác minh, lựa chọn quy phạm pháp luật, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện.

ADPL trong ĐTVA ma túy là một quá trình có tính hệ thống, không phải là hành vi pháp lý đơn lẻ, mà phải được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, logic và liên hoàn. Trước hết, CQĐT phải tiến hành xác minh, làm rõ các tình tiết, dấu hiệu của vụ việc trên cơ sở thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện. Chỉ khi có đủ căn cứ xác đáng về hành vi vi phạm pháp luật thì mới được chuyển sang giai đoạn lựa chọn và áp dụng quy phạm pháp luật tương ứng.

Tiếp theo, việc lựa chọn quy phạm pháp luật phải bảo đảm chính xác, phù hợp với bản chất hành vi, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và vai trò của từng đối tượng trong vụ án. Trên cơ sở đó, các quyết định tố tụng như khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn, quyết định điều tra, kết luận điều tra... phải được ban hành đúng hình thức, đúng thẩm quyền và có căn cứ pháp lý rõ ràng. Cuối cùng, tổ chức thực hiện các quyết định ADPL phải bảo đảm tính nghiêm túc, kịp thời, thống nhất, tránh hình thức hoặc làm sai lệch nội dung pháp lý của quyết định đã ban hành.

Đối với các vụ án ma túy, đặc biệt là các vụ có tổ chức, xuyên biên giới, hành vi phạm tội thường được che giấu tinh vi dưới các hoạt động hợp pháp, nên việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình ADPL có ý nghĩa quyết định trong việc xác định đúng tội danh, đúng người, đúng hành vi, tránh oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ ba, áp dụng pháp luật phải bảo đảm tính khách quan, thận trọng và tôn trọng quyền con người.

Nguyên tắc này phản ánh trực tiếp yêu cầu khách quan và nhân văn trong hoạt động ĐTVA ma túy. Mọi quyết định ADPL phải được đặt trên nền

tăng của sự thật khách quan, không bị chi phối bởi áp lực thành tích, dư luận xã hội, mệnh lệnh hành chính trái pháp luật hoặc cảm tính cá nhân. Việc đánh giá chứng cứ, xác định hành vi phạm tội, vai trò của từng bị can phải được thực hiện một cách thận trọng, toàn diện và công bằng, đặc biệt trong các vụ án có nhiều đối tượng tham gia, quan hệ đồng phạm phức tạp hoặc đối tượng cầm đầu chưa bị bắt giữ.

Bên cạnh đó, ADPL trong ĐTVÁ ma túy phải gắn chặt với yêu cầu tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Mọi biện pháp điều tra, nhất là các biện pháp hạn chế quyền tự do cá nhân, phải được áp dụng trong giới hạn cần thiết, có căn cứ pháp luật rõ ràng và chịu sự kiểm soát chặt chẽ theo quy định của pháp luật TTHS. Trong các trường hợp đặc thù như người chưa thành niên, người nghiện ma túy hoặc người phạm tội do bị lôi kéo, cưỡng ép, việc ADPL cần được thực hiện với thái độ thận trọng, nhân đạo, kết hợp hài hòa giữa xử lý hình sự với mục tiêu giáo dục, phòng ngừa và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội.

Việc bảo đảm tính khách quan, thận trọng và tôn trọng quyền con người không chỉ góp phần nâng cao chất lượng điều tra, hạn chế oan, sai mà còn củng cố niềm tin của nhân dân đối với hoạt động của lực lượng CAND và hiệu lực của pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

2.2. NỘI DUNG, CÁC GIAI ĐOẠN VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

2.2.1. Nội dung áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân

Nội dung của ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND bao gồm: “ADPL trong tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo, hồ sơ ban đầu về tội phạm ma túy; ADPL trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can phạm tội về ma túy; ADPL trong áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can phạm tội về ma túy;

ADPL trong tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm về ma túy và ADPL trong hoạt động kết thúc ĐTVA ma túy’.

2.2.1.1. Áp dụng pháp luật trong tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo, hồ sơ ban đầu về tội phạm ma túy

Tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm ma túy là khâu mở đầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình ĐTVA hình sự, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả của cả chuỗi các hoạt động tố tụng tiếp theo. Lực lượng CAND giữ vai trò chủ công trong việc chủ động phát hiện, tiếp nhận, ghi nhận và xác minh ban đầu các nguồn tin liên quan đến tội phạm ma túy. Đây là giai đoạn nhằm phát hiện sớm dấu hiệu phạm tội, kịp thời ngăn chặn hậu quả và tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động điều tra tiếp theo.

Trong thực tiễn, nhiều vụ án ma túy lớn được phát hiện từ những nguồn tin ban đầu rất nhỏ lẻ, xuất phát từ quần chúng nhân dân, các lực lượng chức năng khác hoặc từ hệ thống cơ sở dữ liệu nghiệp vụ. Do đó, việc tiếp nhận và xử lý kịp thời, đúng pháp luật các tố giác, tin báo không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả phát hiện tội phạm mà còn củng cố niềm tin của nhân dân đối với hoạt động bảo vệ pháp luật.

Sau khi tiếp nhận, lực lượng CAND có trách nhiệm tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ nhằm đánh giá tính xác thực, hợp pháp và có căn cứ của nguồn tin. Đối với tội phạm ma túy, đây là công việc đặc biệt khó khăn do hành vi phạm tội thường được che giấu tinh vi, sử dụng công nghệ cao hoặc thông qua các hoạt động hợp pháp để ngụy trang. Việc xác minh đòi hỏi cán bộ có trình độ chuyên môn, hiểu biết sâu về đặc điểm tội phạm ma túy và khả năng xử lý tình huống pháp lý phức tạp.

Trên cơ sở kết quả xác minh, CQĐT tiến hành xử lý hồ sơ ban đầu, tổng hợp tài liệu, chứng cứ làm căn cứ xem xét việc khởi tố vụ án. Trong quá trình này, CQĐT phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc khách quan, toàn diện; không được tùy tiện bác bỏ tin báo khi chưa xác minh, cũng không được

hợp thức hóa những nguồn tin thiếu căn cứ. Việc vi phạm các quy định về tiếp nhận, xử lý tin báo có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng như bỏ lọt tội phạm, oan sai hoặc xâm phạm quyền con người, quyền công dân.

2.2.1.2. Áp dụng pháp luật trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can phạm tội về ma túy

Khởi tố vụ án và khởi tố bị can là giai đoạn mở đầu chính thức của TTHS, có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ hướng đi của quá trình điều tra. Đối với các vụ án ma túy, việc ADPL trong khâu khởi tố đòi hỏi phải chính xác, kịp thời và tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật TTHS.

Lực lượng CAND có trách nhiệm trực tiếp xác lập căn cứ khởi tố, ban hành các quyết định tố tụng và phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát nhân dân để bảo đảm tính hợp pháp, khách quan của quyết định khởi tố. Việc khởi tố không chỉ là áp dụng máy móc các quy định pháp luật mà đòi hỏi sự đánh giá đúng bản chất pháp lý của hành vi, mức độ nguy hiểm cho xã hội và vai trò của từng đối tượng trong vụ án.

Trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy, phần lớn các vụ án được khởi tố trên cơ sở bắt quả tang, thông qua các biện pháp nghiệp vụ hoặc từ tin báo của quần chúng nhân dân. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trinh sát, điều tra, giám định và pháp chế nhằm kịp thời thu thập, củng cố chứng cứ một cách hợp pháp.

Đối với khởi tố bị can, CQĐT phải có đủ căn cứ xác định rõ cá nhân thực hiện hành vi phạm tội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, động cơ, mục đích phạm tội. Quyết định khởi tố bị can phải thể hiện rõ hành vi cụ thể, tội danh và được gửi kịp thời cho Viện kiểm sát để thực hiện chức năng kiểm sát.

Trong ADPL ở giai đoạn này, cần đặc biệt thận trọng đối với các đối tượng đặc thù như người dưới 18 tuổi, người có bệnh lý về tâm thần, người nước ngoài hoặc người được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao. Việc xử lý

các trường hợp này phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên [70].

Khởi tố sai đối tượng, sai tội danh hoặc vi phạm trình tự, thủ tục sẽ kéo theo những hệ quả pháp lý nghiêm trọng như đình chỉ vụ án, hủy quyết định tố tụng hoặc phát sinh trách nhiệm pháp lý đối với người tiến hành tố tụng. Vì vậy, việc nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng ADPL và tăng cường phối hợp với Viện kiểm sát và Tòa án là yêu cầu thường xuyên đối với lực lượng CAND.

2.2.1.3. Áp dụng pháp luật trong áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can phạm tội về ma túy

Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can phạm tội về ma túy là một nội dung quan trọng trong công tác điều tra của lực lượng CAND. Hoạt động này được thực hiện nhằm bảo đảm quá trình điều tra, truy tố, xét xử diễn ra thuận lợi, ngăn ngừa bị can tiếp tục phạm tội, bỏ trốn hoặc gây khó khăn cho quá trình tố tụng. Theo quy định tại Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025), các biện pháp ngăn chặn bao gồm: “Giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Bắt người (đối với người phạm tội quả tang); Bắt bị can, bị cáo để tạm giam; Tạm giữ; Tạm giam; Bảo lĩnh; Đặt tiền để bảo đảm; Cấm đi khỏi nơi cư trú; Tạm hoãn xuất cảnh” [70].

Áp dụng biện pháp ngăn chặn là nội dung quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử diễn ra thuận lợi, đồng thời ngăn ngừa bị can bỏ trốn, tiếp tục phạm tội hoặc cản trở hoạt động tố tụng. Trong các vụ án ma túy, do tính chất đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm của hành vi, việc lựa chọn và áp dụng biện pháp ngăn chặn phù hợp có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả điều tra.

Trên thực tế, biện pháp tạm giam được áp dụng phổ biến đối với bị can phạm tội ma túy, nhất là trong các vụ án có tổ chức, xuyên quốc gia hoặc có nguy cơ cao về bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ. Việc áp dụng tạm giam phải dựa

trên căn cứ rõ ràng và chịu sự kiểm sát chặt chẽ của Viện kiểm sát nhằm bảo đảm tính hợp pháp.

Đối với những trường hợp không thật sự cần thiết phải tạm giam hoặc bị can có nhân thân đặc biệt, CQĐT có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác ít xâm phạm hơn đến quyền tự do cá nhân như cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh hoặc đặt tiền để bảo đảm. Tuy nhiên, đối với tội phạm ma túy, các biện pháp này cần được cân nhắc thận trọng để tránh bị lợi dụng nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý.

Các biện pháp như giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang thường xuyên được áp dụng trong các vụ án ma túy và đòi hỏi CQĐT phải tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn và chế độ thông báo, phê chuẩn, nhằm bảo đảm quyền con người và tránh vi phạm pháp luật tố tụng.

2.2.1.4. Áp dụng pháp luật trong bảo đảm quyền bào chữa của người bị bắt giữ, bị can, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố về các tội phạm ma túy

Khi tham gia tố tụng, người bào chữa có quyền có mặt khi lấy lời khai, hỏi cung; được thông báo trước về thời gian, địa điểm tiến hành các hoạt động điều tra; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại hoặc định giá lại tài sản. Trong trường hợp bắt, tạm giữ người, người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền hoặc từ khi có quyết định tạm giữ. Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định bắt buộc phải có người bào chữa đối với bị can, bị cáo về tội có mức hình phạt cao nhất từ 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Đối với các tội phạm về ma túy, việc bảo đảm quyền bào chữa càng có ý nghĩa đặc biệt do tính chất nghiêm trọng, phức tạp và khung hình phạt rất

ngghiêm khắc của nhóm tội phạm này. Nhiều tội danh về ma túy có mức hình phạt cao nhất đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình, nên trên thực tế phần lớn các vụ án ma túy đều thuộc trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa.

Các vụ án ma túy thường gắn với hoạt động điều tra đặc thù như bắt quả tang, khám xét khẩn cấp, thu giữ, niêm phong và giám định chất ma túy. Nếu thiếu sự tham gia kịp thời của người bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội dễ bị xâm phạm, nhất là trong quá trình lấy lời khai, hỏi cung, xác định vai trò đồng phạm và mục đích thực hiện hành vi phạm tội. Người bào chữa giữ vai trò quan trọng trong việc giám sát tính hợp pháp của các biện pháp tố tụng và bảo đảm chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục.

Ngoài ra, trong các vụ án ma túy, nhiều người bị bắt giữ, bị can có trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, tâm lý hoang mang, lo sợ trước mức hình phạt nghiêm khắc, dẫn đến nguy cơ khai báo không đầy đủ hoặc không chính xác. Việc bảo đảm quyền bào chữa ngay từ giai đoạn đầu giúp người bị buộc tội hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của mình, khai báo trung thực và góp phần phòng ngừa oan, sai.

2.2.1.5. Áp dụng pháp luật trong tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm về ma túy

Trong điều tra các vụ án ma túy, ADPL trong việc tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng nhằm thu thập chứng cứ giữ vai trò trung tâm, có ý nghĩa quyết định trong việc làm rõ sự thật khách quan của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị can và tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động truy tố, xét xử. Đây là giai đoạn trực tiếp hiện thực hóa các quy định của pháp luật TTHS, do đó đòi hỏi CQĐT phải tuân thủ nghiêm ngặt thẩm quyền, trình tự, thủ tục và bảo đảm tính hợp pháp của chứng cứ.

Lấy lời khai và hỏi cung bị can là biện pháp điều tra quan trọng nhằm thu thập thông tin trực tiếp từ người bị buộc tội. Trong các vụ án ma túy, hoạt

động này tập trung làm rõ nguồn gốc ma túy, phương thức tổ chức phạm tội, tuyến đường vận chuyển và vai trò của từng đối tượng. Quá trình hỏi cung phải bảo đảm quyền và nghĩa vụ của bị can, không sử dụng các biện pháp trái pháp luật; biên bản hỏi cung phải được lập đầy đủ, chính xác để bảo đảm giá trị chứng minh.

Khám xét là biện pháp thường xuyên được áp dụng nhằm thu giữ ma túy, công cụ, phương tiện phạm tội và các vật chứng liên quan. Do trực tiếp tác động đến quyền con người, việc khám xét phải được tiến hành thận trọng, công khai, minh bạch, có căn cứ pháp lý rõ ràng và được lập biên bản chi tiết nhằm bảo đảm tính khách quan, hợp pháp của chứng cứ.

Khám nghiệm hiện trường và khám nghiệm tử thi là các biện pháp cần thiết nhằm thu thập dấu vết, vật chứng phục vụ điều tra. Trong các vụ án ma túy, hiện trường có thể là nơi sản xuất, tàng trữ, mua bán hoặc sử dụng ma túy. Quá trình khám nghiệm phải bảo đảm không làm thay đổi hiện trạng ban đầu, đồng thời ghi nhận chính xác mọi dấu vết liên quan. Kết quả khám nghiệm được ghi chép chi tiết trong biên bản và kèm theo sơ đồ, ảnh chụp hoặc video để làm tài liệu chứng minh trong hồ sơ vụ án.

Trung cầu giám định cũng là một nội dung quan trọng trong điều tra các vụ án ma túy. CQĐT có trách nhiệm gửi các mẫu vật như ma túy, dụng cụ, thiết bị liên quan đến tội phạm đến cơ quan giám định để tiến hành giám định theo quy định. Kết quả giám định không chỉ giúp làm rõ bản chất hành vi phạm tội mà còn là căn cứ pháp lý để truy tố các đối tượng theo đúng khung hình phạt quy định trong BLHS.

Lấy lời khai của người làm chứng và thu thập tài liệu từ các nguồn tin khác là hoạt động bổ sung quan trọng, giúp làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án. CQĐT phải bảo đảm việc ghi nhận lời khai của nhân chứng được thực hiện đầy đủ, chính xác, không gây áp lực hoặc ảnh hưởng đến tính trung thực của nhân chứng. Ngoài ra, các tài liệu, thông tin từ nguồn tin báo, tố giác hoặc

các cơ quan, tổ chức khác cũng cần được xác minh, đối chiếu để bảo đảm tính khách quan.

Đối với các vụ án ma túy đặc biệt nghiêm trọng, có tổ chức chặt chẽ, thủ đoạn tinh vi, CQĐT có thể áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như: “ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật, thu thập bí mật dữ liệu điện tử”. Do các biện pháp này liên quan trực tiếp đến quyền bí mật đời tư, việc áp dụng phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của Bộ luật TTHS về thẩm quyền, điều kiện, phạm vi và thời hạn, tránh lạm dụng.

Hoạt động tiến hành các biện pháp điều tra TTHS trong điều tra các vụ án ma túy không chỉ đòi hỏi CQĐT trong CAND tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật mà còn phải bảo đảm tính linh hoạt, sáng tạo trong xử lý các tình huống thực tiễn. Việc sử dụng các biện pháp điều tra phù hợp không chỉ góp phần chứng minh hành vi phạm tội mà còn bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, bảo đảm sự công bằng và minh bạch trong hoạt động tố tụng.

2.2.1.6. Áp dụng pháp luật trong hoạt động kết thúc điều tra vụ án ma túy

Kết thúc ĐTVA ma túy là giai đoạn đánh dấu việc hoàn tất hoạt động điều tra và chuyển hồ sơ vụ án sang Viện kiểm sát để thực hiện chức năng truy tố. Đây là giai đoạn tổng hợp, đánh giá toàn diện các chứng cứ đã thu thập và thể hiện rõ trình độ, bản lĩnh ADPL của lực lượng điều tra trong CAND.

CQĐT có trách nhiệm rà soát, đánh giá khách quan, đầy đủ toàn bộ chứng cứ, bảo đảm tất cả tài liệu, vật chứng đều được thu thập hợp pháp, có giá trị chứng minh và phù hợp với cấu thành tội phạm về ma túy theo BLHS [71]. Việc xác định đúng tội danh, đúng vai trò của từng bị can là yêu cầu bắt buộc nhằm tránh truy tố sai người, sai tội.

Một nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là lập bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố theo quy định của Bộ luật TTHS [71]. Bản kết luận điều tra

phải bảo đảm tính chặt chẽ, logic, thể hiện đầy đủ diễn biến hành vi phạm tội, các chứng cứ buộc tội và gỡ tội, đồng thời kiến nghị hướng xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và các vấn đề liên quan khác.

Trong các vụ án ma túy phức tạp, liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia, CQĐT cần phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát, Tòa án, các cơ quan giám định chuyên môn và trong nhiều trường hợp là các tổ chức quốc tế, bảo đảm tuân thủ pháp luật trong nước và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc năm 1988 [112].

Bên cạnh đó, ADPL trong giai đoạn kết thúc điều tra phải bảo đảm đầy đủ quyền con người trong TTHS, nhất là quyền bào chữa, quyền tiếp cận hồ sơ vụ án của bị can. Việc đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra chỉ được thực hiện khi có căn cứ pháp luật rõ ràng, bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội và tránh bỏ lọt tội phạm. Điều này góp phần nâng cao tính chính danh, minh bạch và hiệu quả của hoạt động điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND.

2.2.2. Các giai đoạn áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân

2.2.2.1. Phân tích tình tiết khách quan, sự kiện pháp lý trong điều tra vụ án về ma túy

Phân tích tình tiết khách quan và sự kiện pháp lý là giai đoạn có ý nghĩa then chốt đối với việc ADPL một cách chính xác và kịp thời trong hoạt động điều tra của lực lượng CAND. Trên cơ sở phân tích này, những người tiến hành tố tụng, đặc biệt là Cơ quan CSĐT có thẩm quyền sẽ làm rõ tính chất, mức độ, quy mô và phương thức phạm tội của các đối tượng liên quan, từ đó quyết định việc sử dụng các biện pháp điều tra phù hợp và hợp pháp theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025).

Giai đoạn này thường bắt đầu ngay sau khi có dấu hiệu tội phạm ma túy thông qua các nguồn tin như “tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố, hoặc bắt

quả tang hành vi phạm tội”. Theo đó, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV và CBĐT được phân công ĐTVÁ có trách nhiệm phân tích, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ ban đầu để xác định rõ đâu là tình tiết khách quan của vụ án, tức là những tình tiết phản ánh trung thực diễn biến khách quan của hành vi phạm tội; đâu là sự kiện pháp lý, tức là những yếu tố có giá trị làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các quan hệ pháp lý trong VAHS. Đây chính là cơ sở pháp lý để xác định tội danh, xác định thẩm quyền điều tra, từ đó triển khai đúng đắn, hợp pháp các biện pháp điều tra tiếp theo.

Trong thực tiễn điều tra, tình tiết khách quan có thể được thể hiện thông qua: thời gian, địa điểm xảy ra vụ án; số lượng, chủng loại ma túy bị thu giữ; phương thức, thủ đoạn phạm tội; hành vi của từng đối tượng tại hiện trường; các tài liệu, vật chứng, hình ảnh, âm thanh ghi nhận được trong quá trình bắt giữ, khám xét. Những thông tin này phải được kiểm chứng và đối chiếu với lời khai của các đối tượng, người làm chứng, kết quả giám định và tài liệu từ các nguồn khác nhau để bảo đảm tính chân thực, khách quan, đầy đủ và hợp pháp. Tình tiết khách quan là căn cứ không thể thiếu để làm rõ yếu tố cấu thành tội phạm, đồng thời có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định hình phạt tương xứng.

Đối với các sự kiện pháp lý, đây là những yếu tố rất quan trọng trong tiến trình tố tụng. Ví dụ: thời điểm bắt quả tang là sự kiện pháp lý làm phát sinh quyền bắt giữ người phạm tội quả tang; việc thu giữ tang vật ma túy là sự kiện làm phát sinh trách nhiệm giám định; lời khai của người làm chứng là cơ sở áp dụng các biện pháp bảo vệ người làm chứng... Các sự kiện này phải được ghi nhận đầy đủ bằng văn bản tố tụng hợp lệ như: biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, các lệnh và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng có thẩm quyền.

Theo Điều 85 Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025), các vấn đề phải chứng minh trong ĐTVÁ hình sự bao gồm: hành vi xảy

ra có phải là tội phạm không; người thực hiện hành vi đó là ai; có lỗi hay không; mức độ hậu quả; động cơ, mục đích phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS [70]... Tất cả các yếu tố này đều gắn liền với việc nhận diện chính xác tình tiết khách quan và sự kiện pháp lý có liên quan. Nếu đánh giá sai lệch hoặc bỏ sót tình tiết, CQĐT có thể rơi vào sai lầm trong xác định tội danh, dẫn đến áp dụng sai quy định pháp luật, gây oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Để bảo đảm việc phân tích các tình tiết khách quan và sự kiện pháp lý được chính xác và đầy đủ, Cơ quan CSĐT có thẩm quyền cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ theo Chương VI Bộ luật TTHS. Mọi chứng cứ phải được thu thập hợp pháp, không vi phạm quyền con người. ĐTV phải thể hiện tính vô tư, khách quan trong phân tích chứng cứ, không để định kiến hoặc mục tiêu định trước ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Việc xác định rõ các tình tiết khách quan và sự kiện pháp lý cũng là cơ sở để áp dụng đúng đắn các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, như: “ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật và thu thập bí mật dữ liệu điện tử”. Việc sử dụng các biện pháp này không thể tùy tiện mà phải có căn cứ pháp lý vững chắc, được phê chuẩn bởi Viện Kiểm sát và chỉ áp dụng trong những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, có tổ chức chặt chẽ, sử dụng thủ đoạn tinh vi để che giấu hành vi phạm tội.

Bên cạnh đó, trong các vụ án ma túy liên quan đến người dưới 18 tuổi, phụ nữ mang thai, người có bệnh tâm thần, người dân tộc thiểu số không biết tiếng phổ thông, hoặc các đối tượng được hưởng quyền miễn trừ tố tụng (ngoại giao, lãnh sự...), việc phân tích tình tiết khách quan và sự kiện pháp lý cần đặc biệt cẩn trọng, tránh để xảy ra vi phạm thuộc loại nghiêm trọng về tố tụng. Những trường hợp này cần áp dụng linh hoạt, sáng tạo nhưng phải trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời bảo đảm nguyên tắc nhân đạo, không hình sự hóa các quan hệ dân sự, hành chính và bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong hoạt động TTHS.

Một yêu cầu khác đối với giai đoạn phân tích này là sự phối hợp chặt chẽ giữa những người tiến hành tố tụng, bao gồm CQĐT, Viện Kiểm sát, lực lượng Kỹ thuật hình sự, Hải quan, Bộ đội biên phòng và các lực lượng chuyên trách khác. Việc chia sẻ thông tin kịp thời, đánh giá chứng cứ đa chiều và thống nhất trong nhận định pháp lý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả điều tra và phòng ngừa sai sót trong quá trình ADPL.

2.2.2.2. Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp và phân tích làm sáng tỏ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật đối với vụ án ma túy cần áp dụng

Trong quá trình ĐTVA hình sự nói chung và ĐTVA ma túy nói riêng, việc lựa chọn và áp dụng đúng quy phạm pháp luật là bước đi quan trọng mang tính quyết định, nhằm bảo đảm cho các hoạt động TTHS diễn ra đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung luật định. Để lựa chọn chính xác quy phạm pháp luật đòi hỏi ĐTV và CQĐT các cấp phải nắm vững hiệu lực pháp lý, nội dung và phạm vi điều chỉnh của từng điều luật, đồng thời đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội để vận dụng đúng đắn và hiệu quả.

Lựa chọn quy phạm pháp luật không chỉ đơn thuần là lựa chọn đúng điều khoản trong luật hình sự để xác định tội danh (chẳng hạn: Điều 250: Tội vận chuyển trái phép chất ma túy; Điều 251: Tội mua bán trái phép chất ma túy...), mà còn bao hàm cả việc lựa chọn đúng các điều khoản trong Bộ luật TTHS để hướng dẫn cho từng hoạt động điều tra cụ thể, chẳng hạn: căn cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn (Điều 109 - 132), quy trình thu thập chứng cứ (Chương VI), trình tự hỏi cung, đối chất (Điều 183 - 186), các quy định về trung cầu giám định, thực nghiệm điều tra [69]... Đặc biệt trong điều kiện pháp luật luôn có sự bổ sung, điều chỉnh để thích ứng với sự phát triển của xã hội và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, chủ thể ADPL cần phải nắm chắc hiệu lực thời gian của văn bản, xác định đúng phiên bản luật đang có hiệu lực, tránh áp dụng nhầm lẫn giữa văn bản cũ và văn bản đã được sửa đổi,

bổ sung hoặc thay thế. Ví dụ, Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 [73] có nhiều điểm mới quan trọng liên quan đến trách nhiệm quản lý người nghiện, biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, phối hợp liên ngành... mà lực lượng điều tra cần cập nhật để vận dụng phù hợp với thực tiễn vụ án. Ngoài ra, trong điều tra các vụ án ma túy có tính tiết phức tạp, như liên quan đến yếu tố xuyên quốc gia, tổ chức chặt chẽ, sử dụng công nghệ cao... thì việc lựa chọn quy phạm pháp luật còn phải kết hợp với các quy định của pháp luật quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như: Công ước Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép chất ma túy và các chất hướng thần năm 1988 [112], các thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương trong lĩnh vực phòng, chống ma túy. Trong những trường hợp này, việc hiểu đúng và áp dụng hài hòa giữa pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế là yếu tố đặc biệt quan trọng, thể hiện trách nhiệm pháp lý và uy tín quốc gia trong thực thi nghĩa vụ quốc tế.

Một trong những yêu cầu quan trọng trong giai đoạn này là “nhận thức đầy đủ và chính xác nội dung của quy phạm pháp luật, bao gồm: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, điều kiện áp dụng, hệ quả pháp lý và mối quan hệ với các quy phạm khác”. Ví dụ, khi áp dụng biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, tạm giam đối với người bị bắt trong vụ án ma túy, ĐTV cần căn cứ vào Điều 119 Bộ luật TTHS [70], bảo đảm đủ căn cứ chứng minh có hành vi phạm tội rõ ràng, có dấu hiệu bỏ trốn hoặc cản trở hoạt động điều tra... Việc áp dụng sai hoặc vượt quá giới hạn quy định sẽ dẫn đến vi phạm thủ tục tố tụng, có thể gây oan sai hoặc làm mất giá trị chứng cứ.

Bên cạnh đó, cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa của từng quy phạm đối với thực tiễn ĐTV ma túy. Quy phạm pháp luật không chỉ đóng vai trò là khuôn mẫu xử sự cho hoạt động điều tra, mà còn là công cụ định hướng cho các quyết định tố tụng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quá trình TTHS, đặc biệt là người bị buộc tội. Việc phân tích đúng ý nghĩa

của quy phạm sẽ giúp xác định chính xác mức độ cần thiết và giới hạn hợp pháp của các hành động điều tra như: hỏi cung, khám xét, giám định, trưng cầu... Một số nội dung đặc biệt quan trọng mà ĐTV cần hiểu rõ và vận dụng chính xác trong quá trình lựa chọn và áp dụng quy phạm pháp luật bao gồm: Nhận thức về chứng cứ và chứng minh trong TTHS (Điều 86 - 95 Bộ luật TTHS): xác định rõ đâu là chứng cứ hợp pháp, cách thức thu thập và đánh giá chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội; nhận thức về thẩm quyền điều tra (Điều 163 - 170): bảo đảm đúng thẩm quyền khởi tố, điều tra, tránh xâm phạm quyền tố tụng của cơ quan khác; nhận thức về các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế (Chương VII Bộ luật TTHS): áp dụng có căn cứ, đúng thời điểm, đúng đối tượng và thời hạn luật định; nhận thức về trình tự tố tụng đặc biệt: như ĐTVA có yếu tố nước ngoài, có người chưa thành niên phạm tội, có người có quyền miễn trừ... [70].

Một thực tiễn đáng chú ý là trong nhiều vụ án ma túy hiện nay, các đối tượng sử dụng công nghệ cao để trao đổi, mua bán ma túy qua mạng xã hội, mã hóa thông tin liên lạc... gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ. Khi đó, CQĐT cần lựa chọn áp dụng các quy phạm về biện pháp điều tra đặc biệt (từ Điều 223 đến Điều 229 Bộ luật TTHS), đồng thời phải có phê chuẩn của Viện Kiểm sát và bảo đảm tôn trọng quyền riêng tư của công dân. Việc này đòi hỏi hiểu biết chuyên sâu về kỹ thuật, nghiệp vụ và quy định pháp lý tương ứng.

2.2.2.3. Ban hành quyết định áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án ma túy

Trong tiến trình ĐTVA hình sự, đặc biệt là các vụ án liên quan đến tội phạm về ma túy, việc ban hành các quyết định TTHS là một trong những giai đoạn có ý nghĩa quyết định. Giai đoạn này không chỉ thể hiện việc cụ thể hóa hoạt động ADPL của CQĐT, mà còn là cơ sở pháp lý quan trọng để chuyển sang các bước tố tụng tiếp theo như truy tố, xét xử hoặc đình chỉ điều tra.

Trong hệ thống pháp luật TTHS hiện hành của nước ta, việc ban hành các văn bản tố tụng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 [70], Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 [69], cũng như các văn bản hướng dẫn của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Công an. Theo quy định tại Điều 109, Điều 110 và các điều từ Điều 132 đến Điều 172 của Bộ luật TTHS [70], CQĐT được quyền ban hành các quyết định tố tụng quan trọng như: Quyết định khởi tố VAHS, quyết định khởi tố bị can, quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, quyết định trưng cầu giám định, quyết định tạm đình chỉ điều tra...

Các văn bản TTHS được ban hành trong quá trình ĐTVA ma túy là văn bản pháp lý có tính chất cá biệt, được áp dụng đối với từng đối tượng, từng hành vi cụ thể và trong phạm vi một vụ án ma túy nhất định. Do vậy, khi ban hành văn bản tố tụng, người có thẩm quyền phải căn cứ vào các quy định pháp luật, tài liệu, chứng cứ đã được xác minh, kiểm tra và đánh giá khách quan, toàn diện.

Một văn bản tố tụng hợp pháp, hợp lệ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về mặt hình thức và nội dung theo quy định. Về hình thức, văn bản tố tụng phải có: Quốc hiệu, tiêu ngữ; Số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm ban hành; địa điểm ban hành; tên loại văn bản (ví dụ: Quyết định khởi tố bị can, Quyết định trưng cầu giám định...); căn cứ pháp lý để ban hành (dẫn chiếu điều luật cụ thể); nội dung cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, không mâu thuẫn; họ tên, chức vụ, chữ ký của người ra quyết định và dấu của cơ quan có thẩm quyền. Về nội dung, mỗi loại văn bản tố tụng phải thể hiện rõ mục đích, phạm vi, đối tượng, lý do và cơ sở pháp lý của quyết định.

Việc ban hành các văn bản TTHS phải dựa trên những căn cứ pháp lý chặt chẽ. Căn cứ pháp luật là quy định trong các văn bản luật và dưới luật như Bộ luật TTHS, BLHS, Luật Phòng, chống ma túy...; Căn cứ thực tiễn là các

tài liệu, chứng cứ, lời khai, kết luận giám định, kết luận điều tra... đã được thu thập hợp pháp; Đặc biệt, CQĐT phải tuân thủ các nguyên tắc tố tụng bao gồm: nguyên tắc tranh tụng, suy đoán vô tội, bảo đảm quyền bào chữa, không được ép cung, dùng nhục hình... Ví dụ, để ban hành Quyết định áp dụng biện pháp tạm giam theo Điều 119 Bộ luật TTHS đối với một đối tượng bị khởi tố về tội “mua bán trái phép chất ma túy”, CQĐT cần chứng minh rằng: hành vi có tính chất nghiêm trọng, đối tượng có dấu hiệu bỏ trốn, cản trở điều tra hoặc tiếp tục phạm tội.

Mỗi văn bản tố tụng không chỉ là kết quả của quá trình áp dụng quy phạm pháp luật mà còn là công cụ định hướng hoạt động điều tra tiếp theo. Ví dụ: Quyết định trưng cầu giám định sẽ dẫn đến hoạt động giám định chất ma túy, giám định dấu vết...; quyết định đối chất sẽ yêu cầu chuẩn bị hồ sơ, triệu tập bị can, bị hại, người làm chứng...; quyết định tạm đình chỉ điều tra sẽ chuyển vụ án sang giai đoạn khác hoặc dừng điều tra do chưa xác định được bị can...

2.2.2.4. Tổ chức thực hiện văn bản áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy

Trong giai đoạn này, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT “tiến hành tổ chức các hoạt động tố tụng trong điều tra các vụ án về ma túy”. Ví dụ: tổ chức thi hành áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp điều tra cụ thể (Lệnh bắt bị can để tạm giam; Đề nghị phê chuẩn Lệnh bắt bị can để tạm giam; Quyết định tạm giữ; Lệnh khám xét; Quyết định thực nghiệm điều tra...) hoặc làm thay đổi, phát sinh, chấm dứt tư cách tố tụng của bị can (Quyết định đình chỉ ĐTVVA hình sự; Quyết định đình chỉ điều tra bị can...). Các văn bản tố tụng mà Cơ quan CSĐT có thẩm quyền ban hành luôn mang tính cưỡng chế, thể hiện quyền lực nhà nước, các chủ thể bắt buộc phải thi hành và chịu sự kiểm sát của các cơ quan khác như Viện Kiểm sát, Cơ quan CSĐT cấp trên.

2.2.3. Các điều kiện bảo đảm áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân

2.2.3.1. Điều kiện bảo đảm về chính trị

Các điều kiện bảo đảm chính trị về ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND trước hết là môi trường chính trị ổn định, thuận lợi để Cơ quan CSĐT có thẩm quyền trong CAND thực hiện được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ở Việt Nam, điều kiện bảo đảm chính trị về ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND đặt trong bối cảnh thể chế chính trị của Việt Nam là Đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất cầm quyền. Điều này đã được Hiến pháp năm 2013 quy định: Đảng Cộng sản Việt Nam là “lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” [68, tr.12]. Vì vậy, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND chính là sự bảo đảm có tính chính trị cho sự vận hành CQĐT ở Việt Nam nói chung và hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của Cơ quan CSĐT có thẩm quyền nói riêng. Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với CQĐT đã được thể hiện tại Nghị quyết đại hội XIII của Đảng “tiếp tục giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang” [8, tr.67]. Điều kiện bảo đảm về chính trị để CQĐT thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, tiến hành ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND là các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, trong đó có các quan điểm về xây dựng lực lượng CAND. Tại Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ” [39, tr.158]. Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về “đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự

trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” [10] đã đề ra mục tiêu tổng quát là: “đến năm 2025, lực lượng CAND cơ bản tinh, gọn, mạnh; các lực lượng tinh báo, cơ yếu, an ninh, cảnh sát cơ động, kỹ thuật nghiệp vụ, an ninh mạng và đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao tiến thẳng lên hiện đại. Phấn đấu đến năm 2030 lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”.

2.2.3.2. Điều kiện bảo đảm về pháp lý

Trong điều kiện tiếp tục hoàn thiện, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở Việt Nam, điều kiện bảo đảm về pháp lý có yếu tố quyết định đối với việc ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND. Các bảo đảm về pháp lý không chỉ là các quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT quy định về bảo đảm quyền bào chữa, phân công điều tra, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp cưỡng chế, các biện pháp điều tra, đình chỉ điều tra và kết thúc ĐTVA ma túy mà còn là mối liên hệ của các quy định đó với pháp luật hình sự và TTHS nói riêng và hệ thống pháp luật nói chung.

Các quy định pháp luật về điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND luôn gắn liền với các quy định về pháp luật TTHS, pháp luật hình sự, pháp luật tổ chức điều tra hình sự, cụ thể như quy định về căn cứ, thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời hạn áp dụng biện pháp điều tra trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND. Do vậy, việc bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ các quy định pháp luật nói chung với các quy định pháp luật TTHS, pháp luật hình sự, pháp luật tổ chức điều tra hình sự có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND.

ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND là hoạt động có mục đích, nhằm làm cho các quy định pháp luật về ĐTVA về ma túy đi vào cuộc sống, tạo ra những hoạt động thực tế hợp pháp của các chủ thể

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT. Việc ban hành các quy phạm pháp luật về điều tra các vụ án ma túy đầy đủ, có hiệu lực, hiệu quả chính là tạo điều kiện bảo đảm về pháp lý cho ADPL trong ĐTV ma túy của lực lượng CAND.

2.2.3.3. Điều kiện bảo đảm về năng lực của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Cán bộ điều tra

Hoạt động ADPL trong ĐTV ma túy của lực lượng CAND được tiến hành bởi các chủ thể như Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và CBĐT được phân công ĐTV. Việc ADPL đúng đắn trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND phụ thuộc nhiều vào ý thức pháp luật, năng lực của chủ thể được phân công ĐTV. Nếu năng lực pháp luật của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và CBĐT không cao, họ hiểu sai, hiểu không đầy đủ quy phạm pháp luật, đánh giá sai thông tin, tài liệu và chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra các vụ án ma túy sẽ dẫn đến việc xác định sự kiện pháp lý, nhận thức quy định của pháp luật, so sánh sự kiện pháp lý của vụ án ma túy với quy định pháp luật và quyết định ADPL, ra văn bản ADPL, tổ chức thực hiện văn bản ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND theo cảm tính, theo kinh nghiệm, theo ý chí chủ quan của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và CBĐT. Trái lại, nếu Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và CBĐT giỏi nghiệp vụ, tinh thông pháp luật, có ý thức pháp luật, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, cầu thị nghiên cứu, luôn học hỏi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật thì việc ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND sẽ có kết quả chính xác, bảo đảm tính khả thi cao.

Năng lực của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và CBĐT các cấp trong ADPL về điều tra các vụ án ma túy được thể hiện thông qua các yếu tố như trình độ nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm... Do vậy, bảo đảm về năng lực của Thủ trưởng, Phó

Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và CBĐT là một trong những điều kiện tiên quyết để hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND được bảo đảm khách quan, toàn diện và đúng pháp luật.

2.2.3.4. Điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp

Điều kiện bảo đảm cơ sở vật chất, các trang, thiết bị phục vụ cho Cơ quan CSĐT có thẩm quyền trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND là bảo đảm về “đất đai, trụ sở, công trình; trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, kỹ thuật nghiệp vụ và các điều kiện vật chất, kỹ thuật khác” [69, tr.74]. Điều kiện bảo đảm này đã được nêu trong Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/03/2022 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” [10].

Điều kiện bảo đảm cơ sở vật chất, các trang, thiết bị cho Cơ quan CSĐT có thẩm quyền là “một trong những điều kiện quan trọng không thể thiếu” để hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND. Ví dụ: trong hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị can phạm tội về ma túy cần phải sử dụng nhà tạm giữ, trại tạm giam; ADPL trong tiến hành các biện pháp điều tra như biện pháp điều tra, hỏi cung bị can về ma túy phải sử dụng ghi âm, ghi hình... Đây là thiết bị bảo đảm hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND.

Để hoạt động ADPL trong ĐTV ma túy của lực lượng CAND đạt hiệu quả thì một yếu tố không thể thiếu là nguồn tài chính. Trong quá trình ADPL trong điều tra các vụ án ma túy thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT cần sử dụng chi phí đi lại, ăn uống cũng như bảo

đảm quyền được ăn uống của bị can và những người khác có liên quan đến hoạt động TTHS.

Nếu cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND được cung cấp đầy đủ sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, nâng cao chất lượng văn bản tố tụng ADPL, bảo đảm quyền của bị can và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình ĐTVA. Ngược lại, nếu thiếu về cơ sở vật chất, trang thiết bị... sẽ ảnh hưởng rất lớn tới tiến độ và hiệu quả ADPL trong điều tra, tiến độ ra văn bản ADPL cũng như chất lượng văn bản ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND.

2.2.3.5. Điều kiện bảo đảm về quan hệ phối hợp trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an nhân dân

ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND là quá trình sử dụng tổng hợp nhiều lực lượng, nhiều phương tiện và nhiều biện pháp, nhiều hoạt động “từ hoạt động nghiệp vụ đến hoạt động pháp luật, trong đó có hoạt động phối hợp, trao đổi thông tin liên tục và đa chiều giữa Cơ quan CSĐT có thẩm quyền với các đơn vị, lực lượng khác trong và ngoài ngành Công an”. Tùy vào tính chất, đặc điểm của từng vụ án ma túy, các nội dung quan hệ phối hợp có thể gồm: Phối hợp trao đổi thông tin liên quan đến ADPL trong ĐTVA án ma túy; Phối hợp triển khai kế hoạch ĐTVA về ma túy; Phối hợp trong giải quyết từng sự việc cụ thể trong quá trình ĐTVA ma túy; Phối hợp về con người, phương tiện kỹ thuật, biện pháp công tác đến kết thúc ĐTVA về ma túy...

- Quan hệ giữa các lực lượng trong CAND

+ Phối hợp giữa Cơ quan CSĐT có thẩm quyền với nhau. Đây là nhóm quan hệ giữa CQĐT cấp trên với CQĐT cấp dưới và ngược lại. Trong ĐTVA về ma túy, quan hệ phối hợp này là quan hệ dựa trên nguyên tắc CQĐT cấp

dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo của CQĐT cấp trên, cá nhân chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của mình. Quan hệ này là quan hệ phối hợp mệnh lệnh phục tùng CQĐT cấp dưới chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của CQĐT cấp trên. CQĐT cấp trên lãnh đạo, chỉ huy, hướng dẫn kiểm tra, điều hành CQĐT cấp dưới về công tác chuyên môn. Đây là “quan hệ phân công và phối hợp” [48, tr.54]. Như vậy, để thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp này đòi hỏi CQĐT các cấp phải chủ động xây dựng cơ chế, quy chế, nguyên tắc phối hợp một cách hợp lý, bảo đảm nâng cao hiệu quả CQĐT trong ĐTVA ma túy.

+ Quan hệ phối hợp giữa Cơ quan CSĐT có thẩm quyền với các lực lượng khác trong ngành Công an. Quá trình ĐTVA ma túy, ngoài Cơ quan CQĐT các cấp là lực lượng chủ công còn có sự tham gia của lực lượng khác như Cảnh sát giao thông, Kỹ thuật hình sự, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, lực lượng Hồ sơ nghiệp vụ... Để phát huy mối quan hệ này, Cơ quan CSĐT có thẩm quyền cần chủ động xây dựng quy chế phối hợp giữa các lực lượng trong công tác điều tra nói chung và trong hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy nói riêng. Trong quy chế phối hợp cần thể hiện được mục đích, yêu cầu, nội dung và trách nhiệm của các chủ thể tham gia phối hợp ADPL trong ĐTVA ma túy.

- Quan hệ với các lực lượng ngoài ngành Công an, nhất là VKSND

Trong bối cảnh tội phạm ma túy có tính chất phức tạp, xuyên quốc gia và nhiều thủ đoạn tinh vi, sự phối hợp giữa lực lượng CAND và VKSND có ý nghĩa quan trọng nhằm tránh tình trạng vi phạm pháp luật tố tụng, bỏ lọt tội phạm hoặc gây oan sai. Trong mối quan hệ này, Viện Kiểm sát nhân dân có vai trò như sau: Trong giai đoạn khởi tố: ngay từ khi phát hiện dấu hiệu phạm tội, lực lượng Công an có trách nhiệm trao đổi thông tin để Viện Kiểm sát để thống nhất các biện pháp xử lý, khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Trong quá trình điều tra: Viện Kiểm sát thực hiện quyền kiểm sát việc thu thập

chứng cứ, bảo đảm các biện pháp điều tra như khám xét, bắt giữ, thu giữ vật chứng... được thực hiện đúng quy định. Trong việc giải quyết các kiến nghị: Viện Kiểm sát có quyền yêu cầu CQĐT làm rõ những vấn đề còn thiếu sót hoặc chưa hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Sự phối hợp này giúp hoàn thiện hồ sơ, tăng tính thuyết phục và bảo đảm tính toàn diện của quá trình ADPL trong ĐTVÁ ma túy.

2.3. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.3.1. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của một số quốc gia trên thế giới

Thực tiễn cho thấy, ở các quốc gia có điều kiện kinh tế, thể chế chính trị và nền pháp luật khác nhau thì việc tổ chức và ADPL trong ĐTVÁ ma túy cũng mang những đặc thù riêng, phản ánh sự đa dạng trong mô hình thực thi pháp luật hình sự. Nhiều quốc gia coi ADPL trong ĐTVÁ ma túy là hình thức thực thi công vụ điển hình của CQNN có thẩm quyền, thể hiện quyền lực công và tính nghiêm minh của pháp luật hình sự. Việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế không chỉ giúp nhận diện các xu hướng tổ chức, phương thức ADPL trong đấu tranh với tội phạm ma túy, mà còn tạo cơ sở khoa học để Việt Nam tham khảo, tiếp thu có chọn lọc nhằm nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử, đồng thời bảo đảm TTATXH và quyền con người trong bối cảnh hiện nay.

Việc lựa chọn Hoa Kỳ, Hà Lan, Singapore và Trung Quốc làm đối tượng nghiên cứu xuất phát từ tính đại diện và điển hình của các quốc gia này. Hoa Kỳ là quốc gia có hệ thống pháp luật hình sự phát triển sớm, theo mô hình tranh tụng, có ảnh hưởng sâu rộng đến lập pháp quốc tế trong phòng, chống ma túy. Hà Lan nổi bật với chính sách “khoan dung có kiểm soát”, tiếp cận ma túy theo hướng phân loại hành vi, kết hợp kiểm soát hình sự nghiêm

khắc với các biện pháp xã hội. Singapore đại diện cho mô hình pháp luật nghiêm khắc, triệt để và hiệu quả cao trong răn đe, phòng ngừa tội phạm ma túy, theo quan điểm “không khoan nhượng”. Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về điều kiện địa lý, chính trị, xã hội và thách thức từ khu vực “Tam giác vàng”, nên kinh nghiệm tổ chức điều tra, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế của nước này có giá trị thực tiễn sâu sắc.

Xét về phương diện mô hình TTHS, bốn quốc gia này đại diện cho ba dạng mô hình cơ bản: Hoa Kỳ theo mô hình tranh tụng; Hà Lan và Trung Quốc thuộc mô hình thẩm vấn; Singapore thể hiện mô hình hỗn hợp, kết hợp truyền thống common law với cơ chế tố tụng tập trung. Sự đa dạng này tạo cơ sở tham chiếu khoa học và thực tiễn phong phú cho việc nghiên cứu, so sánh và hoàn thiện pháp luật TTHS Việt Nam trong phòng, chống tội phạm ma túy.

2.3.1.1. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy ở Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là quốc gia tiên phong trong xây dựng hệ thống pháp luật hình sự chuyên biệt nhằm đấu tranh với tội phạm ma túy. Hoạt động ĐTVA ma túy được triển khai trên cơ sở pháp luật liên bang kết hợp với pháp luật các bang, trong đó luật liên bang giữ vai trò chủ đạo đối với các vụ án nghiêm trọng, có tổ chức hoặc xuyên quốc gia.

Việc tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm ma túy được thực hiện thông qua nhiều nguồn hợp pháp như phản ánh của công dân, báo cáo của cảnh sát địa phương, dữ liệu trinh sát, phân tích tình báo và giám sát kỹ thuật. Các cơ quan nhà nước chủ yếu tham gia gồm DEA, ICE, CBP, Tuần duyên và quân đội Hoa Kỳ, trong đó DEA giữ vai trò trung tâm trong xác minh, phân loại thông tin và quyết định khởi động điều tra hình sự [105]. Pháp luật yêu cầu mọi tố giác, tin báo phải được lập hồ sơ, xử lý theo quy trình, dưới sự giám sát của công tố viên và trong một số trường hợp là tòa án.

Trong giai đoạn khởi tố, công tố viên liên bang giữ vai trò trung tâm, là chủ thể ra quyết định khởi tố vụ án và bị can. CQĐT sau khi thu thập chứng

cứ ban đầu sẽ phối hợp với công tố viên để xây dựng hồ sơ truy tố. Việc khởi tố phải dựa trên các chứng cứ đủ sức thuyết phục trước tòa, phù hợp với đặc trưng của mô hình tranh tụng. Cơ sở pháp lý quan trọng là Đạo luật về các chất được kiểm soát năm 1970 [120], trong đó phân loại các chất ma túy theo năm mức độ nguy hiểm (Schedule I-V). Các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép đều bị coi là tội phạm hình sự; hình phạt có thể lên đến tù chung thân hoặc tử hình nếu có tình tiết tăng nặng.

Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Hiến pháp, đặc biệt là Điều sửa đổi thứ Tư và thứ Năm [121]. Để tạm giam trước xét xử, công tố viên phải chứng minh tại phiên điều trần rằng bị can có nguy cơ bỏ trốn, tiếp tục phạm tội hoặc gây nguy hiểm cho xã hội. Trong các vụ án ma túy nghiêm trọng, tòa án có thể quyết định giam giữ không bảo lãnh, nhưng phải xem xét định kỳ nhằm bảo đảm cân bằng giữa an toàn cộng đồng và quyền tự do cá nhân.

Giai đoạn điều tra thu thập chứng cứ cho phép áp dụng nhiều biện pháp tố tụng đặc biệt theo Đạo luật Omnibus năm 1968 và Luật FISA năm 1978 [122], như nghe lén có lệnh tòa, sử dụng nhân viên mật, định vị GPS, giám sát điện tử và phân tích tài chính. Việc sử dụng “nguồn tin bí mật” là phổ biến nhưng bị kiểm soát chặt chẽ nhằm tránh vi phạm thủ tục tố tụng hoặc xúi giục phạm tội.

Kết thúc ĐTVA ma túy tại Hoa Kỳ được thực hiện thông qua việc trình hồ sơ lên Đại bồi thẩm đoàn. Nếu hội đồng này chấp thuận, cáo trạng sẽ được ban hành; nếu không, vụ án có thể bị đình chỉ hoặc điều tra bổ sung. Trong thực tiễn, cơ chế “plea bargain” cũng được sử dụng nhằm rút ngắn thời gian tố tụng và tiết kiệm chi phí.

2.3.1.2. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy ở Hà Lan

Hà Lan được biết đến với chính sách “khoan dung có kiểm soát”, phân biệt giữa ma túy mềm và ma túy cứng. Tuy nhiên, đối với các hành vi buôn

bán, sản xuất, vận chuyển trái phép ma túy cứng, pháp luật Hà Lan quy định rất nghiêm khắc và áp dụng thủ tục TTHS chặt chẽ.

Việc tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm ma túy do Cảnh sát Hoàng gia Hà Lan thực hiện dưới sự giám sát của Viện Công tố. Các nguồn tin được ghi nhận trong hệ thống thông tin hình sự quốc gia và phân loại theo mức độ ưu tiên. Đối với ma túy cứng, CQĐT có thể tiến hành điều tra sơ bộ ngay cả khi chưa đủ căn cứ khởi tố nhằm ngăn chặn nguy cơ phát sinh.

Theo Luật Opiumwet năm 1928, các chất ma túy được chia thành Danh mục I và II. Các hành vi liên quan đến Danh mục I luôn bị coi là tội phạm hình sự nghiêm trọng. Quyền khởi tố thuộc về công tố viên và phải tuân thủ nguyên tắc tố tụng công bằng. Trong các vụ án phức tạp, công tố viên có thể đề nghị tòa án phê chuẩn các biện pháp điều tra đặc biệt trước khi khởi tố bị can.

Biện pháp tạm giam chỉ được áp dụng khi có lệnh của thẩm phán điều tra, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Thẩm phán điều tra giữ vai trò giám sát tính hợp pháp của các biện pháp hạn chế quyền tự do. Ngoài tạm giam, Hà Lan còn áp dụng quản chế tại gia, cấm tiếp xúc hoặc tước hộ chiếu, nhằm bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu điều tra và quyền con người.

Trong giai đoạn thu thập chứng cứ, CQĐT được áp dụng các biện pháp đặc biệt như giám sát điện tử, sử dụng nhân viên chìm, kiểm tra tài chính, nhưng tất cả đều phải được thẩm phán điều tra phê chuẩn. Pháp luật Hà Lan đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc chứng cứ hợp pháp và có thể kiểm chứng; mọi chứng cứ vi phạm thủ tục có thể bị tòa án loại bỏ [111]. Hà Lan cũng tăng cường hợp tác quốc tế với Europol, Interpol và các nước EU [116].

Kết thúc điều tra được thể hiện thông qua việc lập cáo trạng chính thức để đưa ra xét xử. Nếu có dấu hiệu vi phạm thủ tục, bị can hoặc luật sư có quyền yêu cầu tòa án xem xét tính hợp pháp của chứng cứ. Hà Lan cũng áp dụng truy tố có điều kiện hoặc hòa giải tư pháp đối với các vụ việc nhẹ nhằm giảm tải cho hệ thống tư pháp.

2.3.1.3. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy ở Singapore

Singapore là quốc gia áp dụng chính sách chống ma túy nghiêm khắc, với cơ sở pháp lý trung tâm là MDA năm 1973 [119]. CNB là cơ quan chuyên trách tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo và tiến hành điều tra. Mọi thông tin nghi vấn về ma túy đều được thẩm tra và quản lý tập trung.

Pháp luật Singapore quy định cơ chế suy đoán pháp lý đối với hành vi buôn bán ma túy dựa trên số lượng tàng trữ. Việc khởi tố được thực hiện nhanh chóng, phối hợp giữa CNB và Văn phòng Tổng Chương lý, theo nguyên tắc “zero tolerance”. CNB được trao quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn mạnh, bao gồm bắt giữ, tạm giam và kiểm tra y tế trong trường hợp khẩn cấp. Singapore áp dụng chế độ giam giữ hành chính đối với các đối tượng nguy hiểm, phản ánh đặc trưng của mô hình tư pháp đề cao răn đe.

Trong điều tra, CNB có quyền sử dụng giám sát điện tử, nghe lén, truy cập dữ liệu tài chính và áp dụng các biện pháp kỹ thuật cao theo CPC. Singapore không cho phép thỏa thuận giảm nhẹ TNHS trong các vụ án ma túy nghiêm trọng.

Kết thúc ĐTVA ma túy được thực hiện nhanh gọn, hồ sơ chuyển sang Văn phòng Tổng Chương lý để lập cáo trạng. Tòa án có thể xét xử và tuyên án trong thời gian ngắn, đặc biệt đối với các vụ án nghiêm trọng, phản ánh mô hình xét xử tập trung và nghiêm khắc.

2.3.1.4. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy ở Trung Quốc

Trung Quốc đối mặt với nhiều thách thức từ các khu vực trung chuyển ma túy lớn, nên xây dựng hệ thống pháp luật nghiêm khắc, với các văn bản chủ đạo là Luật Hình sự năm 1997 (sửa đổi 2021) [118] và Luật TTHS năm 2012 (sửa đổi 2018) [117]. Chính sách hình sự đối với ma túy thể hiện quan điểm trừng trị nghiêm khắc và răn đe cao độ.

Công an có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại và xác minh tin báo trong

thời hạn luật định. Trung Quốc xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ nghiệp vụ ma túy toàn quốc và cơ chế cảnh báo sớm dựa trên dữ liệu lớn, kết nối nhiều lĩnh vực nhằm phát hiện sớm các đường dây ma túy.

Việc khởi tố vụ án do Công an thực hiện, nhưng khởi tố bị can phải được Viện Kiểm sát phê chuẩn. Các vụ án nghiêm trọng thường được khởi tố đồng thời nhiều bị can theo cơ chế đồng phạm có tổ chức.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng nghiêm ngặt, trong đó tạm giam là biện pháp chủ yếu. Trung Quốc đặc biệt chú trọng kiểm soát tài sản tội phạm và truy vết dòng tiền nhằm triệt phá năng lực tài chính của các đường dây ma túy.

Trong thu thập chứng cứ, CQĐT sử dụng kết hợp phương pháp truyền thống và công nghệ hiện đại, bao gồm nghe lén, định vị GPS, trích xuất dữ liệu số và giám định ma túy. Trung Quốc tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt với các nước ASEAN, trong đấu tranh chống tội phạm ma túy xuyên biên giới.

Kết thúc điều tra được thực hiện trong thời hạn luật định và chuyển hồ sơ sang Viện Kiểm sát để truy tố. Các vụ án ma túy nghiêm trọng có thể bị áp dụng hình phạt rất nặng, kể cả tử hình, và bản án thường được công khai nhằm phục vụ mục tiêu tuyên truyền, răn đe và phòng ngừa xã hội.

2.3.2. Một số giá trị tham khảo cho Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, chặt chẽ nhưng linh hoạt là nền tảng nâng cao hiệu quả ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy. Ở Trung Quốc, cơ chế vận hành thể hiện ở việc thường xuyên rà soát, sửa đổi luật và ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương; trong khi đó, Singapore bảo đảm tính khả thi của pháp luật thông qua các quy định cụ thể, rõ ràng về thẩm quyền, trình tự và trách nhiệm của CQĐT. Để áp dụng vào Việt Nam, cần bảo đảm điều kiện về sự thống nhất trong lập pháp, nâng cao chất lượng văn bản dưới luật

và tăng cường năng lực tổ chức thực thi ở cơ sở, đặc biệt tại các địa bàn phức tạp như khu vực Tây Bắc, nơi đòi hỏi các quy định vừa chặt chẽ vừa linh hoạt để phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong điều tra là giá trị tham khảo có tính quyết định trước xu hướng tội phạm ma túy sử dụng công nghệ cao. Cơ chế vận hành tại Hoa Kỳ dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, liên thông giữa các cơ quan thực thi pháp luật, kết hợp với khuôn khổ pháp lý cho phép sử dụng chứng cứ điện tử và dữ liệu số trong điều tra. Để vận dụng tại Việt Nam, cần đồng thời đáp ứng các điều kiện về đầu tư hạ tầng kỹ thuật, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và hoàn thiện hành lang pháp lý về thu thập, quản lý, sử dụng chứng cứ điện tử, bảo đảm tính hợp pháp và khả năng kiểm chứng. Riêng khu vực Tây Bắc, việc áp dụng chỉ khả thi khi có chính sách đầu tư ưu tiên về hạ tầng viễn thông, thiết bị kỹ thuật và nhân lực chuyên môn.

Thứ ba, xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, liên quốc gia trong điều tra các vụ án ma túy là yêu cầu tất yếu đối với loại tội phạm có tính xuyên biên giới. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Singapore cho thấy cơ chế này vận hành hiệu quả khi có quy định rõ ràng về phân công trách nhiệm, chia sẻ thông tin và phối hợp hành động giữa các cơ quan trong nước, đồng thời duy trì các kênh hợp tác quốc tế thường xuyên, ổn định. Để áp dụng vào Việt Nam, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành theo hướng rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, đồng thời tăng cường ký kết và thực thi các điều ước quốc tế, thỏa thuận song phương, đa phương về phòng, chống ma túy, nhất là với các quốc gia láng giềng.

Thứ tư, bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong toàn bộ quá trình điều tra là giá trị tham khảo có ý nghĩa định hướng lâu dài. Ở Hoa Kỳ, cơ chế vận hành thể hiện ở sự giám sát tư pháp chặt chẽ đối với các biện pháp điều tra đặc biệt; tại Singapore, quyền tiếp cận luật sư và quyền khiếu

nại của người bị tạm giữ được bảo đảm bằng các thủ tục pháp lý cụ thể. Để áp dụng hiệu quả tại Việt Nam, điều kiện tiên quyết là nâng cao nhận thức và năng lực thực thi của CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án, đồng thời hoàn thiện các cơ chế giám sát độc lập, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, nơi việc bảo đảm quyền con người còn gặp nhiều hạn chế do điều kiện nhân lực và cơ sở vật chất.

Thứ năm, xây dựng đội ngũ ĐTV và cán bộ thực thi pháp luật có chất lượng cao là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả ADPL trong điều tra. Singapore vận hành cơ chế này thông qua tuyển chọn nghiêm ngặt, đào tạo chuyên sâu, đánh giá thường xuyên và kiểm soát nội bộ chặt chẽ. Để vận dụng vào Việt Nam, cần bảo đảm các điều kiện về chương trình đào tạo chuyên biệt, cơ chế bồi dưỡng thường xuyên và chính sách đãi ngộ phù hợp, nhất là đối với lực lượng công tác tại địa bàn đặc thù như khu vực Tây Bắc, nơi đòi hỏi cán bộ vừa giỏi nghiệp vụ, vừa am hiểu địa bàn, phong tục và ngôn ngữ dân tộc.

Thứ sáu, tăng cường vai trò kiểm sát điều tra và kiểm soát quyền lực trong hoạt động điều tra tội phạm ma túy là giá trị tham khảo quan trọng nhằm phòng ngừa lạm quyền. Ở Hoa Kỳ, cơ chế vận hành được bảo đảm thông qua việc mọi biện pháp điều tra đặc biệt đều phải có sự phê chuẩn của Tòa án và chịu sự giám sát của công tố viên. Để áp dụng vào Việt Nam, cần tiếp tục củng cố vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát điều tra, đồng thời bảo đảm các điều kiện về nhân lực, trình độ chuyên môn và cơ chế phối hợp liên ngành, đặc biệt tại các địa phương còn khó khăn, nhằm bảo đảm mọi hoạt động điều tra đều tuân thủ pháp luật, khách quan và minh bạch.

Kết luận chương 2

Trong Chương 2, tác giả đã phân tích, làm rõ cơ sở lý luận về ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND. Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm khoa học, tác giả đã đưa ra khái niệm về ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng CAND, làm rõ đặc điểm, vai trò, ý nghĩa cũng như các nguyên tắc cần tuân thủ khi ADPL trong lĩnh vực này. Những luận điểm lý luận này không chỉ giúp làm sáng tỏ bản chất của hoạt động ADPL mà còn khẳng định tính đặc thù và yêu cầu nghiêm ngặt về tuân thủ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy của lực lượng Công an. Bên cạnh đó, tác giả đã tập trung phân tích nội dung của hoạt động ADPL, chỉ ra các giai đoạn ADPL và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động ADPL đạt hiệu quả. Đồng thời, tác giả đã tiến hành nghiên cứu, so sánh kinh nghiệm về ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra những giá trị tham khảo có thể vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam. Những kinh nghiệm này không chỉ làm phong phú thêm cơ sở lý luận mà còn giúp đặt ra các định hướng mang tính khả thi cho quá trình hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả ADPL đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

Những vấn đề lý luận được đề cập trong Chương 2 là nền tảng quan trọng cho việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng ADPL trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam ở Chương 3. Đồng thời, các luận điểm này cũng góp phần làm cơ sở khoa học để NCS đề xuất những quan điểm chỉ đạo, định hướng cũng như các giải pháp chung và cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả ADPL trong ĐTVÁ ma túy, qua đó, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, quyền con người và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu ở Chương 2 vì vậy không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn mang ý nghĩa định hướng thực tiễn quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm ma túy nói riêng.

Chương 3

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM

3.1.1. Yếu tố về đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội

3.1.1.1. Yếu tố thuận lợi

- Về vị trí địa lý: Tây Bắc là khu vực vùng núi phía Tây của miền Bắc nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, gồm 6 tỉnh là Điện Biên, Hòa Bình, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La và Yên Bái, có đường biên giới đất liền chung với Lào và Trung Quốc và là một trong 3 tiểu vùng của Bắc Bộ Việt Nam. Tây Bắc là một phức hợp của những bồn địa lớn, nhỏ nằm xen kẽ giữa các dãy núi cao bao bọc xung quanh. Địa hình Tây Bắc hiểm trở, có nhiều khối núi và dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Dãy Hoàng Liên Sơn dài tới 180 km, rộng 30 km, với một số đỉnh núi cao trên 2.800 đến 3.000 m. Dãy núi Sông Mã dài 500 km, có những đỉnh cao trên 1.800 m. Giữa hai dãy núi này là vùng đồi núi thấp lưu vực sông Đà. Ngoài sông Đà là sông lớn, vùng Tây Bắc chỉ có sông nhỏ và suối gồm cả thượng lưu sông Mã.

- Về dân cư: Dân số sinh sống tại các tỉnh Tây Bắc hiện nay khoảng trên 4,8 triệu người, thuộc khoảng 20 dân tộc anh em cùng sinh sống như: Kinh, H'Mông, Mường, Tày, Thái, Dao... Trong đó, bốn dân tộc Thái, Tày, H'Mông, Mường có số lượng hơn một triệu người. Do địa hình đồi núi nên mật độ dân số tại các tỉnh Tây Bắc (104 người/km²) nhìn chung thấp hơn nhiều so với mật độ dân số trung bình của cả nước (315 người/km²), cá biệt có một số tỉnh có mật độ dân cư hết sức thưa thớt, cụ thể: Tỉnh Điện Biên có

mật độ dân cư là 63 người/km²; tỉnh Sơn La là 88 người/km²; tỉnh Lai Châu là 51 người/km² (thấp nhất cả nước)... Tại các tỉnh này, dân cư chủ yếu sinh sống tập trung ở các trung tâm, thành thị và vùng lân cận; ở các vùng sâu vùng xa, đặc biệt là khu vực biên giới hầu như rất thưa thớt. Nhìn chung, đồng bào các dân tộc không phân bố, cư trú theo lãnh thổ một cách rõ rệt mà cùng sinh sống xen kẽ với nhau. Bên cạnh đó, cũng có những vùng, khu vực mà mỗi dân tộc sống quần tụ, đông đảo, như: Dân tộc H'Mông chủ yếu sinh sống ở các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La,; dân tộc Mường sinh sống nhiều ở Hòa Bình;... Quan hệ dòng tộc, họ hàng... khá bền chặt, có tính kết nối cộng đồng tại các địa bàn sinh sống là nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số. Ngoài ra, đồng bào ở các khu vực dọc tuyến Tây Bắc Việt Nam thường có mối quan hệ gắn bó lâu đời, quan hệ dòng tộc, cưới gả với đồng bào dân tộc sinh sống ở Lào và Trung Quốc xung quanh khu vực biên giới tiếp giáp, nên đồng bào dân tộc hai bên biên giới thường xuyên giao lưu, qua lại với nhau.

- Về kinh tế - xã hội: khu vực Tây Bắc nước ta trong những năm gần đây đã có nhiều tiến bộ và khởi sắc mặc dù sự phát triển đó không đồng đều. Nếu như trước đây, nông lâm nghiệp là thành phần kinh tế chủ yếu của nhân dân các tỉnh Tây Bắc, do đó đời sống nhân dân, nhất là đời sống của người dân các dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, mức sống còn thấp. Tuy nhiên, với chủ trương đường lối đúng đắn của Đảng, những chính sách có hiệu quả của Nhà nước, sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ, các bộ, ban ngành cũng như nhờ sự cố gắng, nỗ lực vượt khó của cấp ủy, chính quyền địa phương các tỉnh Tây Bắc, tranh thủ và tận dụng tối đa các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, nhất là tập trung phát triển du lịch, kinh tế cửa khẩu nên tình hình kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc đã có bước phát triển đáng kể và đạt được nhiều thành tựu, cụ thể: cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là điện, đường, trường, trạm được nâng cấp, mở rộng; nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp được

xây dựng, đi vào hoạt động. Các dự án đầu tư vào khu vực tăng cả về số lượng, quy mô; trong đó, có nhiều dự án trọng điểm quốc gia. Nông - lâm - ngư nghiệp bước đầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành một số vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, đạt hiệu quả kinh tế cao, góp phần vào sự ổn định, chuyển mình chung của đất nước. Theo đó, kinh tế của các tỉnh Tây Bắc luôn có tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn sang xu hướng gia tăng tỷ trọng về lĩnh vực công nghiệp, du lịch, dịch vụ...

3.1.1.2. Yếu tố tiêu cực

- Việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Hiện nay, Tây Bắc vẫn là địa bàn còn nhiều khó khăn, hạn chế so với các vùng, miền khác trên cả nước; kinh tế phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng; tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực thấp nhất cả nước; tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao.

- Tây Bắc là khu vực đặc biệt quan trọng về quốc phòng an ninh. Trong kháng chiến, đây là vùng có các căn cứ địa cách mạng, là nơi bố trí đặt các trung tâm chỉ huy kháng chiến. Kể từ khi nước ta được hoàn toàn giải phóng đến nay, do là địa bàn khu vực Tây Bắc hầu hết là các tỉnh biên giới, xa trung tâm nhưng tiện cho việc xâm nhập từ bên ngoài nên các tỉnh Tây Bắc đã trở thành các địa bàn mà các thế lực phản động, thù địch ở trong và ngoài nước tập trung tiến hành các hoạt động chống phá nhằm thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, với các chiêu bài tự do, tôn giáo, dân tộc, dân chủ nhằm gây ra những bất ổn về chính trị, ANTT tại các địa phương này; chúng tìm cách kích động, gây mất đoàn kết trong quần chúng nhân dân nhằm hình thành các nhóm đối lập, chống đối chính quyền.

- Các đối tượng thù địch ở nước ngoài đã và đang tìm cách cấu kết với các đối tượng người nước ngoài hoặc người Việt ở trong nước tiến hành các hoạt động tuyên truyền, phát tán tài liệu phản động, lôi kéo, móc nối với các

cán bộ cốt cán ở cấp cơ sở, nhất là cấp xã, bản và những người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để tổ chức, lôi kéo người dân vào các hoạt động chống phá chính quyền tại địa bàn các tỉnh Tây Bắc. Bên cạnh đó, các thế lực phản động, thù địch đã, đang triệt để lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh tiếng H'Mông, mạng Internet, các văn hoá ấn phẩm, băng đĩa hình... để tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta; phá hoại chính sách ngoại giao giữa Việt Nam, Lào và Trung Quốc; thực hiện việc tuyên truyền trái phép đạo Tin lành, đặc biệt chúng tìm cách khơi gợi lịch sử nhằm tiến hành kích động, lôi kéo đồng bào dân tộc H'Mông tham gia hoạt động thành lập “Nhà nước H'Mông tự trị”. Hoạt động tuyên truyền và tập hợp các lực lượng để thành lập “Nhà nước H'Mông tự trị” vẫn đang diễn ra âm ỉ ở khu vực Tây Bắc, nhất là ở các tỉnh biên giới giáp Lào. Quá trình tuyên truyền thành lập “Nhà nước H'Mông tự trị” có sự móc nối chặt chẽ giữa các đối tượng người H'Mông trong nước và ở Lào, cũng như các nước trong khu vực, thậm chí đã lựa chọn và đưa đi tập huấn một số đối tượng người H'Mông cộm cán ở các tỉnh Tây Bắc tại các “Trung tâm huấn luyện” ở khu vực biên giới của Lào, Thái Lan, Myanmar, rồi đưa về Việt Nam để lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, kích động các đối tượng quá khích tham gia chống phá chính quyền các tỉnh Tây Bắc.

- Phong tục tập quán lạc hậu, trình độ dân trí chưa cao đồng thời chịu sự kích động của các đối tượng xấu nên những năm qua tình trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc vẫn còn diễn ra tình trạng di dân tự do, tình trạng xuất cảnh và nhập cảnh trái phép. Thành phần dân tộc đa dạng, ngôn ngữ giao tiếp giữa các dân tộc có sự khác biệt nhất định gây khó khăn cho quá trình thông tin, trao đổi, lấy lời khai... từ phía lực lượng thực thi pháp luật.

- Địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi, chia cắt mạnh khiến cho việc đi lại khó khăn trong việc tiếp cận và khám nghiệm hiện trường các vụ án, xác

minh thông tin và đối tượng, cũng như khi áp dụng biện pháp nghiệp vụ khác, các biện pháp ngăn chặn..., đặc biệt là việc bảo đảm yếu tố nhanh chóng, bất ngờ trong triển khai các hoạt động nghiệp vụ trinh sát. Khí hậu lạnh giá khiến cho việc bảo quản hiện trường, dấu vết, vật chứng... gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến việc thu thập, bảo quản, đánh giá dấu vết tại hiện trường... Thời tiết khí hậu tại các tỉnh Tây Bắc cũng bị phân hóa sâu sắc, hàng năm tại những tỉnh này thường xảy ra các trận mưa lớn bao gồm có lũ quét, mưa đá... gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về người, nhà cửa, hoa màu, vật nuôi.

Những ảnh hưởng tiêu cực của đặc điểm tự nhiên, văn hóa, xã hội, kinh tế ở khu vực Tây Bắc đối với điều tra hình sự đã khiến cho hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc gặp nhiều thách thức, khó khăn và cần có sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước và sự nỗ lực của các cơ quan, đơn vị chức năng để tham mưu xây dựng, ban hành những giải pháp phù hợp.

3.1.2. Yếu tố về tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc

3.1.2.1. Những yếu tố thuận lợi

Đối tượng thực hiện hành vi tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc có hai nhóm người chính là người dân tộc thiểu số có trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, không có việc làm ổn định nên bị lôi kéo vào con đường phạm tội ma túy. Hai là nhóm đối tượng từ nơi khác đến hoặc đối tượng phạm tội chuyên nghiệp trên địa bàn tổ chức đường dây phạm tội ma túy. Do đó cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các chủ thể khác có thể tương đối dễ khoanh vùng, tham mưu, xây dựng kế hoạch và giải pháp để điều tra tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

3.1.2.2. Những yếu tố khó khăn

Một là, thời gần đây, trên tuyến Tây Bắc, các đối tượng truy nã đặc biệt nguy hiểm lần trốn tại địa bàn Vân Hồ (Sơn La), Mai Châu (Hòa Bình) và

Điện Biên (Điện Biên) cấu kết, móc nối với các đối tượng ở trong nước và ở nước ngoài sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép chất ma túy từ khu vực “Tam giác vàng” vào Việt Nam và đưa sang nước thứ ba tiêu thụ. Loại tội phạm này đã lợi dụng triệt để những tiến bộ của khoa học công nghệ, không gian mạng để điều hành, mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Điều này đã gây ra không ít khó khăn, thách thức cho lực lượng chức năng trong việc phát hiện, bắt giữ. Cụ thể, theo Báo cáo tổng kết Công tác phòng chống ma túy của Bộ Công an, trong 6 tháng đầu năm 2024 triển khai phương án 3631, “Công an các đơn vị, địa phương trên tuyến Tây Bắc phát hiện 1.761 vụ án ma túy với 2.285 đối tượng phạm tội, thu giữ 86 kg heroin; 89 kg ma túy tổng hợp; 19 kg thuốc phiện; vận động, bắt giữ 17 đối tượng truy nã về ma túy. Đã triệt xóa 36 điểm phức tạp về ma túy, phá nhỏ hơn 10.000 cây chứa chất ma túy trên địa bàn khu vực Tây Bắc”.

Hai là, tình hình về trình độ văn hóa của bị can phạm tội ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

Phân tích do NCS nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tình hình về trình độ văn hóa của bị can phạm tội về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc đối với 150 hồ sơ điển hình và với 240 bị can cho thấy: Không biết chữ: 13 bị can, chiếm 5,4%; Tiểu học: 59 bị can, chiếm 24,6%; Trung học cơ sở: 120 bị can, chiếm 50%; Trung học phổ thông: 81 bị can, chiếm 34%; Đã bỏ học: 26 bị can, chiếm 10,9%.

Theo phân tích thống kê, tỷ lệ bị can phạm tội về ma túy do Công an các tỉnh Tây Bắc điều tra, xử lý có trình độ văn hóa không đồng đều. Trong giai đoạn 2015 - 2024, bị can có trình độ trung học cơ sở và phổ thông trung học chiếm tỉ lệ phổ biến chiếm 64%, trong đó, bị can có trình độ trung học cơ sở chiếm tỉ lệ cao nhất chiếm 50%, đứng sau là bị can có trình độ trung học phổ thông chiếm 14%, còn lại là học hết cấp tiểu học. Số bị can phạm tội về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc trước khi phạm tội đang đi học chiếm tỉ

lệ cao (89,1%) so với số bị can đã bỏ học hoặc không đi học chiếm tỉ lệ 10,9%. Điều này cho thấy tình hình về trình độ văn hóa của bị can phạm tội về ma túy ở khu vực Tây Bắc Việt Nam thấp, do đó hành vi của các bị can thường mang tính manh động, bột phát, thiếu suy nghĩ, dễ bị lôi kéo, mua chuộc bởi các tác nhân tiêu cực. Đối với các bị can có trình độ văn hóa cao chủ yếu từ khu vực khác đến và các đối tượng này thường có tính toán, mưu mô xảo quyệt hơn và có xu hướng thực hiện các hành vi phạm tội nghiêm trọng hơn.

Ba là, tình hình về hoàn cảnh gia đình của bị can phạm tội về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

Phân tích tình hình về hoàn cảnh gia đình của bị can phạm tội về ma túy ở vùng Tây Bắc Việt Nam giai đoạn 2015 - 2024 do NCS nghiên cứu, khảo sát, phân tích, đánh giá điển hình trên 150 hồ sơ vụ án về ma túy với 240 bị can cho thấy:

+ Tình trạng gia đình: Khảo sát 150 hồ sơ vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc, số bị can phạm tội về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc trước khi bị khởi tố bị can sống cùng cha, mẹ là 212 chiếm 88,2%; 9 bị can có bố mẹ ly hôn chiếm 3,8%; 5 bị can sống với bố chiếm 2,30%; 8 bị can sống với mẹ chiếm 3,5% và 4 sống cùng người khác hoặc không có bố mẹ chiếm 1,85%.

+ Điều kiện kinh tế: Khảo sát 150 hồ sơ vụ án về ma túy do Công an các tỉnh Tây Bắc giải quyết cho thấy số bị can phạm tội về ma túy trên phạm vi địa bàn 6 tỉnh Tây Bắc có hoàn cảnh kinh tế gia đình nghèo là 69 bị can, chiếm 28,8%; bị can có hoàn cảnh kinh tế gia đình đủ ăn là 157 bị can, chiếm 65,5% và 5,6% là số bị can có hoàn cảnh gia đình khá giả với 13 bị can.

+ Thành phần gia đình: Bị can phạm tội về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc trước bị khởi tố bị can có thành phần gia đình là công nhân chiếm

35,85%; nông dân chiếm 55,38%; cán bộ viên chức chiếm 7,42%; học sinh, sinh viên chiếm 0,51%; Quân đội, Công an chiếm 0%; bố, mẹ là đảng viên chiếm 1,03%.

Với tình hình về hoàn cảnh gia đình của bị can phạm tội về ma túy ở khu vực Tây Bắc nói trên cho thấy những gia đình có hoàn cảnh khó khăn thường thiếu thốn về vật chất, cha mẹ phải đi làm ăn xa, ít có thời gian quan tâm đến con cái, còn đối với những gia đình khá giả nhưng lại bận rộn về công việc, ít có thời gian quan tâm, chăm sóc con. Do bị can sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh gia đình thiếu sự quan tâm, giáo dục từ nhỏ dẫn đến bị can ít chia sẻ tâm tư, tình cảm, gây khó khăn, cản trở cho việc xác định các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, ảnh hưởng đến quá trình ĐTVA về ma túy.

Bốn là, tình hình về thành phần dân tộc của bị can phạm tội ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

Nghiên cứu về thành phần dân tộc của bị can phạm tội ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc, bằng phương pháp nghiên cứu điển hình 150 bản kết luận ĐTVA có bị can phạm tội ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc với bản án đã có hiệu lực pháp luật từ bảng số liệu cho thấy thành phần dân tộc, cụ thể: Kinh: 76 bị can, chiếm 35,8%; Tày: 17 bị can, chiếm 8%; Thái: 27 bị can, chiếm 12,7%; Mông: 39 bị can, chiếm 18,4%; Thổ: 13 bị can, chiếm 6,1%; Khác: 74 bị can, chiếm 34,9%.

Theo thống kê, tỷ lệ bị can phạm tội về ma túy trên tại khu vực Tây Bắc có thành phần các dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao hơn số bị can dân tộc Kinh. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc ADPL trong ĐTVA ma túy do một số hành vi được coi là bình thường ở một số dân tộc thiểu số nhưng lại là hành vi phạm pháp luật như việc sử dụng thuốc phiện có thể được coi là một phần trong nghi lễ truyền thống của một số dân tộc thiểu số trên khu vực Tây Bắc, bên cạnh đó để có thuốc phiện sử dụng thì thường đi kèm hành vi mua bán, tàng trữ trái phép thuốc phiện.

Năm là, diễn biến tình hình tội phạm về ma túy ở khu vực “Tam giác Vàng”, ở Lào và Trung Quốc sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến diễn biến tình hình tội phạm về ma túy ở Tây Bắc, cũng như ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy do lực lượng CAND các tỉnh Tây Bắc triển khai. “Nhằm đối phó, lọt qua các khâu kiểm soát của các lực lượng chức năng Việt Nam, Lào và Trung Quốc ở khu vực biên giới, phương thức, thủ đoạn của các đường dây, đối tượng phạm tội về ma túy ở các tỉnh Tây Bắc sẽ ngày càng tinh vi, xảo quyệt, manh động hơn; đối tượng sẽ tiếp tục nghiên cứu và không ngừng cập nhật, áp dụng nhiều phương thức, thủ đoạn mới gây khó khăn cho công tác phòng ngừa, đấu tranh. Do đó các lực lượng chức năng, đặc biệt là lực lượng CAND, phải làm tốt công tác nắm và dự báo tình hình để có đối sách phù hợp với thực tiễn diễn biến của loại tội phạm này ở các tỉnh Tây Bắc”.

3.1.3. Yếu tố về cơ cấu tổ chức bộ máy và năng lực của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên và Cán bộ điều tra

3.1.3.1. Những ảnh hưởng tích cực

Mô hình tổ chức Cơ quan CSĐT tội phạm ma túy của lực lượng CAND trên địa bàn khu vực Tây Bắc Việt Nam được tổ chức thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 [2]; Nghị quyết 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” [5], Đảng ủy Công an Trung ương đã kịp thời xây dựng Đề án trình Bộ Chính trị phê duyệt và ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 “về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” [6], là cơ sở để Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2018/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Công an [28]. Hiện nay, thực hiện Kết luận số 121-KL/TW ngày

20/01/2025 của BCH Trung ương [13] và kết luận của Bộ Chính trị, Đề án số 25-ĐA/ĐUCA ngày 11/01/2025 của Đảng ủy Công an Trung ương về tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Công an địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới [21], Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ [29], Bộ Công an xác định “tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy CAND theo hướng tinh, gọn, mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”, theo đó mô hình Công an cấp huyện hiện nay không còn. Lực lượng Công an chỉ có 3 cấp: Bộ Công an, Công an cấp tỉnh và Công an cấp xã.

Bên cạnh đó, kế thừa những ưu điểm của Bộ luật TTHS năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, BLTTHS năm 2015 và Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 đã tiếp tục quy định cụ thể về mô hình tổ chức CQĐT ở Việt Nam, theo đó tại Điều 4 Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 quy định về hệ thống CQĐT ở Việt Nam hiện nay gồm: “Cơ quan điều tra của CAND; Cơ quan điều tra trong quân đội nhân dân; Cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao” và tại khoản 2 Điều 5 của Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 đã quy định cơ cấu tổ chức CQĐT của CAND trong đó Phòng CSĐT tội phạm về ma túy thuộc Công an cấp tỉnh là một cấp của CQĐT trong CAND, cụ thể “Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gọi chung là Cơ quan CSĐT cấp tỉnh”. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình tội phạm, cơ sở vật chất, thực tế số lượng ĐTV, CBĐT của Cơ quan CSĐT cấp tỉnh. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định bố trí các đội điều tra của Cơ quan CSĐT cấp tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy ở địa phương [69]. Đây là nội dung được quy định tại Thông tư số 07/VBHN-BCA ngày 19/11/2018 quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, thẩm quyền điều tra hình sự trong CAND và các đội điều tra thuộc Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện [17]. Cụ thể:

Phân tích số liệu thống kê cho thấy tổng số CBCS của Công an các tỉnh Tây Bắc đến hết năm 2024 thuộc Phòng CSĐT tội phạm về ma túy gồm hơn 800 CBCS, trong đó, số lượng CBCS Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Điện Biên chiếm 15,5%; số lượng CBCS Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hòa Bình chiếm biên chế 15,4%; số lượng CBCS Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lai Châu chiếm 16,7%; số lượng CBCS Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai biên chế 14,7%; số lượng CBCS Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Sơn La chiếm 21,8% và số lượng CBCS Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Yên Bái chiếm 15,9 %.

- Về độ tuổi:

Độ tuổi CBCS trong lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc còn khá trẻ, lứa tuổi dưới 35 tuổi chiếm 72%, vấn đề này phản ánh bản chất còn khá non trẻ của lực lượng Cảnh sát ĐTTP về ma túy, đang dần trưởng thành.

- Về trình độ nghiệp vụ:

Trình độ của các CBCS trong lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc tương đối đồng đều so với một số lực lượng khác. Trình độ đại học trở lên chiếm tỷ lệ 53,5%, trình độ cao đẳng chiếm tỷ lệ 5,2%, trình độ trung cấp chiếm tỷ lệ 41,3%. Như vậy, số lượng CBCS hiện nay chưa có trình độ đại học vẫn chiếm gần một nửa quân số.

- Về tổ chức bộ máy:

Phòng CSĐT tội phạm về ma túy thuộc Công an các tỉnh Tây Bắc bao gồm các Đội nghiệp vụ và Trung tâm cai nghiện. Phòng CSĐT tội phạm về ma túy được giao nhiệm vụ trực tiếp phòng ngừa, điều tra tội phạm về ma túy với bốn lĩnh vực cụ thể.

Như vậy, lực lượng CAND trực tiếp tiên hành đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc là Phòng CSĐT tội phạm về

ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc, và cơ cấu tổ chức của lực lượng này đã được kiện toàn từng bước theo tinh thần của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng và Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Cơ quan CSĐT của CAND và Cơ quan CSĐT cấp tỉnh thông qua Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có thẩm quyền đưa quan điểm của Đảng chỉ đạo nhanh chóng đi vào thực tiễn, có tầm ảnh hưởng, tác động tích cực đến công tác ADPL trong ĐTVAs ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc, phục vụ tốt hơn các yêu cầu chính trị, pháp luật, nghiệp vụ.

Bên cạnh yếu tố về tổ chức thì yếu tố về năng lực của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT Công an các tỉnh Tây Bắc là yếu tố quan trọng, then chốt trong chỉ đạo, định hướng lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc tiến hành ADPL trong ĐTVAs ma túy.

3.1.3.2. Những ảnh hưởng tiêu cực

- Đội ngũ Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đồng thời kiêm nhiệm công tác quản lý, hành chính, nhiệm vụ đột xuất và vừa đảm nhiệm nhiệm vụ tiến hành hoạt động ADPL trong ĐTVAs ma túy gây cản trở nhất định trong việc sát sao chỉ đạo, tổ chức tiến hành hoạt động này, nhất là khi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn chuyên sâu lĩnh vực này trên thực tế. Đây cũng là yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động ADPL trong ĐTVAs ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc.

- Trình độ, năng lực và nhận thức của một bộ phận các ĐTV, CBĐT của Công an các tỉnh Tây Bắc chưa thực sự chuyên sâu hoặc chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác điều tra, truy tố, xét xử vụ án ma túy, nhiều cán bộ chưa được đào tạo bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với đối

tượng phạm tội ma túy nên còn thiếu hiểu biết cần thiết về các lĩnh vực này. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc.

3.1.4. Các yếu tố khác

3.1.4.1. Những ảnh hưởng tích cực

- Hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống tội phạm ma túy giữa Việt Nam, Lào, Trung Quốc tạo điều kiện thuận lợi để các bên có liên quan, trong đó có đội ngũ CBCS thuộc lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam, phối hợp cung cấp tài liệu, thông tin về các đối tượng, phương thức vận chuyển, nhận diện các đường dây buôn bán ma túy để chủ động phòng ngừa và đấu tranh, đồng thời xác lập và đấu tranh chuyên án xuyên quốc gia, giúp triệt phá “tận gốc” những đường dây sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển ma túy lớn từ khu vực Tam giác vàng vào Việt Nam. Quá trình hợp tác quốc tế cũng góp phần tăng cường, trau dồi năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn cho CBCS thuộc CSĐT tội phạm về ma túy tại Công an các tỉnh Tây Bắc nói riêng, lực lượng CSND Việt Nam nói chung trong ADPL trong ĐTVÁ ma túy.

- Sự phối hợp đồng bộ của lực lượng CAND và các lực lượng như Bộ đội biên phòng, Hải quan, chính quyền địa phương và quần chúng nhân dân trong kiểm tra, giám sát và kiểm soát tình hình ma túy trên địa bàn, nhất là tại khu vực các cửa khẩu, khu vực biên giới giáp danh giữa các tỉnh Tây Bắc Việt Nam với Lào và Trung Quốc tạo thành một mạng lưới phát hiện, đấu tranh phòng ngừa ma túy đa tầng, cũng như tạo điều kiện tiến hành các chuyên án lớn về ma túy có hiệu quả.

- Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ và ứng dụng những thành tựu tiên bộ của khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào công tác Công an nói chung, trong ĐTVÁ ma túy nói riêng mang lại hiệu quả cao, đặc biệt trong

các vụ án lớn, có tính chất xuyên quốc gia, xuyên lãnh thổ. Hiện nay, rất nhiều thiết bị trinh sát, các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại đã được trang bị cho lực lượng CAND giúp định vị, quan sát, theo dõi đối tượng trong điều kiện rừng núi hiểm trở đặc thù của Tây Bắc, giúp thu thập các chứng cứ phạm tội, củng cố hồ sơ vụ án.

3.1.4.2. Khó khăn

- Quá trình hợp tác quốc tế mở ra cơ hội lớn cho việc hội nhập kinh tế với những chính sách khuyến khích phát triển kinh tế quốc tế, giao thông thông suốt giữa Việt Nam và các quốc gia có đường biên giáp ranh. Điều này cũng tạo cơ hội cho tội phạm lợi dụng nhằm che giấu, ngụy trang số lượng lớn ma túy trong hàng hóa, với phương thức giao dịch tiền tệ phức tạp... gây khó khăn nhất định cho khâu phát hiện, kiểm tra, giám sát của lực lượng chức năng.

- Sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán và nhất là trong hệ thống pháp luật của Việt Nam và các nước láng giềng về vấn đề tội phạm ma túy, cụ thể là trong quy định về tội phạm ma túy và hình phạt liên quan đến tội phạm này gây khó khăn trong công tác điều tra, xử lý vụ án. Quá trình tương trợ tư pháp giữa các nước thường bị kéo dài, làm chậm trễ tiến độ điều tra, giải quyết vụ việc. Vấn đề chủ quyền biên giới luôn phải được tuân thủ nghiêm ngặt làm giới hạn khả năng truy vết đối tượng trên phạm vi lãnh thổ nước ngoài.

- Tội phạm ma túy, nhất là các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia, luôn đi trước trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt là ứng dụng những công nghệ mới nhất, hiện đại nhất để trốn tránh, đánh lạc hướng sự kiểm tra của các cơ quan chức năng. Điều này buộc lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc phải liên tục cập nhật, nâng cấp thiết bị, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đấu tranh chuyên án. Điều này không

chỉ đòi hỏi nguồn kinh phí, mà còn là trình độ, năng lực và kỹ năng của CBCS CAND. Tuy nhiên, với thực trạng các tỉnh Tây Bắc hiện nay, phương tiện kỹ thuật trang bị cho lực lượng Công an trong ĐTVAs ma túy còn chưa thực sự đáp ứng tốt nhu cầu thực tiễn công tác, số lượng phương tiện hiện đại rất ít, kỹ năng sử dụng và bảo trì các phương tiện, thiết bị hiện đại với công nghệ cao của đội ngũ cán bộ còn rất hạn chế. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc truyền, lưu trữ và xử lý dữ liệu từ các thiết bị trinh sát, giám sát chưa đủ mạnh và ổn định tại một số địa bàn nằm rất xa trung tâm các tỉnh Tây Bắc.

3.2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM

3.2.1. Kết quả áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam và nguyên nhân

3.2.1.1. Kết quả áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam

Thứ nhất, áp dụng pháp luật trong tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo, hồ sơ ban đầu về tội phạm ma túy

Đây là hoạt động sau khi tiếp nhận vụ việc từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, lực lượng Công an của 06 tỉnh Tây Bắc tiến hành đánh giá vụ việc đó có dấu hiệu của tội phạm như nội dung tin báo, tố giác tội phạm của người cung cấp thông tin hay không. Việc tổ chức tiếp nhận và xác định tính chất vụ việc được lực lượng Công an của 06 tỉnh Tây Bắc đánh giá thông qua các tài liệu, thông tin và chứng cứ từ các chủ thể cung cấp nguồn tin về tội phạm, nếu xét thấy đủ các dấu hiệu của tội phạm thì sẽ đưa vào quy trình xử lý theo đúng quy định.

Trong khoảng thời gian từ 2015 đến 2024, lực lượng Công an của các tỉnh Tây Bắc đã tiếp nhận 1.021 tố giác, tin báo về tội phạm ma túy, qua đó đã xác minh làm rõ và đưa vào xử lý theo quy trình TTHS 783 vụ việc về ma túy.

Lực lượng Công an của các tỉnh Tây Bắc đã nghiên cứu, lựa chọn và xác định các quy phạm pháp luật như Bộ luật TTHS 2003 [67]; Bộ luật TTHS năm 2015. BLHS năm 1999 [65]; BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 [71]... Đây là các văn bản pháp luật để ADPL xác định, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy.

Từ việc xác định cơ sở pháp lý trong các văn bản pháp luật đã lựa chọn về tố giác, tin báo và lựa chọn các căn cứ pháp lý để áp dụng xác định tài liệu, thông tin, chứng cứ do người tố giác, báo tin là tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã so sánh, đối chiếu các tình tiết thông tin, tài liệu, chứng cứ do chủ thể cung cấp nguồn tin về tội phạm về ma túy với các văn bản pháp luật đã lựa chọn. Cụ thể, với 1.021 vụ việc tiếp nhận đã tiếp nhận thì lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã quyết định áp dụng, xác định được 783 tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy.

Theo thống kê, phân tích số liệu cho thấy kết quả tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc:

- Số vụ việc tiếp nhận từ nguồn xác định tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy gồm 783 vụ việc

- Kết quả xác định tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy được xác định từ nguồn tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy là 783/1.021 vụ việc (chiếm khoảng 77%).

- Số vụ việc đã tiếp nhận không phải là tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy là 238/1.021 (chiếm 23%). [Phụ lục 1]

Như vậy, kết quả ADPL trong tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy của lực lượng Công an của 06 tỉnh Tây Bắc đã đạt được những thành tựu nhất định. Không có trường hợp nào vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật TTHS trong ADPL tiếp nhận các tố giác và tin báo về tội phạm về ma túy. Đây là những kết quả đáng ghi nhận và là cơ sở giúp lực lượng Công an của 06 tỉnh Tây Bắc tiến hành ADPL trong quá trình khởi tố để điều tra các vụ án về ma túy trên phạm vi địa bàn mình quản lý.

Thực tiễn lực lượng Công an của 06 tỉnh Tây Bắc sau khi ADPL trong tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy đã xác định được 783 vụ việc tiếp nhận là tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy. Mỗi tin tố giác, tin báo tội phạm ma túy đều được lực lượng Công an của 06 Tây Bắc phân tích, đánh giá chi tiết về từng tài liệu, thông tin, chứng cứ thu thập được khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm ma túy để xác định căn cứ và tính hợp pháp trong giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm ma túy.

Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã nghiên cứu làm rõ quan điểm, tư tưởng và nội dung các quy phạm pháp luật để làm căn cứ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, căn cứ khởi tố VAHS hay căn cứ không khởi tố VAHS, cũng như tạm đình chỉ giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm như: Bộ luật TTHS năm 2003, Bộ luật TTHS năm 2015; BLHS năm 1999; BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015... Đối với từng loại tố giác, tin báo về tội phạm ma túy đã được lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc nghiên cứu, làm rõ quan điểm, tư tưởng và nội dung điều khoản cần áp dụng ở những quy phạm pháp luật trên.

Thứ hai, áp dụng pháp luật trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can phạm tội về ma túy

Sau khi xác định được các điều, khoản trong quy phạm pháp luật đã lựa chọn, lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc tiến hành so sánh, đối chiếu với những thông tin, tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và chưa thu thập được để ban hành văn bản áp dụng phù hợp. Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc đã ban hành 52 Quyết định phân công Phó thủ trưởng CQĐT giải quyết nguồn tin về tội phạm; Quyết định phân công ĐTV, CBĐT giải quyết nguồn tin về tội phạm với 324 lượt ĐTV, CBĐT tham gia; 17 Quyết định thay đổi Phó thủ trưởng CQĐT giải quyết nguồn tin về tội phạm; 37 Quyết định thay đổi ĐTV, CBĐT giải quyết nguồn tin về tội phạm

với 258 lượt ĐTV, CBĐT tham gia; 257 lượt Đề nghị gia hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm; 764 Báo cáo kết thúc giải quyết nguồn tin về tội phạm; 584 lượt Quyết định khởi tố VAHS; 199 lượt Quyết định không khởi tố VAHS; 19 lượt Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; 14 lượt Quyết định phục hồi giải quyết các nguồn tin về tội phạm. Đây là những kết quả đáng ghi nhận của lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc thể hiện trình độ nghiệp vụ và pháp luật cao, sự tổng hợp, đánh giá các tình tiết, phân tích các văn bản quy phạm pháp luật có khoa học trên cả phương diện căn cứ và hợp pháp.

Việc triển khai thực hiện các văn bản ADPL do Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc đã ban hành như: “Quyết định phân công, Báo cáo kết thúc giải quyết nguồn tin về tội phạm; Quyết định khởi tố vụ án; Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; Quyết định không khởi tố vụ án”... là những văn bản ADPL buộc lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc phải thi hành và triển khai thực hiện. Như quyết định phân công ĐTV, CBĐT giải quyết nguồn tin về tội phạm thì ĐTV và CBĐT phải nghiêm túc thực hiện và tổ chức, tiến hành theo luật định; Quyết định khởi tố VAHS của lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc được thông báo cho người tố giác, báo tin về tội phạm biết việc khởi tố, chuyển Quyết định khởi tố vụ án cho Viện Kiểm sát có thẩm quyền để Viện Kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát việc khởi tố VAHS về ma túy [Phụ lục 2].

Trong giai đoạn 2015-2024, lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc đã phân tích đầy đủ các tình tiết khách quan của vụ án, phân tích, lựa chọn quy phạm pháp luật một cách khá toàn diện, chính xác để làm căn cứ cho việc ban hành 2.457 quyết định khởi tố bị can liên quan đến tội phạm ma túy, trong đó có 89 quyết định khởi tố bị can về tội trồng cây có chứa chất ma túy; 107 quyết định khởi tố bị can về tội sản xuất trái phép chất

ma túy; 148 quyết định khởi tố bị can về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; 187 quyết định khởi tố bị can về tội vận chuyển trái phép chất ma túy; 125 quyết định khởi tố bị can về tội mua bán trái phép chất ma túy; 45 quyết định khởi tố bị can về tội chiếm đoạt chất ma túy; 124 quyết định khởi tố bị can về tội vận chuyển, tàng trữ, mua bán hoặc chiếm đoạt các tiền chất dùng để sản xuất trái phép chất ma túy; 42 quyết định khởi tố bị can về tội sản xuất, vận chuyển, tàng trữ hoặc mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; 1.422 quyết định khởi tố bị can về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; 70 quyết định khởi tố bị can về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép các chất ma túy; 36 quyết định khởi tố bị can về tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép các chất ma túy; 25 quyết định khởi tố bị can về tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; 37 quyết định khởi tố bị can về tội vi phạm quy định về quản lý các chất ma túy, các tiền chất, thuốc gây nghiện và thuốc hướng thần.

Sau khi ban hành các quyết định khởi tố bị can, lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc tiến hành triển khai thực hiện các quyết định khởi tố bị can thông qua các văn bản như lệnh phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với bị can cùng quyết định khởi tố bị can và hồ sơ tài liệu, chứng cứ gửi đến Viện Kiểm sát có thẩm quyền đề nghị xem xét phê chuẩn. Khi Viện Kiểm sát phê chuẩn quyết định khởi tố bị can thì lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc giao quyết định về việc khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can cho bị can và giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can. Quá trình giao nhận này được ghi nhận bằng biên bản theo đúng quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 (Điều 133).

Thứ ba, ADPL trong bảo đảm quyền bào chữa của người bị bắt giữ, bị can, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

Trước yêu cầu của việc hoàn thành mục tiêu cải cách tư pháp hiện nay theo Nghị quyết 27-NQ/TW [11], Cơ quan CSĐT cấp tỉnh trên địa bàn khu

vực Tây Bắc Việt Nam trong những năm qua đã ADPL bảo đảm quyền bào chữa của người bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố nói chung và bị can phạm tội về ma túy nói riêng. Việc ADPL bảo đảm được quyền bào chữa trong ĐTVA về ma túy của Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc đã tiến hành, cụ thể: Một là, xác lập quyền bào chữa thông qua việc xác định diễn biến, tình tiết trong từng vụ án có bị can phạm tội ma túy theo các quy định của pháp luật TTHS, trong đó các vụ án có bị can dưới 18 tuổi (43/783 vụ), các vụ có bị can, bị cáo bị buộc tội về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình (197/783 vụ) đều được chỉ định người bào chữa bắt buộc. Hai là, tiến hành, tiếp nhận và xử lý đơn yêu cầu bảo đảm quyền bào chữa khi có yêu cầu hợp pháp của bị can phạm tội về ma túy. Đây là trách nhiệm của Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc tiến hành tiếp nhận đơn yêu cầu có người bào chữa trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam có liên quan đến tội phạm về ma túy, đã tiếp nhận và xử lý với nhiều vụ án có người bào chữa và từ chối người bào chữa. Sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản về người bào chữa của bị can trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam, Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc tiến hành đóng dấu văn bản đến, ghi rõ thời gian nhận và thông báo cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam về tội phạm ma túy để họ đưa ra ý kiến về việc yêu cầu người bào chữa; Ba là, thực hiện thủ tục bảo đảm quyền bào chữa “khi tiến hành các hoạt động tố tụng đối với các vụ án có bị can phạm tội về ma túy” trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc Việt Nam như lấy lời khai, hoạt động hỏi cung bị can... Ngoài ra, đã tổ chức cho 137 bị can phạm tội về ma túy bị tạm giam gặp người bào chữa, bảo đảm quyền có người bào chữa của bị can phạm tội về ma túy.

Thứ tư, ADPL trong áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc được thực hiện ngay sau khi xác định địa vị pháp lý của bị can thông qua việc tổ chức thi hành lệnh, quyết định khởi tố bị can. Sau đó lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã tiến hành phân tích toàn diện các đặc trưng pháp lý, xác định áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can từ những tài liệu, chứng cứ, thông tin đã thu thập được, tiến hành so sánh, đối chiếu cụ thể với điều, khoản của văn bản pháp luật quy định về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn như Bộ luật TTHS năm 2003, Bộ luật TTHS năm 2015; BLHS năm 1999; BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015... Nhờ vậy, nhìn chung các quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc bảo đảm đúng pháp luật.

Phân tích số liệu cho thấy: “số lượt đối tượng bị lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc áp dụng biện pháp tạm giữ là 1.505/2.457, chiếm 61,24%; 270/2.457, chiếm 10,98% (trong đó có 25/2.457 đối tượng là người dưới 18 tuổi do bị khởi tố vì tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng) số lượt đối tượng áp dụng biện pháp tạm giam; số lượt đối tượng áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh là 627/2.457, chiếm 25,46%; số lượt đối tượng áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú là 1.437/2.457, chiếm 58,50%; số lượt đối tượng áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh là 947/2.457 (trong đó có 167/2.457 đối tượng là người nước ngoài), chiếm 38,53%; số lượt đối tượng áp dụng biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm là 7/2.457, chiếm 0,29%; số lượt đối tượng áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm 05/2.457 chiếm 0,22% (đây là biện pháp được Bộ luật TTHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 về biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm)” [Phụ lục 3].

Nhìn chung, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can luôn được lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc cân nhắc, tính toán bảo đảm yêu cầu quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, đồng thời bảo đảm nguyên tắc xử lý tội phạm về ma túy và bảo đảm quyền của bị can khi tổ chức ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc.

Thứ năm, ADPL trong áp dụng các biện pháp điều tra TTHS để chứng minh tội phạm và người phạm tội về ma túy.

- Về việc áp dụng biện pháp lấy lời khai:

Khi ADPL trong áp dụng biện pháp lấy lời khai lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc luôn tiến hành phân tích các tình tiết, tài liệu, thông tin và chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra để xác định sự kiện pháp lý phù hợp với việc áp dụng biện pháp điều tra lấy lời khai. Sau đó, so sánh các tài liệu, thông tin và chứng cứ đã thu thập được với các văn bản quy phạm pháp luật về áp dụng biện pháp lấy lời khai và lựa chọn văn bản quy phạm pháp luật phù hợp như Bộ luật TTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và 2025, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025. Qua đó, lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc làm rõ nội dung, ý nghĩa của văn bản quy phạm pháp luật đối với biện pháp lấy lời khai được quy định trong phần thứ hai, chương XII của Bộ Luật TTHS năm 2015. Sau đó, lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc tiến hành xác định, thiết lập địa vị pháp lý trong TTHS đối với người tham gia tố tụng để áp dụng biện pháp lấy lời khai như ban hành văn bản tố tụng mẫu số 211; mẫu số 212; mẫu số 213 theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA [18].

Sau đó lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc ban hành văn bản áp dụng biện pháp lấy lời khai đối với người tham gia tố tụng và tổ chức thi hành áp dụng biện pháp lấy lời khai như xác định chủ thể tiến hành lấy lời khai. Trong đó nghiên cứu điển hình 150/783 vụ án về ma túy thì có đến 35 lượt Thủ trưởng Cơ quan CSĐT tiến hành lấy lời khai, 102 lượt Phó

thủ trưởng Cơ quan CSĐT tiến hành lấy lời khai và 197 lượt ĐTV tiến hành lấy lời khai và còn lại là CBĐT tiến hành lấy lời khai.

Khi tổ chức lấy lời khai, Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc đã tiến hành giải thích quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được áp dụng biện pháp lấy lời khai và nội dung này được thể hiện vào biên bản lấy lời khai cũng như thực tiễn cho thấy các vụ án đều thể hiện rõ tình tiết, nội dung, thông tin liên quan đến vụ án được ghi lại đầy đủ, có giá trị pháp lý, giá trị chứng minh VAHS.

Kết thúc quá trình lấy lời khai Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc, ĐTV, CBĐT để người tham gia tố tụng được áp dụng biện pháp điều tra lấy lời khai viết bản tự khai hoặc bản tường trình theo mẫu số 137 và biên bản ghi lời khai theo mẫu số 140 kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA [18] và đọc nội dung biên bản cho người được lấy lời khai nghe, ký xác nhận.

- Về việc áp dụng biện pháp điều tra hỏi cung bị can:

Hoạt động áp dụng biện pháp hỏi cung bị can trong ĐTV ma túy của lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc nhìn chung được tiến hành bài bản từ giai đoạn phân tích các tình tiết, tài liệu, thông tin và chứng cứ đã thu thập được từ quá trình ĐTV ma túy để lựa chọn áp dụng quy phạm pháp luật TTHS đến giai đoạn ban hành văn bản áp dụng biện pháp điều tra hỏi cung bị can và tổ chức thực hiện hỏi cung bị can.

Sau khi lựa chọn áp dụng biện pháp điều tra hỏi cung bị can, lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc đã tổ chức thi hành các văn bản này thông qua việc gửi giấy triệu tập cho bị can và giấy mời người đại diện của bị can, văn bản thông báo cho Viện Kiểm sát nhân dân có thẩm quyền; Văn bản thông báo cho người bào chữa của bị can về địa điểm, ngày giờ tiến hành hỏi cung bị can của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc. Đối với những trường hợp áp dụng biện pháp hỏi cung lần đầu đối với bị can ĐTV của lực

lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc luôn giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị can trước khi tiến hành hỏi cung bị can. Cụ thể, lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc đã áp dụng biện pháp hỏi cung bị can đối với 783 vụ án có 2.457 bị can. Việc tổ chức hỏi cung bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi về cơ bản tuân thủ các quy định về thời gian, sự tham gia của người đại diện hợp pháp và người bào chữa. Đối với 167 đối tượng người nước ngoài khi tiến hành hỏi cung đều có người phiên dịch và đều thông báo đến cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà đối tượng bị hỏi cung mang quốc tịch tại Việt Nam. Khi kết thúc cuộc hỏi cung bị can ĐTV đều lập biên bản theo quy định tại Điều 133 Bộ luật TTHS năm 2015 [70]. Biên bản được ghi đầy đủ câu hỏi ĐTV đặt ra và lời trình bày của bị can cùng với dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo quy định. Sau mỗi buổi hỏi cung, ĐTV đã đọc lại nội dung biên bản ghi lại nội dung việc hỏi cung cho những người có mặt khi hỏi cung biết và ký xác nhận vào biên bản ghi lại nội dung việc hỏi cung hoặc để cho bị can cũng như người có mặt ở buổi hỏi cung tự đọc khi có yêu cầu.

- Về việc áp dụng biện pháp đối chất:

Lực lượng Công an của 06 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc khi tiến hành ADPL trong ĐTVA mà tụy đã thực hiện tốt việc xác định các sự kiện pháp lý có mâu thuẫn trong biên bản ghi lời khai giữa hai hay nhiều người trong vụ án đó. Thường đây là mâu thuẫn có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện khi giải quyết vụ án. Nếu đã áp dụng biện pháp điều tra khác nhưng không giải quyết được mâu thuẫn thì ĐTV thụ lý chính vụ án áp dụng biện pháp đối chất. Cụ thể, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc áp dụng biện pháp đối chất đối với 41 lượt/783 vụ án, chiếm 5,2%. Quá trình thực hiện áp dụng biện pháp đối chất được ĐTV của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc được tiến hành đúng pháp luật, đã thực hiện lấy lời khai, lập biên bản hỏi về mối quan hệ giữa những người tham gia đối chất, sau đó hỏi về những tình

tiết cần làm sáng tỏ và tiến hành hỏi từng người tham gia đối chất cũng như đưa ra những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và cho những người tham gia đối chất hỏi lẫn nhau. Kết thúc buổi đối chất, ĐTV của Công an các tỉnh Tây Bắc đã lập biên bản và ghi nhận đầy đủ các câu hỏi và câu trả lời tương ứng của những người tham gia đối chất theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 (Điều 178) [70]. Trong nhiều trường hợp, CQĐT đã tiến hành việc ghi âm, ghi hình có âm thanh khi tổ chức biện pháp đối chất.

- Về việc áp dụng các biện pháp khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

Giai đoạn này được tiến hành bắt đầu từ giai đoạn phân tích các tình tiết, thông tin, tài liệu và chứng cứ thu thập được trong quá trình ĐTVA về ma túy để lựa chọn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật TTHS đến giai đoạn ra văn bản, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện áp dụng biện pháp hỏi cung bị can. Sau khi lựa chọn áp dụng biện pháp hỏi cung bị can phạm tội về ma túy, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã tổ chức thi hành các văn bản này thông qua việc gửi giấy triệu tập cho bị can, văn bản thông báo Viện Kiểm sát có thẩm quyền; Văn bản thông báo cho người bào chữa của bị can về địa điểm, ngày giờ tiến hành hỏi cung bị can phạm tội về ma túy. ĐTV được phân công thụ lý chính vụ án tiến hành nghiên cứu hồ sơ, thông tin tài liệu, chứng cứ so sánh, đối chiếu xác định có đầy đủ căn cứ pháp lý để lựa chọn biện pháp khám xét hay chưa; Phân tích nội hàm quy định của văn bản quy phạm pháp luật và so sánh với thông tin, tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã ADPL đối với 783 vụ án, ra lệnh, quyết định khám xét đối với 412 lượt khám xét, chiếm 52,6%. Sau khi ra văn bản áp dụng biện pháp khám xét, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc tiến hành tổ chức thực hiện 412 lượt áp dụng biện pháp khám xét. Tùy từng vụ án cụ thể lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc tiến hành khám xét người, khám chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, khám phương tiện, tài liệu, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử. Quá trình khám xét ĐTV

chủ trì buổi khám xét đọc lệnh, giải thích cụ thể quyền và nghĩa vụ theo luật định của những người có mặt ở buổi khám xét đó biết và đưa cho người bị khám xét đọc lệnh, đồng thời yêu cầu người bị khám xét đưa ra những đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án. Trường hợp khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện thì phải có người chứng kiến theo quy định của Bộ luật TTHS và đại diện chính quyền địa phương nơi tổ chức khám xét.

- Về việc áp dụng biện pháp khám nghiệm hiện trường:

Quá trình áp dụng biện pháp khám nghiệm hiện trường của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc nhìn chung đã được các ĐTV chủ trì phân tích các tình tiết, tài liệu, thông tin và chứng cứ thu thập được. Các ĐTV đã thực hiện tốt việc lựa chọn quy phạm pháp luật trong Bộ luật TTHS năm 2015 để ra văn bản tố tụng áp dụng biện pháp khám nghiệm hiện trường đối với 783 vụ án về ma túy trên địa bàn khu vực Tây Bắc. Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã tiến hành 583 lượt khám nghiệm hiện trường và gửi thông báo bằng văn bản đến Viện Kiểm sát có thẩm quyền biết về thời gian, địa điểm tổ chức khám nghiệm hiện trường. Viện Kiểm sát đã cử Kiểm sát viên tham gia giám sát việc khám nghiệm hiện trường và gửi văn bản mời người chứng kiến hoạt động khám nghiệm hiện trường.

Việc khám nghiệm hiện trường được lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc tiến hành đầy đủ các hoạt động như chụp ảnh, đo đạc, mô tả và vẽ sơ đồ hiện trường, tiến hành thu giữ những thông tin tài liệu và chứng cứ liên quan đến vụ án. Kết thúc hoạt động khám nghiệm hiện trường, ĐTV chủ trì luôn tiến hành lập biên bản ghi nhận lại kết quả khám nghiệm hiện trường và đọc cho mọi người có mặt tại buổi khám nghiệm hiện trường ký vào biên bản theo luật định.

- Về việc áp dụng biện pháp xem xét dấu vết trên thân thể:

Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã tiến hành áp dụng 48 lượt biện pháp xem xét dấu vết trên thân thể trong tổng thể 783 vụ án về ma túy ở vùng

Tây Bắc, chiếm 6,13%. Giai đoạn tổ chức thực hiện áp dụng biện pháp xem xét dấu vết trên thân thể luôn do người cùng giới thực hiện và chứng kiến, trong một số trường hợp đặc biệt (như người giới tính thứ ba) đã được lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc mời bác sĩ tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể và chứng kiến.

Kết thúc hoạt động xem xét dấu vết trên thân thể, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc luôn tiến hành lập biên bản ghi nhận quá trình thực hiện và mô tả dấu vết đã phát hiện trên thân thể và một số trường hợp cần thiết đã tiến hành chụp ảnh hoặc trưng cầu giám định.

- Về việc áp dụng biện pháp thực nghiệm điều tra:

Trong quá trình ADPL ĐTV ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc, ĐTV thụ lý vụ án xác định những thông tin, tài liệu và chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra xét thấy cần xác minh, kiểm tra thông tin, tài liệu và chứng cứ đã thu thập được thì ĐTV đó chủ trì tiến hành thực nghiệm điều tra như: Dựng lại hiện trường, diễn lại hoặc làm thử một hành vi, sự việc, hiện tượng hoặc có thể thực nghiệm điều tra về khả năng hành động, quan sát, khả năng diễn ra của sự việc hiện tượng.

Khảo sát cho thấy, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã tiến hành thực nghiệm điều tra 652 lượt/783 vụ án về ma túy, chiếm 83,27%. ĐTV trước khi tiến hành thực nghiệm điều tra luôn thông báo cho Viện Kiểm sát biết về thời gian, về địa điểm để Kiểm sát viên kiểm sát việc thực nghiệm điều tra và tiến hành gửi thông báo mời người chứng kiến. Kết thúc thực nghiệm điều tra ĐTV đã lập đọc lại biên bản thực nghiệm điều tra hoặc để bị can tự đọc lại biên bản cho mọi người có mặt tại đó biết và ký xác nhận.

- Về việc áp dụng biện pháp trưng cầu giám định:

Biện pháp trưng cầu giám định được lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc áp dụng để định tính và định lượng số tang vật nghi là ma túy, ngoài ra còn áp dụng biện pháp điều này để xác định nguồn gốc các dấu vết hình sự khác

thu được trong quá trình điều tra. Theo thống kê, trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2024, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã áp dụng trung cầu giám định đối với 583 lượt/783 vụ án, chiếm 74,46%. Trước khi tiến hành trung cầu giám định, ĐTV thụ lý chính vụ án ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc luôn phân tích những tài liệu, chứng cứ và thông tin thu thập được để đối chiếu so sánh xem có thuộc vào các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định theo luật định hay không hoặc trong một số trường hợp ĐTV xét thấy cần phải trung cầu giám định để làm rõ những tình tiết liên quan đến vụ án đến cơ quan có chuyên môn trung cầu giám định.

- Về việc áp dụng biện pháp điều tra định giá tài sản:

Biện pháp định giá tài sản đã được lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc áp dụng đối với 452 lượt/783 vụ án về ma túy, chiếm 57,73%. Trong các vụ án ma túy ở vùng Tây Bắc, ĐTV chủ trì vụ án tiến hành đánh giá những thông tin, tài liệu và chứng cứ trong vụ án cần phải xác định giá trị của tài sản để giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện thì lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc tiến hành ra văn bản yêu cầu định giá tài sản và gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản kèm theo hồ sơ, tài liệu, đối tượng yêu cầu định giá tài sản cho Hội đồng định giá tài sản và đồng thời gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản đó cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.

- Về việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt:

Đây là biện pháp điều tra được tiến hành bởi ĐTV thụ lý chính trong vụ án ma túy, trong quá trình điều tra tiến hành đánh giá thông tin, tài liệu và chứng cứ trong vụ án về ma túy thuộc các trường hợp “*Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” thì có thể áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã phân tích, lựa chọn văn bản quy phạm pháp luật để tiến hành so sánh, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ và thông tin thu thập được, sau đó ra

văn bản đề nghị cá nhân có thẩm quyền để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với vụ án ma túy. Cụ thể, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã tiến hành áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt 07 lượt với tội phạm về ma túy trong tổng 783 vụ án ma túy. Kết thúc quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc luôn có văn bản đề nghị hủy bỏ việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt kịp thời và đúng quy định.

Thứ sáu, ADPL trong kết thúc ĐTVA ma túy.

Khảo sát thực tế cho thấy việc tổ chức ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã tiến hành một cách nghiêm túc theo đúng quy định. Các Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT được phân công ĐTVA ma túy đã tiến hành tổ chức xác định sự kiện pháp lý thông qua việc đánh giá chứng cứ, thông tin thu thập được trong quá trình điều tra, tiến hành xác định các tài liệu, chứng cứ, thông tin đã thu thập đủ căn cứ pháp lý ADPL trong kết thúc điều tra 783 vụ án với 2.457 bị can.

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT được phân công ĐTVA đã nghiên cứu, lựa chọn và xác định các quy định tại Điều 105 và Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003 [67]; Điều 19, Điều 25 và Điều 69 BLHS năm 1999 [65]; Điều 155 và Điều 157 Bộ luật TTHS năm 2015 [70]; Điều 16, Điều 29 và Điều 91 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 [71] (không có sự việc phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết; đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện hành vi phạm tội) là những căn cứ pháp lý để ADPL trong kết thúc ĐTVA ma túy.

Từ việc xác định cơ sở pháp lý kết thúc điều tra và lựa chọn các căn cứ pháp luật để áp dụng kết thúc ĐTVA ma túy, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã so sánh, đối chiếu với các tình tiết, tài liệu, chứng cứ, thông tin của

783 vụ án với 2.457 bị can đã thu thập được để quyết định áp dụng và ra bản kết luận điều tra, cụ thể như sau:

- Kết thúc điều tra chuyển Viện Kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố 674/783 vụ án (chiếm 86,08 %) với 1.986/2.457 bị can (chiếm 80,83 %).

- Đình chỉ điều tra 109/783 vụ án (chiếm 13,92%) và 471/2.457 bị can (chiếm 19,17%) [Phụ lục 4].

Các quyết định đình chỉ ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã được thực hiện và gửi cho Viện Kiểm sát có thẩm quyền, chuyển cho bị can và người đại diện của bị can và bị hại, luật sư biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định. Không có trường hợp đình chỉ điều tra bị can do oan, sai hoặc hành vi không cấu thành tội phạm, mặc dù số vụ án về ma túy nhiều và số bị can bị khởi tố đông. Đây là một trong những kết quả nổi bật mà lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc cần tiếp tục phát huy.

3.2.1.2. Nguyên nhân của kết quả

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan.

- Các cấp ủy Đảng từ Trung ương xuống địa phương đã đề ra nhiều chủ trương đúng đắn đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn Tây Bắc nói chung và hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc nói riêng.

Hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động ADPL trong ĐTVA hình sự nói riêng, là lĩnh vực rất quan trọng, điều đó được ghi nhận trong các Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng. Đảng ta đã đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và trực tiếp về ADPL trong ĐTVA hình sự thông qua các Nghị quyết của Đảng như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trong công tác tư pháp trong thời gian tới” [1] và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” [2].

- Pháp luật quy định về ĐTVÁ ma túy đang dần được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt tác động trực tiếp đến công tác chỉ đạo hoạt động ADPL của CQĐT nói chung và chỉ đạo lực lượng CSĐT tội phạm ma túy trong ĐTVÁ ma túy nói riêng. Pháp luật đã thể hiện được nguyên tắc nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong ĐTVÁ hình sự. Đối với những điều luật, quy định pháp luật chưa rõ, gây ra nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến làm cho nhiều CQĐT có cách áp dụng khác nhau, điều đó hiện nay đã được Bộ Công an, các cơ quan liên quan kịp thời ban hành các văn bản pháp luật giải thích, hướng dẫn để thống nhất áp dụng trên toàn quốc. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi để giúp lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc có nhận thức và hành động thống nhất trong ĐTVÁ ma túy đạt kết quả tốt.

- Nhận thức pháp luật của những bị can trong các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc sau khi được ĐTV, CBĐT giải thích thuyết phục đã có nhiều chuyển biến tích cực và ý thức xã hội được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng của Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc về chuyên môn, điều tra án đã có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng hiệu quả hơn. Các trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn, các trường hợp khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra về cơ bản bảo đảm đúng căn cứ pháp luật.

- Phần lớn CBCS trực tiếp tiến hành ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc hiện nay có độ nghiệp vụ chuyên môn cao, am hiểu kiến thức pháp luật và có kinh nghiệm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy. Đây là điều kiện thuận lợi để quá trình triển khai việc ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đạt kết quả cao nhất.

- Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ma túy, chỉ ra những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm về ma túy thông qua công tác phòng ngừa tội phạm đã giúp cho hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đạt kết quả tốt hơn.

- Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã chủ động kiểm tra chặt chẽ ngay từ thời điểm ban đầu tiếp nhận, giải quyết vụ việc, vụ án về ma túy đến thời điểm phân công ĐTV, CBĐT tiến hành ĐTVA ma túy bảo đảm đúng quy định. Phân công các ĐTV có kinh nghiệm điều tra, nhất là kinh nghiệm ĐTVA ma túy. Từ đó quá trình ADPL trong ĐTVA ma túy đạt kết quả cao, đúng pháp luật và bảo đảm nguyên tắc, qua đó thể hiện tính thượng tôn, nghiêm minh của pháp luật.

- Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc khi tiến hành hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy đã chủ động phối hợp rất chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, cơ quan tiến hành tố tụng như phối hợp với Viện Kiểm sát trong ADPL để tiến hành các hoạt động điều tra, cụ thể như: hỏi cung bị can, nhận dạng đối chất, nhận biết giọng nói, khám xét, khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra... đến hoạt động ADPL trong giai đoạn kết thúc điều tra để chuyển hồ sơ sang Viện Kiểm sát đề nghị truy tố. Do đó, kết quả đạt được đã bảo đảm các hoạt động ADPL trong ĐTVA về ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc được triển khai đúng quy định của pháp luật.

- Nghị quyết đảng ủy Công an các tỉnh Tây Bắc đã xác định rõ và giao cho Phòng CSĐT tội phạm ma túy xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao, đào tạo chuyên sâu và mở các lớp tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ điều tra, pháp luật cho CBĐT, ĐTV, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Công an các tỉnh Tây Bắc. Đồng thời kiện toàn, đổi mới phương tiện, kỹ thuật, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác phục vụ hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây

Bắc. Mặt khác, từ thực tiễn công tác thường xuyên, đề xuất, tham mưu cho cơ quan cấp trên tăng cường, điều chỉnh, tinh gọn biên chế phù hợp với thực tiễn công tác điều tra bảo đảm hợp lý về cơ cấu, số lượng biên chế phù hợp đúng chuyên ngành, phát huy được năng lực, sở trường đã được đào tạo và bổ sung những phương tiện hiện đại đáp ứng thực tiễn yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn tới.

- Trình độ, năng lực, phẩm chất và bản lĩnh chính trị của đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV và CBĐT trong ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc thời gian qua không ngừng được nâng cao. ĐTV, CBĐT tiến hành hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy luôn được Ban Giám đốc Công an các tỉnh Tây Bắc, Cấp ủy, lãnh đạo Công an các tỉnh Tây Bắc chú trọng đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, phẩm chất, bản lĩnh chính trị cho CBCS chuyên trách tiến hành công tác này theo các tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 quy định tiêu chuẩn để trở thành ĐTV phải “*Có trình độ đại học An ninh, đại học Cảnh sát hoặc cử nhân luật trở lên*” [69]. Vì vậy, trong công tác khi thực hiện nhiệm vụ ĐTVA, nhiệm vụ ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc, ĐTV, CBĐT đều vững vàng chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật và đủ khả năng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

3.2.2. Hạn chế của áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án về ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc và nguyên nhân

3.2.2.1. Những hạn chế

Thứ nhất, còn một số sai sót khi ADPL tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc.

Trong giai đoạn phân tích đặc trưng pháp lý của vụ việc xác định tố giác, tin báo về tội phạm ma túy, vẫn còn tình trạng xác định, phân loại tố giác, tin báo về tội phạm chưa chính xác. Có trường hợp xác định đặc trưng

pháp lý là tố giác về loại tội phạm khác nhưng sau quá trình giải quyết lại xác định là tin báo về tội phạm ma túy.

Cá biệt còn những vụ việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm nhưng sau giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm xác định vụ việc đó có đặc trưng pháp lý là vụ việc hành chính hoặc dân sự, không phải là vụ án ma túy.

Do đó thời gian qua lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã ban hành 238/1.021 vụ (chiếm 23%) quyết định không khởi tố VAHS do không có dấu hiệu phạm tội đối với những tố giác, tin báo về tội phạm ma túy.

Ví dụ là vụ án sau:

Ngày 27/6/2019 Công an xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái nhận được tin báo tố cáo đối tượng Ma Văn Khái (sinh năm 1998, đăng ký thường trú tại thôn Yên Phú, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã có tiền án về mua bán trái phép chất ma túy) trong thời gian gần đây thường xuyên giao dịch các gói hàng nhỏ nghi là buôn bán ma túy tại các khu vực vắng người qua lại. Tiến hành xác minh thông tin trên, Công an xã Hưng Thịnh đã cử cán bộ theo dõi và bắt quả tang đối tượng Khái đang giao cho một người khác một túi nhỏ. Khi kiểm tra, bên trong túi là 20 vỉ thuốc tân dược chứa Codein, một chất gây nghiện có trong danh mục kiểm soát. Đối tượng Khái khai nhận đã mua số thuốc này từ một hiệu thuốc không có giấy phép để bán lại cho người khác với giá cao hơn, nhằm kiếm lời. Mặc dù Codein là một hoạt chất thuộc nhóm opioid nhưng trong trường hợp này tổng hàm lượng Codein trong số thuốc đó chưa đạt đến ngưỡng tối thiểu để truy cứu TNHS về tội mua bán trái phép chất ma túy, mà chỉ xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, không có quyết định khởi tố VAHS về ma túy trong trường hợp này.

Việc phối kết hợp của ĐTV với các lực lượng chức năng trong và ngoài ngành Công an trong tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm ma túy đôi khi chưa chặt chẽ. Nhìn chung, chưa có quy chế phối hợp, quy trình tiếp nhận tố

giác, tin báo về tội phạm về ma túy riêng mà sử dụng quy trình chung đối với đối tượng phạm tội. Việc tiếp nhận ở một số nơi, một số vụ việc cụ thể về thu thập tài liệu, thông tin do người tố giác, báo tin về tội phạm cung cấp chưa đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, hạn chế thiếu sót trong giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và khởi tố vụ án về ma túy.

Có một số trường hợp cụ thể ĐTV chưa xác định đúng tội danh khi giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và khởi tố vụ án về ma túy. Trên thực tế trong quá trình ADPL, ĐTV tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc chưa xác định rõ việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm có bị đơn về ma túy thuộc loại tội phạm nào. Trong 783 vụ tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm ma túy có 19 vụ việc chưa xác định đúng tội danh, chiếm 2,4%.

Diễn hình: Sáng ngày 03/12/2024, lực lượng chức năng đã tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh X-Club, thuộc Công ty TNHH New Century (địa chỉ: Số 195, Tổ 1, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) về việc có tin báo tố giác cơ sở này tổ chức mua bán, sử dụng ma túy. Kiểm tra tại chỗ phát hiện có 06 người gồm 04 nhân viên quán bar và 02 khách có kết quả dương tính với ma túy. Ngoài ra, cũng phát hiện 05 túi zip chứa tinh thể bột màu trắng nghi là ma túy cùng 22 bình kim loại chứa khí các loại, hơn 100 vỏ bóng bay cao su đã qua sử dụng, hơn 3.600 vỏ bóng bay cao su chưa qua sử dụng, 44 chai rượu các loại, 15 bình hút Shisa. Tại thời điểm kiểm tra ĐTV chưa xác định được rõ hành vi vi phạm của các đối tượng tại cơ sở kinh doanh trên là tội phạm nào.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn này còn một số trường hợp ĐTV chưa thực hiện tốt việc phân tích, so sánh tình tiết của vụ việc do người tố giác, tin báo về tội phạm cung cấp với những văn bản pháp luật (có 13/150 vụ việc được khảo sát diễn hình có hạn chế, thiếu sót này, chiếm 8,7%). Vì vậy, ĐTV chưa thể hiện cụ thể, chưa có thống kê, báo cáo về những vụ việc này.

Ngoài ra, trong giai đoạn tổ chức kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc, một số ĐTV, CBĐT được phân công thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm chưa xác định, phân định rõ đâu là biện pháp nghiệp vụ và đâu là biện pháp pháp luật, biện pháp điều tra nào thì được áp dụng trong giai đoạn kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, biện pháp điều tra nào chỉ được áp dụng sau khi có Quyết định khởi tố VAHS. Còn có trường hợp lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc chưa xác định rõ ĐTV được áp dụng những biện pháp tố tụng cụ thể nào, CBĐT được áp dụng biện pháp nào và làm đến đâu, làm những hoạt động tố tụng nào. Khảo sát 150 hồ sơ vụ án ma túy do Công an các tỉnh Tây Bắc điều tra phát hiện thấy có 09 vụ có hạn chế, thiếu sót này (chiếm 6%).

Còn tình trạng không ra thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy hoặc ra thông báo kết quả giải quyết tin báo về tội phạm nhưng lại gửi quyết định không khởi tố VAHS hoặc quyết định tạm đình chỉ tố giác, tin báo về tội phạm ma túy cho người tố giác, tin báo về tội phạm hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức cung cấp tố giác, tin báo về tội phạm (có 05/150 vụ việc khảo sát điển hình có hạn chế này, chiếm 3,2%).

Còn tình trạng ĐTV thông báo chậm trễ cho Viện Kiểm sát, chủ yếu do cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, thiên tai, bão lũ... Trong một vài vụ án, sự phối hợp giữa các lực lượng trong ngành Công an tại các tỉnh Tây Bắc trong việc kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm ma túy vẫn còn thụ động, kết quả đạt được chưa cao, vẫn còn mang tính hình thức, thụ động.

Thứ ba, việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị bắt giữ, bị can, người bị tố giác và người bị kiến nghị khởi tố trong một số vụ việc còn chưa đi vào thực chất mà mang tính thủ tục, đặc biệt là đối với những vụ việc là đối tượng và chứng cứ rõ ràng. Kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức về pháp luật, phong tục tập quán, tâm lý độ tuổi, giới tính... của một số người thực hiện

việc bào chữa cho các đối tượng phạm tội về ma túy trên địa bàn tỉnh Tây Bắc, nhất là với đối tượng là trẻ em dưới 18 tuổi, là người dân tộc thiểu số còn chưa cao.

Thứ tư, còn hạn chế, thiếu sót khi ADPL trong khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc.

Trong hoạt động đánh giá đặc trưng pháp lý để lựa chọn quy phạm pháp luật khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn đôi khi chưa có sự thống nhất, đầy đủ giữa lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc và Viện Kiểm sát có thẩm quyền trong việc xác định tội danh, điều luật và khoản, điểm của BLHS.

Trong một số trường hợp thời điểm bị can thực hiện hành vi phạm tội về ma túy nhưng khi lựa chọn quy phạm pháp luật áp dụng ban hành quyết định khởi tố bị can chưa có sự áp dụng thống nhất của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc. Việc khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn chưa có sự thống nhất trong tổ chức thực hiện, trong một số diễn biến vụ án có đặc trưng pháp lý gần tương tự nhau nhưng ở các Phòng CSĐT tội phạm về ma túy thuộc lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc khác nhau có sự áp dụng khác nhau trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can phạm tội ma túy. Có một số Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh nhưng ở vụ án khác với sự kiện pháp lý tương tự Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh khác lại không áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Mặt khác, việc lựa chọn quy phạm pháp luật để áp dụng biện pháp điều tra trong một vài trường hợp còn mang yếu tố chủ quan, cảm tính; việc trưng cầu giám định đôi khi chưa kịp thời.

Khi ADPL trong áp dụng các biện pháp điều tra TTHS để chứng minh tội phạm và người phạm tội về ma túy việc lựa chọn áp dụng biện pháp điều tra nào hay biện pháp tố tụng nào đôi khi còn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của ĐTV và CBĐT được phân công thụ lý vụ án về ma túy.

Kết luận giám định trong một số vụ án về ma túy do lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc trung cầu trong một số trường hợp chưa đạt yêu cầu. Thời gian trung cầu giám định kéo dài, một số kết luận giám định không sử dụng được hoặc kết luận mang tính chung chung (25/150 hồ sơ vụ án ma túy có hạn chế này, chiếm 16,7%). Bên cạnh đó, còn có một số vụ án, ĐTV đề nghị trung cầu giám định còn chưa kịp thời, nội dung kết luận chưa phù hợp dẫn đến phải trung cầu giám định bổ sung, giám định lại, ảnh hưởng đến thời hạn, chất lượng quá trình giải quyết vụ án ma túy.

Có trường hợp ĐTV khi áp dụng một số biện pháp điều tra luật quy định phải thông báo cho Viện Kiểm sát nhưng ĐTV chậm thông báo (chủ yếu là do ảnh hưởng của khoảng cách địa lý, địa hình đồi núi hiểm trở, phương tiện liên lạc và giao thông đi lại khó khăn, thiên tai, bão lũ...), vì vậy không bảo đảm thời gian Viện Kiểm sát tham gia hoạt động điều tra đó.

Thứ năm, còn một số hạn chế, thiếu sót khi ADPL trong kết thúc ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc.

Chất lượng Bản kết luận điều tra của một số vụ án về ma túy do lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc thụ lý, điều tra chưa tốt, trong một số Bản kết luận điều tra còn sử dụng các câu văn và từ ngữ chưa chuẩn theo từ ngữ và ngữ pháp tiếng Việt, cụ thể như: Sử dụng phương ngữ, không đúng ngữ pháp, dài dòng, lan man, nhiều câu văn mang tính mơ hồ, đa nghĩa (26/150 hồ sơ vụ án ma túy có hạn chế này, chiếm 17,3%).

Sau khi kết thúc ĐTVA ma túy lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc chưa thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết mang tính chuyên sâu về chuyên đề hoạt động ADPL trong kết thúc ĐTVA ma túy để đánh giá những kết quả đạt được và chỉ ra những nguyên nhân, hạn chế, thiếu sót và có biện pháp khắc phục cụ thể hoạt động này trong thời gian tới. Việc tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động tổ chức ADPL trong kết thúc ĐTVA ma túy thì cũng chỉ được tổ chức ở một số Phòng CSĐT tội phạm về ma túy thuộc lực

lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc và thường được lồng ghép vào các buổi sơ kết, tổng kết chung công tác năm của Công an các tỉnh Tây Bắc, còn lại các Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc không tiến hành nội dung công tác này.

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót

Thứ nhất, pháp luật về ĐTVA ma túy đến nay vẫn còn một số hạn chế, bất cập dẫn đến khó khăn cho quá trình thực hiện.

Còn quy định gây khó khăn, vướng mắc trong việc thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định “người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận là đúng là người đã thực hiện tội phạm”. Cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo điểm b khoản 1 Điều 110 của Bộ luật TTHS [70] khi xác định phạm vi cụ thể “nơi xảy ra tội phạm” về không gian, thời gian, về bán kính, đường kính, địa giới hành chính cụ thể như thế nào thuộc vào phạm vi của “nơi xảy ra tội phạm”? Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm như thế nào là “chính mắt nhìn thấy”? Trong nhiều trường hợp khi người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm có bệnh lý về mắt như cận thị, viễn thị, loạn thị... có sử dụng công cụ, phương tiện hỗ trợ cho việc nhìn thấy như kính áp tròng, kính chữa viễn thị, loạn thị hoặc một loại công cụ khác hỗ trợ cho việc nhìn có được xác định là “chính mắt nhìn thấy” hay không? Hay một người ở xa nơi xảy ra tội phạm vài km ở địa bàn khác xã, huyện, tỉnh khác nhưng nhìn qua ống nhòm nhìn thấy người thực hiện hành vi phạm tội có được xác định là “chính mắt nhìn thấy” hay không? Hoặc trong tình huống người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt ở nơi xảy ra tội phạm nhìn qua màn hình thu của camera thấy rõ hành vi của người đã thực hiện tội phạm có được coi là “chính mắt nhìn thấy” hay không? Đây là những khó khăn, vướng mắc chưa được làm rõ và chưa có văn

bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể để cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp có đầy đủ cơ sở pháp lý để tiến hành.

Còn một số hạn chế, vướng mắc trong việc xác định “dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 [70]. Với quy định này, khi cơ quan, người có thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp xác định được đầy đủ thông tin tài liệu, chứng cứ về “dấu vết của tội phạm” của người phạm tội nhưng không phải ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm về ma túy mà ở những vị trí khác thì như thế nào? Vậy thì khi đó cơ quan, người có thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp có đủ cơ sở pháp lý để tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người phạm tội về ma túy không?

Ngoài ra, thời gian tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm ma túy chưa được quy định cụ thể, thời gian tiếp nhận xác định vụ việc là vụ việc hành chính, dân sự hay là tố giác, tin báo về tội phạm ma túy chưa bảo đảm đầy đủ để xác định đó là tố giác, tin báo về tội phạm về ma túy đối với những vụ việc khó xác định, thông tin tài liệu còn thiếu và yếu chưa đủ để xác định.

Khó khăn, vướng mắc trong công tác đấu tranh với tội phạm ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc theo quy định tại Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) [66] và vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung tại Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 [73], cùng với những quy định của BLHS và Bộ luật TTHS. Hiện nay, một số quy định của Luật Phòng, chống ma túy chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định của BLHS và Bộ luật TTHS về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn công tác đấu tranh chống tội phạm ma túy của lực lượng phòng, chống tội phạm ma túy của Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển; về các hành vi có liên quan đến phòng, chống

ma túy. Việc xuất, nhập khẩu, quản lý, sử dụng mẫu vật phục vụ tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ chưa đáp ứng được yêu cầu do kinh phí bảo đảm cho việc nhập khẩu mẫu ma túy không có, nhu cầu sử dụng mẫu ma túy trong tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ các cơ quan chuyên trách ngày càng cao nên kinh phí chưa được bảo đảm để đáp ứng được nhu cầu. Hiệu quả hoạt động kiểm soát, đấu tranh ngăn chặn ma túy thẩm lậu qua biên giới, đường biển, đường hàng không vào Việt Nam tuy đã được nâng lên nhưng chưa tương xứng với thực trạng tình hình, đặc biệt là có nhiều loại ma túy mới thâm nhập và sử dụng nhưng pháp luật chưa quy định gây khó khăn khi xử lý; tỷ lệ bắt giữ các đối tượng cầm đầu còn rất hạn chế. Nhiều đối tượng phạm tội trốn truy nã qua biên giới chưa bắt được. Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống ma túy chưa có quy định chi tiết về xử lý tang vật trong các vụ xử lý hành chính về ma túy nên gây lúng túng và vận dụng khác nhau trong thực tế ở các cơ quan. Theo quy định hiện hành thì “Chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần bị thu giữ trong các vụ án hình sự phải tiêu hủy”, điều này đã gây lãng phí, nhất là việc sử dụng các chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần trong nghiên cứu khoa học, y tế, giám định, huấn luyện động vật nghiệp vụ.

Thứ hai, sự bất cập trong cơ cấu tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc.

Trong thời gian qua, mặc dù lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy đã đạt được những kết quả nhất định trong công tác, song cơ cấu tổ chức vẫn chưa thật sự chuyên nghiệp, chưa bảo đảm tính chuyên sâu theo từng lĩnh vực tội phạm, chưa phát huy hết được sức mạnh tổng hợp của các đội nghiệp vụ chuyên trách. Bên cạnh đó, mô hình tổ chức bộ máy hiện hành vẫn còn tình trạng chồng chéo, phân tán, thiếu cơ chế phối hợp rõ ràng giữa các bộ phận trong nội bộ lực lượng cũng như với các cơ quan, tổ chức có liên quan, dẫn đến hiệu quả điều tra chưa thật sự cao, còn bỏ lọt thông tin, chứng cứ, kéo dài thời gian xử lý vụ án.

Ngoài ra, chất lượng đội ngũ ĐTV và CBĐT tuy đã được nâng lên nhưng vẫn chưa đồng đều, một bộ phận còn hạn chế về tư duy pháp lý, kỹ năng nghiệp vụ, thiếu khả năng ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào hoạt động điều tra hiện đại. Sự thay đổi lớn về mô hình tổ chức CAND từ ngày 01/3/2025 theo hướng không tổ chức Công an cấp huyện, chỉ còn Công an 3 cấp (Bộ, tỉnh, xã) cũng đặt ra những thách thức mới, khi thẩm quyền và trách nhiệm điều tra được phân cấp xuống Công an cấp xã, nhưng năng lực, điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị và trình độ chuyên môn của lực lượng này chưa thực sự đáp ứng được thực tiễn. Điều đó dẫn tới nguy cơ phát sinh những sai sót trong khởi tố, điều tra, đặc biệt đối với các vụ án ma túy vốn có tính chất phức tạp, liên quan nhiều cấp, nhiều ngành.

Mặt khác, cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ tuy đã được chú trọng song chưa thực sự chặt chẽ, chưa phát huy hết vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất, còn có biểu hiện nể nang, thiếu kiên quyết trong xử lý vi phạm. Trong khi đó, áp lực từ thực tiễn công việc ngày càng gay gắt, tính chất tội phạm ngày càng tinh vi, liên kết xuyên quốc gia, đòi hỏi lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy phải được kiện toàn tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động kịp thời, toàn diện.

Thứ ba, một bộ phận cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tiến hành công tác điều tra các vụ án ma túy nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ADPL trong điều tra các vụ án ma túy; năng lực, trình độ của một số Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, ĐTV, CBĐT thuộc Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong điều tra các vụ án ma túy.

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CBĐT của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc còn nhiều hạn chế trong chuyên môn nghiệp vụ ĐTV ma túy. Ngoài những thiếu hụt về kiến thức pháp luật chuyên sâu về ĐTV ma túy, nhiều cán bộ còn yếu về kỹ năng xử lý các tình huống đặc thù

của tội phạm ma túy trên địa bàn Tây Bắc cũng như đặc điểm địa bàn miền núi nơi đây. Việc lấy lời khai, thu thập chứng cứ trong các vụ án liên quan đến các đối tượng là người dân tộc thiểu số còn nhiều lúng túng, chưa có kinh nghiệm, kỹ năng điều tra các vụ án về ma túy có yếu tố xuyên biên giới, nhất là tại các huyện giáp Lào và Trung Quốc còn hạn chế.

Về năng lực thích ứng với điều kiện địa bàn các tỉnh Tây Bắc, nhiều ĐTV, CBĐT chưa thích nghi được với điều kiện công tác đặc thù của vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Khó khăn trong sinh hoạt, đi lại, thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng đến hiệu quả và tiến độ công tác. Đặc biệt, rào cản ngôn ngữ và văn hóa, phong tục tập quán khiến nhiều cán bộ gặp khó khăn trong việc tiếp cận, tạo dựng mối quan hệ tin tưởng với đồng bào ở địa phương, điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả điều tra các vụ án ma túy.

Một số Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc còn hạn chế về năng lực công tác, đạo đức, lối sống, ý thức kỷ luật, năng lực lãnh đạo hạn chế, lúng túng về nội dung, phương pháp lãnh đạo nói chung và lãnh đạo, chỉ đạo đối với Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc trong tiến hành hoạt động ADPL trong ĐTVĐ ma túy nói riêng. Hiện nay, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và sức chiến đấu của một bộ phận nhỏ Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc còn bộc lộ một số hạn chế như chưa nhận thức đầy đủ, chưa thực hiện đúng thẩm quyền của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT đã được pháp luật quy định dẫn đến không thực hiện hết hoặc thực hiện không đúng chức năng nhiệm vụ được giao. Từ đó dẫn đến chất lượng công tác ĐTVĐ nói chung và ADPL trong ĐTVĐ ma túy nói riêng không cao. Năng lực vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật ở một số ít Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ tư, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc trong ĐTVÁ ma túy có nơi, có lúc còn thiếu quyết liệt, chưa phát huy cao độ trách nhiệm của người đứng đầu.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ĐTVÁ có nơi, có lúc thực hiện chưa tốt: lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đang phải đối mặt với nhiều thách thức đặc thù trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều tra các vụ án về ma túy xảy ra trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc. Việc chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch điều tra gặp khó khăn do đặc điểm địa bàn rộng, địa hình chia cắt phức tạp, nhiều khu vực biên giới. Tại nhiều huyện vùng cao như Mường Tè (Lai Châu), Mường Nhé (Điện Biên), công tác chỉ đạo thường xuyên bị gián đoạn trong mùa mưa lũ do tình trạng sạt lở, chia cắt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ và hiệu quả điều tra các vụ án ma túy.

Phân công và bố trí nhân sự của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc còn những hạn chế, thiếu sót, cụ thể công tác phân công ĐTV tại các đơn vị còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với đặc điểm văn hóa và phong tục địa phương. Nhiều ĐTV được phân công phụ trách các vụ án ma túy có bị can là người dân tộc thiểu số nhưng không thông thạo ngôn ngữ địa phương, không am hiểu văn hóa bản địa. Tại một số huyện như Mường Chải (Yên Bái), Bắc Yên (Sơn La), việc điều tra thường phải thông qua phiên dịch, gây khó khăn trong việc bảo đảm tính chính xác và bảo mật trong quá trình ĐTVÁ về ma túy.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng của một số Cơ quan CSĐT đối với hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy đối với Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc chưa thật sự quyết liệt, sâu sát, hiệu quả chưa thật sự xứng tầm nhiệm vụ đặt ra.

Thứ năm, công tác tham mưu trong điều tra các vụ án ma túy còn thiếu tính chuyên sâu, tính hệ thống và chưa thực sự gắn kết với thực tiễn.

Trên thực tế, ở một số địa phương, bộ phận tham mưu còn thiếu tính hệ thống, chưa xây dựng được cơ chế thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin

một cách toàn diện và khoa học; phản ứng còn chậm trước những diễn biến mới, phức tạp, bất ngờ của tội phạm ma túy. Nhiều báo cáo, đề xuất vẫn dừng lại ở mức khái quát, chung chung, chưa đưa ra được những phân tích pháp lý sâu sắc, có căn cứ khoa học và phù hợp với các tình huống cụ thể. Hạn chế này khiến cho lãnh đạo, chỉ huy ở các cấp khó đưa ra quyết định chỉ đạo điều tra kịp thời, chính xác, dẫn đến hiệu quả ADPL trong nhiều vụ án ma túy chưa cao.

Về chủ quan, một bộ phận cán bộ làm công tác tham mưu chưa được đào tạo chuyên sâu về pháp luật và kỹ năng phân tích, đánh giá tình huống điều tra; thiếu kinh nghiệm thực tiễn, chưa được cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật mới, các hướng dẫn nghiệp vụ, hoặc các thông lệ quốc tế liên quan đến quyền con người và quyền của người bị tạm giữ, tạm giam. Do đó, nhiều kiến nghị, giải pháp còn thiếu tính khả thi, không sát với điều kiện địa bàn Tây Bắc vốn có đặc thù về địa hình hiểm trở, biên giới dài, dân cư phân tán và bị các đường dây ma túy xuyên quốc gia lợi dụng. Về khách quan, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tham mưu còn phân tán, manh mún, thiếu tính liên thông giữa các lực lượng chức năng như Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm sát nhân dân; việc chia sẻ thông tin, báo cáo liên ngành chưa kịp thời, thiếu cơ chế phối hợp thống nhất. Ngoài ra, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ phân tích, dự báo tình hình tội phạm ma túy còn hạn chế, chưa tận dụng được các công cụ hiện đại như phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ cho công tác tham mưu.

Trong bối cảnh tình hình tội phạm ma túy tại Tây Bắc tiếp tục diễn biến phức tạp, tính chất xuyên quốc gia ngày càng tinh vi, sự chậm đổi mới trong công tác tham mưu không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả chỉ đạo điều tra mà còn tiềm ẩn nguy cơ sai sót trong quá trình ADPL, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thứ sáu, nguyên nhân từ điều kiện vật chất và cơ chế chính sách về ĐTVA ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị tại nhiều Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc đang còn thiếu thốn, xuống cấp, lỗi thời, lạc hậu. Phần lớn các đơn vị chưa có phòng hỏi cung bị can, các trang thiết bị còn thô sơ, lạc hậu. Hệ thống phương tiện nghiệp vụ, thiết bị kỹ thuật phục vụ điều tra như máy ghi âm, ghi hình, thiết bị điều tra ban đầu chưa được trang bị hoặc thiếu tính đồng bộ. Phương tiện đi lại không phù hợp với địa hình miền núi gây khó khăn trong việc tiếp cận hiện trường, thu thập chứng cứ tại các địa bàn xa xôi.

Bên cạnh đó, kinh phí phục vụ cho các hoạt động ADPL trong ĐTVA ma túy mà Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh Tây Bắc, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đầu tư còn hạn chế.

Chế độ chính sách đặc thù để đãi ngộ đối với CBĐT tại Công an các tỉnh Tây Bắc chưa tương xứng với mức độ khó khăn của công việc ĐTVA ma túy. Mức phụ cấp vùng cao, phụ cấp trách nhiệm chưa đủ để bù đắp chi phí sinh hoạt và tạo động lực công tác cho CBCS Công an các tỉnh Tây Bắc. Bên cạnh đó, thiếu các chính sách đặc thù để thu hút, giữ chân cán bộ có năng lực, dẫn đến tình trạng nhiều cán bộ có kinh nghiệm xin chuyển công tác. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc và kỹ năng làm việc cho ĐTV, CBĐT đối với bị can phạm tội về ma túy là người dân tộc chưa được quan tâm thường xuyên và đúng mức.

Thứ bảy, cơ chế phối hợp giữa lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc với các lực lượng có liên quan còn nhiều bất cập, hạn chế

Sự phối hợp giữa lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc với các cơ quan tư pháp và chính quyền địa phương tại vùng Tây Bắc còn nhiều khó khăn, bất cập. Điển hình như việc phối hợp với Viện Kiểm sát trong công tác kiểm sát điều tra thường chậm trễ do khoảng cách địa lý và điều kiện giao thông. Đôi khi, hoạt động kiểm soát của Viện Kiểm sát có thẩm quyền đối với quá trình

ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc còn mang tính hình thức, chưa thực sự quyết liệt trong thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định.

Cơ chế phối hợp giữa lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc với cơ quan giám định khi tiến hành ADPL trong ĐTVÁ ma túy được thực hiện chưa hiệu quả. Đặc biệt trong các vụ án cần giám định, việc phải chuyển hồ sơ, đối tượng về tỉnh hoặc trung ương kéo dài thời gian điều tra, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị can trong các vụ án về ma túy.

Ngoài ra, việc ADPL điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn vùng Tây Bắc gặp nhiều hạn chế do đặc thù về văn hóa, lịch sử, các phong tục tập quán. Hiện nay chưa cơ chế đặc thù để huy động sự tham gia của già làng, trưởng bản trong quá trình điều tra, dẫn đến khó khăn trong việc xác minh, làm rõ các tình tiết vụ án ma túy có liên quan đến người dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

Kết luận chương 3

Trong Chương 3, NCS đã phân tích làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc gồm: Các yếu tố về tự nhiên, kinh tế, xã hội, yếu tố về cơ cấu tổ chức và năng lực của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV và CBĐT, yếu tố về tình hình diễn biến của tội phạm trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng khác như yếu tố về chất lượng của BLHS, Bộ luật TTHS và Luật Tổ chức CQĐT hình sự, yếu tố quan hệ phối hợp giữa lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc và Viện Kiểm sát có thẩm quyền, yếu tố về cơ sở, vật chất và các điều kiện khác phục vụ hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam. Những yếu tố này có tác động không nhỏ đến thực trạng ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc.

Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc, NCS đã tiến hành khảo sát thực trạng hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc theo các giai đoạn tiến hành và điều kiện bảo đảm để thực hiện trong giai đoạn 10 năm, từ năm 2015 đến năm 2024. Trong đó đánh giá, chỉ ra được những kết quả, hạn chế thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót. Những vấn đề này là cơ sở quan trọng để tác giả chỉ ra những quan điểm và đề xuất các giải pháp chung và các giải pháp cụ thể bảo đảm ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam trong thời gian tới.

Chương 4

DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI PHẠM MA TÚY, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI PHẠM MA TÚY TẠI CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Cơ sở dự báo

Dự báo tội phạm ma túy là một trong những nội dung rất quan trọng của công tác phòng, chống tội phạm, giúp cơ quan chức năng có những định hướng chiến lược và biện pháp đối phó hiệu quả. Về mặt lý luận, dự báo tội phạm ma túy dựa trên các nguyên lý cơ bản của khoa học dự báo tội phạm nói chung, trong đó bao gồm việc thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu liên quan đến tình hình tội phạm ma túy trong quá khứ và hiện tại để đưa ra những nhận định về xu hướng trong tương lai. Đây là một hoạt động khoa học đòi hỏi sự kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính nhằm bảo đảm độ chính xác và tính khả thi của các dự báo.

Các lý thuyết về tội phạm học cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xác định cơ sở dự báo tội phạm ma túy. Các học thuyết như lý thuyết kiểm soát xã hội, lý thuyết hành vi hợp lý, lý thuyết căng thẳng xã hội và lý thuyết môi trường đều cung cấp những góc nhìn quan trọng về nguyên nhân, động cơ và điều kiện hình thành tội phạm ma túy. Những yếu tố này giúp định hướng việc phân tích các dữ liệu tội phạm, nhận diện các yếu tố nguy cơ và dự đoán xu hướng phát triển của tội phạm ma túy trong tương lai.

Ngoài ra, dự báo tội phạm ma túy còn dựa trên các mô hình thống kê và phương pháp phân tích dữ liệu lớn để xác định các quy luật và biến động của tội phạm. Những công nghệ tiên tiến đang ngày càng được ứng dụng rộng rãi

trong việc phân tích dữ liệu tội phạm, giúp nâng cao độ chính xác của các dự báo. Việc kết hợp giữa lý thuyết tội phạm học và công nghệ phân tích hiện đại sẽ giúp cơ quan chức năng có góc nhìn toàn diện, từ đó đề ra các biện pháp phòng, chống tội phạm ma túy một cách hiệu quả hơn.

Trước xu hướng diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm về ma túy ở địa bàn các tỉnh Tây Bắc, nhằm ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với loại tội phạm này, thời gian tới, lực lượng CAND các tỉnh Tây Bắc sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan đẩy mạnh các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn. Tuy nhiên, có thể thấy công tác phòng, chống tội phạm ma túy sẽ chịu nhiều tác động trực tiếp và gián tiếp của các yếu tố sau đây:

- Về kinh tế - xã hội: Trong những năm gần đây, bức tranh toàn cảnh kinh tế vùng Tây Bắc đã có nhiều khởi sắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của vùng qua các năm đều tăng dần, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là điện, đường, trường, trạm được nâng cấp, mở rộng; nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xây dựng, đi vào hoạt động. Các dự án đầu tư vào khu vực tăng cả về số lượng, quy mô; trong đó, có nhiều dự án trọng điểm quốc gia. Nông - lâm - ngư nghiệp bước đầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành một số vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, đạt hiệu quả kinh tế cao, góp phần rất quan trọng vào sự ổn định và phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc còn những hạn chế nhất định. Hiện nay, Tây Bắc vẫn là địa bàn còn nhiều khó khăn, hạn chế so với các vùng, miền khác của cả nước; kinh tế phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng; tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực thấp nhất cả nước; tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao.

- Mô hình tổ chức chính quyền, Công an 3 cấp và sự thay đổi về địa giới, tổ chức hành chính ở các địa phương tác động mạnh mẽ đến tình hình tội

phạm ma túy ở khu vực Tây Bắc trong thời gian tới. Việc thay đổi mô hình tổ chức chính quyền và lực lượng Công an từ 4 cấp xuống còn 3 cấp theo hướng không tổ chức cấp huyện sẽ giúp tăng tính thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, giảm tầng nấc trung gian, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và khả năng chỉ huy, chỉ đạo của lực lượng Công an cấp tỉnh và cấp cơ sở. Tuy nhiên, sự thay đổi này cũng đặt ra thách thức không nhỏ: việc bãi bỏ cấp trung gian có thể tạo ra khoảng trống tạm thời trong công tác phối hợp, chia sẻ thông tin, nhất là trong giai đoạn đầu khi cơ cấu tổ chức, nhân sự và quy trình nghiệp vụ chưa hoàn thiện. Việc sáp nhập, chia tách hoặc điều chỉnh ranh giới giữa các đơn vị hành chính (trong đó có những tỉnh trước đây thuộc khu vực Tây Bắc thì nay được sáp nhập với các tỉnh thuộc khu vực khác như Hòa Bình được sáp nhập vào cùng với Vĩnh Phúc và Phú Thọ) không chỉ ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước nói chung mà còn làm thay đổi không gian hoạt động, tuyến đường vận chuyển và phương thức ẩn náu của các đường dây, tổ chức tội phạm ma túy. Khi địa giới hành chính thay đổi, một số khu vực trước đây thuộc vùng “nóng” về ma túy có thể được sáp nhập vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển hơn, tạo cơ hội thuận lợi cho công tác quản lý, tuyên truyền, cảm hóa, và kiểm soát tội phạm. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu sau điều chỉnh, việc xáo trộn về tổ chức, nhân sự và địa bàn quản lý có thể khiến công tác nắm tình hình, phân định trách nhiệm, chia sẻ thông tin giữa các lực lượng gặp khó khăn, tạo sơ hở để tội phạm lợi dụng hoạt động.

- Diễn biến tình hình tội phạm về ma túy ở khu vực “Tam giác Vàng”, ở Lào và Trung Quốc sẽ tiếp tục tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tội phạm về ma túy ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam cũng như tác động lớn đến công tác đấu tranh phòng, chống do lực lượng CAND các tỉnh Tây Bắc triển khai. Để đối phó với các biện pháp kiểm soát ngày càng chặt chẽ của các lực lượng chức năng của Việt Nam cũng như các lực lượng chức năng của Lào và

Trung Quốc ở khu vực biên giới, thủ đoạn phạm tội của các đường dây, đối tượng phạm tội về ma túy ở các tỉnh Tây Bắc sẽ ngày càng tinh vi và xảo quyệt hơn, mạnh động hơn; chúng có thể nghiên cứu, áp dụng nhiều phương thức, thủ đoạn phạm tội mới gây khó khăn cho công tác phòng ngừa, đấu tranh. Thực tế đó đòi hỏi các cơ quan chức năng phải làm tốt công tác nghiên cứu, dự báo tình hình để có các đối sách phù hợp với thực tiễn diễn biến của loại tội phạm này trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc. Bên cạnh đó, về hợp tác quốc tế, sự khác biệt về pháp luật, cơ chế phối hợp, trình độ nghiệp vụ và điều kiện kinh tế - xã hội của các nước khiến việc trao đổi thông tin, điều tra chung và dẫn độ tội phạm gặp nhiều hạn chế. Điều này cũng sẽ có tác động lớn đến tình hình tội phạm ma túy của khu vực Tây Bắc trong thời gian tới.

- Sự thay đổi của chính sách, pháp luật, đặc biệt là các quy định về kiểm soát, biên giới, cửa khẩu; quy định mới của BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025, Bộ luật TTHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025, Luật Tổ chức CQĐT hình sự 2015 [69]; Luật Phòng, chống ma túy 2021 (có hiệu lực ngày 01/01/2022) [73], Luật Biên phòng 2021 (có hiệu lực ngày 01/01/2022) [74]... “liên quan đến các chính sách, pháp luật áp dụng với các tội phạm về ma túy; về quy trình, trình tự thủ tục và thẩm quyền xử lý các vụ việc phạm tội; vấn đề tổ chức ký kết các hiệp định, điều ước, thỏa thuận... đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh chuyên án với tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy nói riêng với các nước trong khu vực và trên thế giới... Việc nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, chỉnh lý và hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ đấu tranh với tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy sẽ tác động trực tiếp, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả quá trình triển khai các biện pháp đấu tranh với tội phạm về ma túy của Công an các tỉnh Tây Bắc”.

- Sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong những năm gần đây đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.

Việc ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, công nghệ sinh trắc học, định vị GPS, giám sát qua hệ thống camera, thiết bị bay không người lái hay công nghệ nhận dạng hình ảnh, giọng nói... đã mang lại cho lực lượng Công an nhiều công cụ, phương tiện kỹ thuật hiện đại trong công tác thu thập, xử lý thông tin, theo dõi di biến động của đối tượng phạm tội, góp phần nâng cao hiệu quả phát hiện, ngăn chặn và triệt phá các đường dây, tổ chức tội phạm ma túy. Tuy nhiên, cùng với những thuận lợi đó, sự phát triển của khoa học - công nghệ cũng làm gia tăng tính chất tinh vi, phức tạp trong hoạt động của tội phạm. Các đối tượng phạm tội ngày càng lợi dụng không gian mạng, ứng dụng mạng xã hội, công nghệ mã hóa, ví điện tử, tiền ảo, các ứng dụng giao tiếp bảo mật để liên lạc, trao đổi, thanh toán, che giấu hành vi phạm tội, gây khó khăn cho công tác phát hiện, điều tra và xử lý. Đặc biệt, ở khu vực Tây Bắc, do địa hình hiểm trở, đường biên giới dài, khó kiểm soát, việc các đối tượng sử dụng công nghệ cao để điều hành hoạt động vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy xuyên quốc gia đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hiện đại hóa trang bị, nâng cao trình độ ứng dụng khoa học - công nghệ cho lực lượng Công an cơ sở. Như vậy, khoa học, kỹ thuật, công nghệ vừa là yếu tố hỗ trợ, vừa là thách thức lớn đối với công tác phòng, chống tội phạm về ma túy ở các tỉnh Tây Bắc trong giai đoạn hiện nay.

4.1.2. Nội dung dự báo

Từ thực tiễn diễn biến hoạt động của tội phạm về ma túy cũng như kết quả công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc những năm qua, có thể dự báo tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc Việt Nam trong thời gian tới sẽ diễn biến theo những hướng cơ bản sau đây:

- Hoạt động của các đường dây, đối tượng phạm tội về ma túy ở các tỉnh Tây Bắc, đặc biệt là trên tuyến biên giới Việt Nam với các nước láng

giềng Lào và Trung Quốc tiếp tục diễn biến phức tạp, gia tăng hoạt động mạnh hơn nhằm vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam tiêu thụ hoặc ngược lại để đáp ứng nhu cầu của người nghiện trong nước và tại các nước láng giềng. Theo đó, tuyến biên giới các tỉnh Tây Bắc sẽ tiếp tục là tuyến phức tạp nhất cả nước về tình hình thâm lậu ma túy từ nước ngoài về Việt Nam. Ma túy gồm nhiều chủng loại được các đường dây, đối tượng phạm tội vận chuyển trái phép qua tuyến biên giới của các tỉnh Tây Bắc sau đó sẽ được phân phối đi khắp các địa bàn khác trong cả nước tiêu thụ.

- Chủng loại chất ma túy được các đường dây, đối tượng phạm tội về ma túy qua tuyến biên giới Việt Nam với Lào, Việt Nam với Trung Quốc thuộc các tỉnh Tây Bắc sẽ ngày càng đa dạng về chủng loại, trong đó có xu hướng gia tăng về các loại ma túy tổng hợp, tiền chất. Bởi vì, hiện nay các đối tượng nghiện ma túy có biểu hiện chuyển dần từ sử dụng các loại ma túy truyền thống như heroine, thuốc phiện sang sử dụng các loại ma túy tổng hợp. Cùng với xu hướng đó, thời gian tới, tất yếu xuất hiện thêm các loại ma túy tổng hợp mới chưa có trong danh mục do Chính phủ ban hành được các đường dây, đối tượng phạm tội vận chuyển, mua bán trái phép qua tuyến Tây Bắc. Điều đó tất yếu sẽ gây ra những khó khăn nhất định cho các lực lượng chức năng khi đấu tranh xử lý.

- Các đối tượng ở trong nước và ở khu vực ngoại biên thuộc Lào và Trung Quốc sẽ tìm cách để thu gom các loại tiền chất phục vụ sản xuất trái phép ma túy tổng hợp. Ở khu vực biên giới giữa Việt Nam với Lào và Trung Quốc dọc tuyến biên giới các tỉnh Tây Bắc có thể sẽ hình thành các cơ sở điều chế, sản xuất ma túy tổng hợp trái phép. Do đó, thời gian tới hoạt động vận chuyển trái phép các loại tiền chất ma túy, thuốc tân dược gây nghiện qua tuyến biên giới các tỉnh Tây Bắc sẽ có xu hướng gia tăng theo cả hai chiều, từ Việt Nam sang Lào và Trung Quốc hoặc ngược lại từ Trung Quốc và Lào về Việt Nam tùy theo những điều kiện hoàn cảnh khác nhau.

- Thành phần đối tượng phạm tội: Chủ yếu vẫn là người dân tộc thiểu số, mà đa số là người dân tộc Mông sinh sống ở hai bên khu vực biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc. Ngoài ra, còn có các đối tượng người nước ngoài như: Lào, Trung Quốc... hoặc là các đối tượng người Việt Nam bị truy nã đang lẩn trốn ở trong nước và nước ngoài tiếp tục cấu kết hình thành các đường dây phạm tội ma túy.

- Phương thức và thủ đoạn hoạt động của các đường dây, tổ chức và đối tượng phạm tội về ma túy ở các tỉnh Tây Bắc sẽ ngày càng tinh vi và thường xuyên thay đổi, hoạt động theo đường dây, tổ chức chặt chẽ hơn nhằm đối phó với các biện pháp đấu tranh triệt phá của các lực lượng chức năng Việt Nam, Lào và Trung Quốc. Các đối tượng trong các đường dây vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy với số lượng lớn biết rõ nếu bị bắt giữ sẽ đối mặt với án tử hình nên sẽ ngày càng mạnh động hơn, tìm cách trang bị các loại vũ khí nóng, sẵn sàng chống trả lại một cách quyết liệt các lực lượng chức năng khi bị phát hiện bắt giữ. Bên cạnh đó, trong xu hướng cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra như vũ bão, các đối tượng phạm tội về ma túy sẽ tìm cách nghiên cứu sử dụng các phương tiện cũng như các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm hỗ trợ hoạt động phạm tội, thực hiện ở các khâu như cất giấu chất ma túy, trao đổi thông tin, giao dịch mua bán trái phép chất ma túy... Nhóm tội phạm này sẽ triệt để khai thác, ứng dụng thành tựu của khoa học kỹ thuật vào trong hoạt động phạm tội; trang bị những loại vũ khí hiện đại nhằm đối phó với lực lượng chức năng.

- Về quy mô, tổ chức, tính chất của các vụ phạm tội về ma túy trên phạm vi địa bàn các tỉnh Tây Bắc sẽ hình thành tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động tinh vi bí mật hơn, vận chuyển, mua bán với số lượng lớn, lôi kéo cả các đối tượng tội phạm hình sự cộm cán cùng tham gia hoạt động phạm tội.

Như vậy, có thể thấy, tình hình hoạt động của tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc trong thời gian tới sẽ vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp,

trong đó có những diễn biến mới đòi hỏi lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc phải nắm bắt và theo sát tình hình thực tế để có các biện pháp đấu tranh phòng, chống thích hợp, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy nói riêng và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy nói chung.

4.2. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM

4.2.1. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc phải bảo đảm quán triệt các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và Đảng ủy Công an Trung ương về điều tra hình sự nói chung và điều tra các vụ án về ma túy nói riêng

Công tác điều tra tội phạm nói chung và điều tra các vụ án ma túy nói riêng luôn giữ vai trò trọng tâm trong chiến lược bảo đảm an ninh, trật tự của quốc gia. Trong bối cảnh tình hình tội phạm ma túy trên cả nước diễn biến ngày càng phức tạp, khu vực Tây Bắc đang nổi lên như một địa bàn trọng điểm. Với đặc thù địa lý hiểm trở, đường biên giới dài, giao thông khó khăn, khu vực này nhiều năm qua trở thành điểm nóng về trung chuyển, mua bán, tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy. Trước thực trạng đó, việc ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của lực lượng Công an tại các tỉnh Tây Bắc không chỉ đòi hỏi hiệu quả về nghiệp vụ mà còn phải được thực hiện trên nền tảng quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tội phạm. Việc bảo đảm quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và Đảng ủy Công an Trung ương không chỉ là yêu cầu chính trị quan trọng mà còn là cơ sở pháp lý, định hướng thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy tại khu vực Tây Bắc.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác điều tra tội phạm ma túy thể hiện rõ trong các Nghị quyết, Chỉ thị về bảo đảm ANTT và đấu tranh

phòng, chống tội phạm. Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng Công an nhân dân là nòng cốt, đóng vai trò quyết định, bảo đảm an ninh, TTATXH, vì cuộc sống bình yên của nhân dân” [39]. Quan điểm này nhấn mạnh rằng, việc đấu tranh chống tội phạm, trong đó có tội phạm ma túy, không thể tách rời mục tiêu chung và phải được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển đất nước bền vững, dân chủ, văn minh. Việc quán triệt các quan điểm của Đảng còn được thể hiện rõ trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, coi pháp luật là công cụ sắc bén của Nhà nước trong quản lý xã hội, bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của công dân. Do đó, mọi hoạt động điều tra, kể cả trong lĩnh vực phức tạp như tội phạm ma túy, đều phải đặt dưới khuôn khổ của pháp luật, bảo đảm công lý và quyền con người được tôn trọng. Các văn bản của Đảng, Nhà nước nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực điều tra, xử lý nghiêm minh các hành vi phạm tội liên quan đến ma túy, đồng thời đề cao trách nhiệm của các cơ quan chức năng, đặc biệt là lực lượng Công an trong việc thực thi pháp luật.

Đảng ủy Công an Trung ương cũng đã ban hành các định hướng, kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác điều tra tội phạm ma túy. Trong đó, yêu cầu lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc phải chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện sớm các đường dây, tổ chức tội phạm ma túy để có biện pháp đấu tranh kịp thời. Việc quán triệt các chỉ đạo này không chỉ giúp lực lượng Công an thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra mà còn bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong toàn bộ hệ thống chính trị, tạo sức mạnh tổng hợp trong phòng, chống tội phạm ma túy.

Một trong những yêu cầu quan trọng bảo đảm ADPL trong ĐTVMA ma túy là thực hiện đúng các quy định pháp luật hiện hành. Bộ luật TTHS, Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản hướng dẫn liên quan đã quy định cụ thể

trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử các vụ án ma túy. Thực hiện nghiêm túc các quy định này giúp bảo đảm tính hợp pháp, khách quan, tránh oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Đồng thời, việc quán triệt các quy định pháp luật cũng giúp lực lượng Công an nâng cao ý thức trách nhiệm, phòng ngừa các sai sót trong quá trình điều tra.

Bên cạnh việc thực hiện các quy định pháp luật, lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc còn cần quán triệt sâu sắc những yêu cầu đặc thù trong công tác điều tra tội phạm ma túy. Đây là loại tội phạm có tổ chức, thường xuyên thay đổi phương thức hoạt động, có sự liên kết chặt chẽ giữa các đối tượng trong nước và quốc tế. Do đó, yêu cầu đặt ra là lực lượng điều tra phải có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng nghiệp vụ vững vàng, đồng thời áp dụng linh hoạt các biện pháp điều tra phù hợp với tình hình thực tế. Việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, nâng cao bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho CBĐT cần được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

Ngoài ra, công tác điều tra tội phạm ma túy tại khu vực Tây Bắc không thể tách rời sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành. Việc quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước phải gắn liền với việc xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Công an với các lực lượng như Biên phòng, Hải quan, Viện Kiểm sát và Tòa án. Sự phối hợp này giúp nâng cao chất lượng điều tra, xử lý các vụ án ma túy, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

4.2.2. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc phải bảo đảm tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và nâng cao hiệu quả phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư

Việc bảo đảm tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong hoạt động điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc là

yêu cầu cấp thiết, xuất phát từ các giá trị nền tảng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Đồng thời, trong bối cảnh khu vực Tây Bắc có nhiều đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa, dân cư, việc phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cộng đồng dân cư và các cơ quan tiến hành tố tụng có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm ma túy, góp phần giữ vững ANTT trên địa bàn chiến lược này.

Quan điểm của Đảng và Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã khẳng định rõ quyền con người, quyền công dân là những giá trị cốt lõi, phải được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện. Trong lĩnh vực TTHS, Điều 31 của Hiến pháp cũng nhấn mạnh nguyên tắc suy đoán vô tội và quyền được bào chữa, bảo đảm rằng không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án [68]. Đây là những nguyên tắc hiến định, đòi hỏi mọi hoạt động điều tra, truy tố, xét xử phải được thực hiện khách quan, toàn diện, tránh mọi hành vi lạm quyền, vi phạm quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của công dân.

Trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy, đặc biệt là ở các tỉnh Tây Bắc, nhiệm vụ này càng đặt ra những yêu cầu nghiêm ngặt hơn về bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Khu vực Tây Bắc có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, trình độ dân trí, nhận thức pháp luật của một bộ phận nhân dân còn hạn chế. Điều này dẫn đến khả năng người dân dễ bị lôi kéo, dụ dỗ tham gia các đường dây, ổ nhóm tội phạm ma túy xuyên quốc gia, trong khi không ý thức được đầy đủ về tính chất và hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm. Hoạt động điều tra các vụ án ma túy ở những địa bàn này thường phải đối mặt với những tình huống phức tạp, đòi hỏi lực lượng Công an không chỉ nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, TTHS mà còn phải am hiểu phong tục tập quán, văn hóa của đồng bào các dân tộc để áp dụng các biện pháp điều tra phù hợp, đúng quy định, hạn chế tối đa tình trạng oan, sai, vi phạm quyền con người.

Cùng với việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, yếu tố phối hợp giữa lực lượng điều tra với các cơ quan tiến hành tố tụng khác và cộng đồng dân cư giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong điều tra các vụ án ma túy. Hoạt động điều tra hình sự về ma túy có đặc điểm là tính chất phức tạp, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, liên quan đến nhiều địa bàn, nhiều đối tượng khác nhau, thậm chí có yếu tố nước ngoài. Việc điều tra tội phạm ma túy nếu chỉ dựa vào một lực lượng riêng lẻ sẽ khó có thể đạt hiệu quả cao, dễ bỏ lọt tội phạm hoặc vi phạm trình tự, thủ tục tố tụng. Vì vậy, việc phối hợp nhịp nhàng giữa lực lượng Công an với Viện Kiểm sát, Tòa án, các cơ quan chức năng như Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Kiểm lâm... là hết sức cần thiết. Phối hợp chặt chẽ sẽ giúp kiểm soát tốt tính hợp pháp của các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ hợp pháp, bảo đảm hồ sơ vụ án đầy đủ, khách quan, tránh sai sót dẫn đến trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, gây kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Đặc biệt, việc phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một nội dung không thể thiếu. Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc cần đổi mới phương thức vận động quần chúng, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật phù hợp với điều kiện dân cư, đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ của từng cộng đồng dân tộc. Cùng với đó, cần kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể tích cực tham gia phòng, chống tội phạm, xây dựng các mô hình tự quản, tổ hòa giải, tổ an ninh nhân dân, “bản không ma túy” để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

4.2.3. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc phải bảo đảm gắn với xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay

Quan điểm của Đảng ta từ lâu đã xác định rõ vai trò trung tâm của pháp luật trong quản lý xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực bảo đảm ANTT. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam khẳng định: “Pháp luật là công cụ quan trọng để bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân; góp phần xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” [11]. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới cũng nhấn mạnh “Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng” [15, tr.2]. Như vậy, việc điều tra tội phạm, dù trong bất kỳ lĩnh vực nào, cũng phải luôn được đặt trong bối cảnh rộng hơn của tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi.

Điều tra tội phạm ma túy là một lĩnh vực đặc biệt phức tạp, đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao, tính linh hoạt trong vận dụng các biện pháp nghiệp vụ nhưng đồng thời cũng cần sự ràng buộc chặt chẽ bởi pháp luật. Tình trạng các tổ chức tội phạm ma túy lợi dụng kẽ hở của pháp luật, khai thác điểm yếu trong phối hợp giữa các lực lượng chức năng, hay thậm chí triệt để sử dụng các hình thức lợi dụng pháp lý để trốn tránh TNHS đã cho thấy, pháp luật nếu không kịp thời được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện sẽ trở thành điểm nghẽn trong đấu tranh tội phạm. Trong bối cảnh đó, lực lượng Công an khi ADPL trong điều tra cần luôn đặt mình trong vai trò là chủ thể tích cực, góp phần thúc đẩy hoàn thiện các quy phạm pháp luật phù hợp với thực tiễn.

Trong bối cảnh pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, vai trò của lực lượng điều tra là không chỉ thi hành mà còn là một phần của quá trình kiến tạo, phản ánh thực tiễn nhằm điều chỉnh pháp luật cho phù hợp với yêu cầu phát triển.

Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh “Tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự, TTHS; pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp” và

khẳng định rõ định hướng xây dựng pháp luật phải “xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống, bảo đảm tính khả thi và tính minh bạch” [39]. Điều này đặt ra trách nhiệm to lớn cho các cơ quan thực thi pháp luật, nhất là lực lượng Công an tại địa bàn đặc biệt như các tỉnh Tây Bắc, nơi mà tính phức tạp của tội phạm ma túy ngày càng cao, đồng thời cũng là nơi thể hiện rõ nhất các bất cập của pháp luật trong thực tiễn thi hành.

Quá trình điều tra tội phạm ma túy không thể dừng lại ở việc thu thập chứng cứ và truy tố, mà còn phải là quá trình phát hiện, kiến nghị sửa đổi những điểm chưa phù hợp của pháp luật, nhằm xây dựng một khung pháp lý đầy đủ, thống nhất và hiệu quả.

Việc bảo đảm sự gắn kết giữa áp dụng và xây dựng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy cũng phản ánh tư duy pháp quyền hiện đại, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống các loại tội phạm có tính chất xuyên biên giới.

4.2.4. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc phải bảo đảm gắn với đặc thù điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử, địa lý của khu vực Tây Bắc

Trong quá trình ADPL để điều tra các vụ án về ma túy tại khu vực Tây Bắc, việc nhận thức và quán triệt đầy đủ những đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử và địa lý đặc thù của vùng này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Pháp luật không thể là những quy phạm pháp lý tĩnh lặng, rời rạc với thực tiễn; ngược lại, việc vận dụng pháp luật vào thực tế cần đặt trong một không gian cụ thể của đời sống xã hội, trong đó các yếu tố đặc thù của vùng miền như Tây Bắc là những điều kiện nền tảng để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và công bằng trong quá trình thực thi pháp luật. Đặc biệt, trong lĩnh vực đấu tranh với tội phạm ma túy, một lĩnh vực rất phức tạp và có nhiều yếu tố nhạy cảm, việc xem xét đặc thù địa phương là hết sức cần thiết để bảo đảm hiệu quả thực tế và đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân sinh sống tại vùng cao, biên giới, nơi có điều kiện khó khăn.

Tây Bắc là khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với quốc phòng, an ninh, là vùng biên giới tiếp giáp với Lào và Trung Quốc, có nhiều đường tiêu ngách, lối mở, địa hình hiểm trở, rừng núi bao phủ. Những đặc điểm này khiến khu vực Tây Bắc trở thành một trong những tuyến đường vận chuyển ma túy xuyên quốc gia phức tạp nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn Tây Bắc như một “điểm nóng” về ma túy thì sẽ là phiến diện. Bởi lẽ, đây cũng là vùng đất có bề dày truyền thống văn hóa, lịch sử, là nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, có bản sắc riêng và điều kiện kinh tế - xã hội còn rất nhiều khó khăn.

Nhận thức được vai trò và vị trí của khu vực này, Đảng ta đã nhiều lần ban hành các văn kiện chỉ đạo phát triển vùng Tây Bắc một cách toàn diện, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định đời sống nhân dân, nêu rõ vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, trong đó có Tây Bắc, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng và cần tiếp tục được quan tâm phát triển toàn diện, bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số, gắn với nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, TTATXH. Như vậy, mọi chính sách, hoạt động bao gồm cả việc điều tra các VAHS đều cần đặt trong chiến lược phát triển tổng thể của khu vực, không thể tách rời hay đồng nhất với các vùng khác có điều kiện phát triển thuận lợi hơn.

Pháp luật hình sự và pháp luật TTHS là công cụ của Nhà nước nhằm trừng trị tội phạm và bảo vệ xã hội, tuy nhiên cũng cần được áp dụng một cách phù hợp với thực tiễn của mỗi vùng miền. Tây Bắc có tỉ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí không đồng đều, tỉ lệ người dân tộc thiểu số chiếm phần lớn. Nhiều người dân không thông thạo tiếng phổ thông, có tập quán sinh hoạt riêng biệt, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Chính vì vậy, khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử các vụ án ma túy tại đây, việc ADPL cần tính đến các yếu tố xã hội đặc thù, để tránh tình trạng máy móc, hình thức, hoặc vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng, bảo vệ quyền con người, vốn là những giá trị cốt lõi được Hiến pháp năm 2013 xác lập và bảo đảm.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh đến yêu cầu “phát triển vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới một cách toàn diện, bền vững; thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền” và yêu cầu phải “tăng cường bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc tại các địa bàn chiến lược” [8]. Trong bối cảnh đó, đấu tranh với tội phạm ma túy ở Tây Bắc cần không chỉ là cuộc đấu tranh về pháp lý và nghiệp vụ mà còn là hoạt động xã hội mang tính nhân văn, vì sự ổn định, phát triển và hòa nhập của đồng bào các dân tộc nơi đây.

Về khía cạnh văn hóa - xã hội, việc ADPL trong điều tra các vụ án ma túy cần đặc biệt chú trọng đến yếu tố dân tộc, tập quán và nhận thức pháp lý của người dân. Ở nhiều nơi trong vùng Tây Bắc, đặc biệt tại các bản làng xa xôi, ma túy có thể len lỏi như một hiện tượng xã hội do ảnh hưởng từ thói quen trồng cây thuốc phiện trong quá khứ hoặc do sự thiếu hiểu biết, bị dụ dỗ, lôi kéo từ bên ngoài. Việc điều tra cần hướng đến làm rõ bản chất hành vi, phân biệt giữa người bị lợi dụng, lôi kéo và kẻ chủ mưu, tổ chức. Điều này không chỉ giúp bảo vệ quyền con người theo đúng tinh thần của Hiến pháp, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, giảm thiểu sự chống đối, hoài nghi của người dân đối với pháp luật và các cơ quan thực thi pháp luật.

Một thực tế đáng lưu tâm khác là địa bàn Tây Bắc có nhiều xã vùng sâu, vùng xa rất khó tiếp cận, việc thi hành các biện pháp điều tra, thu thập chứng cứ, triệu tập bị can, người làm chứng thường gặp nhiều khó khăn do giao thông cách trở, điều kiện kỹ thuật hạn chế. Trong điều kiện như vậy, việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự và TTHS phải đặt trong hoàn cảnh thực tế, bảo đảm linh hoạt nhưng vẫn giữ vững nguyên tắc thượng tôn pháp luật. Đây là bài toán khó đặt ra cho lực lượng điều tra tại chỗ, và cũng cho thấy yêu cầu cần tiếp cận pháp luật không chỉ bằng “cái lý” mà còn bằng

“cái tình”, nghĩa là phải gắn bó mật thiết với đặc điểm con người, điều kiện xã hội và bối cảnh lịch sử - văn hóa của vùng đất này.

Như vậy, việc ADPL trong điều tra các vụ án ma túy tại các tỉnh Tây Bắc cần được thực hiện một cách nghiêm minh, đúng quy định, nhưng không thể tách rời các yếu tố đặc thù về kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử, địa lý của khu vực này. Đây là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm sự phù hợp, khả thi, công bằng và nhân văn trong thực thi pháp luật. Việc quán triệt quan điểm này sẽ không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm ma túy, mà còn tạo dựng được niềm tin của Nhân dân vào pháp luật, vào chính quyền và hệ thống tư pháp của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

4.2.5. Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc phải bảo đảm gắn với việc tăng cường ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, việc ADPL trong điều tra các vụ án ma túy tại các tỉnh Tây Bắc cũng không thể đứng ngoài xu thế đó. Đặc biệt, trong điều kiện tình hình tội phạm ma túy diễn biến ngày càng phức tạp, với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, có tính chất xuyên quốc gia, có sự liên kết chặt chẽ giữa các đối tượng trong và ngoài nước, thì yêu cầu đặt ra đối với lực lượng Công an không chỉ là thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành mà còn phải biết kết hợp linh hoạt, hiệu quả giữa pháp luật với các thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhằm nâng cao năng lực phòng, chống tội phạm một cách toàn diện và bền vững.

Trong nhiều văn kiện quan trọng, Đảng ta đã nhấn mạnh đến vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quản lý nhà nước và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ

Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định rõ yêu cầu “đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội” [7], nhấn mạnh việc xây dựng và phát triển Chính phủ số, xã hội số, kinh tế số. Trong khi đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đã chỉ rõ nhiệm vụ trọng tâm là “đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực phòng, chống tội phạm trong môi trường số” [39]. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cũng nhấn mạnh: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới” [12]. Những định hướng chiến lược này không chỉ là kim chỉ nam cho các lĩnh vực kinh tế, hành chính, mà còn có giá trị đặc biệt đối với hoạt động điều tra hình sự, trong đó có điều tra tội phạm về ma túy, một loại tội phạm đang có xu hướng ngày càng lợi dụng công nghệ cao để hoạt động phạm tội.

Việc ADPL trong điều tra các vụ án ma túy ở Tây Bắc phải gắn chặt với yêu cầu nâng cao năng lực tiếp cận và khai thác công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, hệ thống giám sát thông minh và các thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ cho công tác thu thập chứng cứ, nhận dạng đối tượng, phân tích hành vi phạm tội cũng như phát hiện các phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm.

Đối với Tây Bắc là khu vực có nhiều đặc điểm đặc thù, địa hình hiểm trở, dân cư phân bố không đều, điều kiện giao thông và thông tin liên lạc còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên

ngành về tội phạm ma túy, chia sẻ thông tin giữa các lực lượng, sử dụng phần mềm chuyên dụng để quản lý hồ sơ, theo dõi diễn biến vụ án... không chỉ là lựa chọn chiến lược mà còn là yêu cầu bắt buộc nhằm bảo đảm cho việc ADPL được thống nhất, chính xác, phù hợp với tình hình thực tiễn và góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

4.3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC VIỆT NAM

4.3.1. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật liên quan đến điều tra các vụ án về ma túy của lực lượng Công an nhân dân

Một là: Tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự liên quan đến điều tra các vụ án về ma túy của lực lượng Công an nhân dân

- Về nguyên tắc, việc hoàn thiện pháp luật liên quan đến điều tra các vụ án ma túy của lực lượng CAND cần quán triệt các quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới [11] và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới [15]. Bên cạnh đó, cần quán triệt các nguyên tắc quan điểm, chính sách được quy định của Bộ luật TTHS năm 2015. Cụ thể như sau:

- Về áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người phạm tội về ma túy:

+ Sửa đổi quy định ở điểm a, khoản 1, Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp thứ nhất khi “Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” [70]. Cần sớm hoàn thiện quy định này theo hướng bảo đảm nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với người phạm tội về ma túy và mục đích áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người phạm tội về ma túy. Đồng thời bảo đảm tính phù hợp, tương thích với những quy định của

BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 về những hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu TNHS [71]. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 là: “Có đủ căn cứ xác định người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

+ Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định về trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp: “Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn” [70] theo hướng khắc phục những khó khăn, tồn tại vướng mắc. Với quy định này, có thể thấy để xác định một người “chính mắt nhìn thấy” thì người đó phải có mặt tại địa điểm nhất định, vị trí nhất định với cùng không gian, thời gian đó là “nơi xảy ra tội phạm”. Khi đó người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm có thể là người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người làm chứng... Theo đó, cần hoàn thiện điểm b Khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 là “Người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy hoặc có chứng cứ xác định đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn”.

+ Sửa đổi quy định tại điểm b và điểm c Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 về “xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn” [70] theo hướng bảo đảm cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền có đủ căn cứ xác định khi nào thì xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn. Làm rõ các dấu hiệu người thực hiện tội phạm về ma túy có biểu hiện trốn theo hướng căn cứ vào tính chất của tội phạm; căn cứ vào hành vi của người thực hiện tội phạm; căn cứ vào nhân thân của người phạm tội... Từ đó, quy định cụ thể hơn đối với những tính chất nào của tội phạm về ma túy, hành vi nào của người thực hiện tội phạm về ma túy và đặc điểm nào của nhân thân người thực hiện tội phạm về ma túy thì áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

+ Hoàn thiện quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 về: “Có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ” [70] theo hướng khi cơ quan, người có thẩm quyền thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định được “dấu vết của tội phạm” đối với người bị nghi thực hiện tội phạm về ma túy có những dấu hiệu trốn hoặc hành vi tiêu hủy chứng cứ thì tiến hành áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Theo đó, cần hoàn thiện điểm c Khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 là: “Có dấu vết tội phạm của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ”.

- Về áp dụng biện pháp điều tra đối với người phạm tội về ma túy: Hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong điều tra các vụ án về ma túy trên thực tiễn như sau:

+ Thẩm quyền áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Bộ luật TTHS năm 2015 cần hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tại khoản 1, Điều 225 theo hướng quy định và cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng CQĐT Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thủ trưởng CQĐT Viện Kiểm sát quân sự Trung ương và hoạt động kiểm sát của Viện Kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, có thể sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 225 Bộ luật TTHS năm 2015 theo hướng: “Thủ trưởng CQĐT Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thủ trưởng Cơ quan Viện Kiểm sát quân sự Trung ương, Thủ trưởng CQĐT cấp Bộ, Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện Kiểm sát có thẩm quyền có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt”. Bên cạnh đó, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ

trưởng Bộ Quốc phòng thống nhất ban hành Thông tư liên tịch quy định về phối hợp giữa CQĐT và Viện Kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

+ Sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Để khắc phục những khó khăn, thiếu sót trong việc Bộ luật TTHS năm 2015 quy định chưa rõ những thông tin tài liệu thu thập được từ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như khi áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thu thập được những thông tin, tài liệu liên quan đến tội phạm khác được quy định tại BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định nhưng không thuộc vụ án đang điều tra mà tác giả đã trình bày ở trên. Tác giả đề xuất cần sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 227 Bộ luật TTHS theo hướng sau: “Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử VAHS và làm rõ hành vi phạm tội do người phạm tội thực hiện; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án, không làm rõ hành vi phạm tội do người phạm tội thực hiện phải tiêu hủy kịp thời. Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác.”

+ Thời hạn áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Để bảo đảm tính “đặc biệt” của biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và khắc phục những khó khăn, vướng mắc về thời hạn khi áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đã được dẫn chiếu ở trên, theo đó Điều 226 Bộ luật TTHS 2015 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng sau: “Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không quá 02 tháng kể từ ngày Viện trưởng Viện Kiểm sát phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được đề nghị phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng Viện Kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Trường hợp Viện trưởng Viện Kiểm sát yêu cầu Thủ trưởng CQĐT áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì thời hạn tính từ khi Thủ

trường Cơ quan ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trường hợp phức tạp có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra theo quy định của Bộ luật này”.

+ Hủy bỏ việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: Từ những khó khăn, vướng mắc về hủy bỏ việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và để bảo đảm tính “đặc biệt” kịp thời, cấp bách trong quá trình điều tra, giải quyết VAHS nhưng vẫn bảo đảm quyền con người trong việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, cần sửa đổi, bổ sung Điều 228 Bộ luật TTHS 2015 như sau:

“Viện trưởng Viện Kiểm sát đã phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải kịp thời hủy bỏ quyết định đó khi thuộc một trong các trường hợp:

1. Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng CQĐT có thẩm quyền hoặc đã hết thời hạn điều tra các vụ án hoặc kết thúc điều tra;
2. Có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt;
3. Không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt”.

Hai là: Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về phòng, chống ma túy

Cần tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với BLHS và Bộ luật TTHS, nhất là trong việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các lực lượng chuyên trách như lực lượng Công an, lực lượng Bộ đội Biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển... trong đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm về ma túy. Đồng thời, cần bổ sung quy định pháp lý về nhận diện, xử lý các loại ma túy tổng hợp, ma túy mới xuất hiện nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Về nghiệp vụ, Nhà nước cần có cơ chế tài chính phù hợp cho phép nhập khẩu, quản lý, sử dụng mẫu vật ma túy phục vụ tập huấn, nghiên cứu khoa học, giám định, huấn luyện động vật nghiệp vụ, tránh tình trạng lãng phí do phải tiêu hủy toàn bộ tang vật. Song song với đó, cần xây dựng quy định chi tiết về

xử lý tang vật trong các vụ việc hành chính liên quan đến ma túy, tránh sự lúng túng, không thống nhất trong áp dụng.

4.3.2. Tiếp tục kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Tây Bắc

Để đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” [5], cần đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc theo hướng vừa bảo đảm sự tập trung, thống nhất, vừa bảo đảm tính độc lập, khách quan của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy trong hoạt động điều tra các vụ án về ma túy. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc trong thời gian tới cần tập trung vào những nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc

Trên cơ sở mô hình tổ chức của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an cấp tỉnh do Bộ Công an quy định, Công an các tỉnh Tây Bắc cần tiến hành đổi mới, kế thừa những ưu điểm, hạt nhân hợp lý và kinh nghiệm của một số Phòng CSĐT tội phạm về ma túy của lực lượng CAND ở trong nước và một số nước trên thế giới về cơ cấu tổ chức, bộ máy. Từ đó Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc cần thay đổi về tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chủ động trong việc phát hiện, đấu tranh với tội phạm nói chung và ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy nói riêng, có cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa hoạt động điều tra tội phạm với các công tác khác nhằm bảo đảm việc ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc được tiến hành

kip thời theo đúng quy định của pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đáp ứng với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy trong thời gian tới.

Kiến toàn tổ chức, bộ máy theo hướng chuyên nghiệp, chuyên sâu, hình thành đủ các Đội nghiệp vụ chuyên trách thuộc Phòng CSĐT tội phạm về ma túy. Cụ thể là: mỗi Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc cần có đủ các đội nghiệp vụ: Đội Tham mưu tổng hợp; Đội phòng ngừa điều tra tội phạm về ma túy lĩnh vực vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; Đội phòng ngừa điều tra tội phạm về ma túy lĩnh vực tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Đội phòng ngừa điều tra tội phạm về ma túy lĩnh vực sản xuất trái phép chất ma túy; Đội phòng ngừa điều tra tội phạm về ma túy lĩnh vực kiểm soát các hoạt động liên quan đến ma túy, quản lý người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy; Trung tâm cai nghiện ma túy.

Đây vừa là xu hướng chung, phổ biến trong thời đại kỹ thuật số, vừa là yêu cầu cấp bách, rất cần thiết đối với đặc thù điều tra các vụ án về ma túy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc hiện nay.

Thứ hai, đổi mới hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc.

Đổi mới phương pháp ADPL thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ về vụ án ma túy: Trên cơ sở những phương pháp truyền thống về thu thập thông tin, tài liệu và chứng cứ về vụ án ma túy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc căn cứ vào quy định pháp luật áp dụng các biện pháp kỹ thuật, biện pháp khích lệ, nâng cao trách nhiệm cung cấp thông tin tội phạm về vụ án ma túy của các cơ quan, cá nhân trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc, đồng thời nâng cao nhận thức, tư duy pháp lý của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc, ĐTV và CBĐT khi thực hiện ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy.

Đổi mới phương pháp điều tra, xác minh: Để hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc đạt hiệu quả và chất lượng, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật đòi hỏi Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc luôn phải đổi mới đồng bộ, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật cho đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT. Bên cạnh đó, cần trang bị công cụ, phương tiện, thiết bị nghiệp vụ phù hợp để đáp ứng yêu cầu điều tra tội phạm nói chung và hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy nói riêng theo hướng chuyên nghiệp hóa.

Nâng cao chất lượng hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc theo hướng chuyên sâu từng lĩnh vực bằng cách đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy; Xây dựng các quy trình báo cáo giữa CBĐT với ĐTV, giữa ĐTV với Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, giữa Phó Thủ trưởng với Thủ trưởng Cơ quan CSĐT trong quá trình ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy bảo đảm chặt chẽ, khoa học và hiệu quả, làm rõ mối quan hệ giữa quản lý hành chính với quản lý nghiệp vụ và hoạt động tư pháp; bảo đảm hoạt động điều tra được quản lý chặt chẽ, có sự chỉ đạo sát sao có hiệu quả; Đồng thời, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của ĐTV, CBĐT trong hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy. Bên cạnh đó, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, thanh tra nội bộ, qua đó phát huy hiệu quả cơ chế kiểm tra, giám sát từ bên ngoài đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc. ĐTV của cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc phải thực sự trong sạch, chuyên nghiệp, vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, liêm chính, chí công vô tư, thượng tôn pháp luật và giữ vững

kỷ cương và trách nhiệm, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, trước yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới, từ ngày 01/3/2025, lực lượng CAND thực hiện mô hình Công an 3 cấp: cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp xã, không tổ chức Công an cấp huyện dẫn đến những thay đổi căn bản trong mô hình tổ chức Cơ quan CSĐT các cấp. Khi không tổ chức Công an cấp huyện đồng nghĩa với việc ở địa phương chỉ còn mô hình của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh. Theo quy định của Bộ luật TTHS sửa đổi năm 2025 thì “ĐTV trung cấp, ĐTV cao cấp là Trưởng Công an cấp xã hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã được Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh phân công tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra vụ án về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, các điểm a, c khoản 1 và khoản 2, Điều 36 của Bộ luật này, trừ quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt” [79, tr.3]. Quy định mới này đòi hỏi Bộ Công an phải có hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ADPL để bảo đảm Công an cấp xã có đủ khả năng thực hiện các nhiệm vụ TTHS trong điều tra tội phạm nói chung và các vụ án ma túy nói riêng.

4.3.3. Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ nghiệp vụ, pháp luật; tăng cường năng lực cho đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Tây Bắc

Đối với hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy, yếu tố con người luôn giữ vị trí then chốt, đóng vai trò trung tâm và có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của toàn bộ quá trình điều tra, xử lý tội phạm. Trong bối cảnh hiện nay, khi tổ chức bộ máy chính quyền địa phương và lực lượng Công an đã được sắp xếp theo hướng tinh gọn, nhiều tỉnh được sáp nhập và không còn tổ chức chính quyền, Công an cấp huyện, yêu cầu đặt ra đối với

đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, ĐTV, CBĐT thuộc Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh càng trở nên nặng nề và phức tạp hơn.

Chất lượng đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, ĐTV, CBĐT không chỉ thể hiện năng lực tổ chức, chỉ đạo và thực thi pháp luật mà còn phản ánh trình độ chuyên nghiệp, bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức của lực lượng CSĐT trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy. Vì vậy, trong thời gian tới, cần phải tập trung thực hiện đồng bộ, toàn diện và có chiều sâu các nội dung sau đây:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước để bảo đảm sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn bộ lực lượng.

Việc quán triệt, học tập và cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác phòng, chống tội phạm ma túy là yêu cầu có tính nguyên tắc. Đây là cơ sở chính trị - tư tưởng bảo đảm cho hoạt động điều tra được tiến hành đúng định hướng, vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, vừa bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013. Công tác này cần gắn liền với việc triển khai thực hiện các văn kiện, nghị quyết quan trọng của Đảng như: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” [11]; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” [15]; cùng các Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống ma túy.

Thông qua quá trình học tập, nghiên cứu và triển khai nghiêm túc các văn bản này, cán bộ, chiến sĩ sẽ nhận thức đầy đủ hơn về vị trí, vai trò của mình trong cuộc đấu tranh chống tội phạm ma túy, một loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất xuyên quốc gia, thủ đoạn tinh vi, manh động, tiềm

ẩn nhiều nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia và TTATXH. Việc quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng giúp mỗi cán bộ, chiến sĩ củng cố lập trường chính trị vững vàng, ý chí chiến đấu kiên định, nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục tư tưởng chủ quan, hình thức, thiếu quyết liệt trong thực thi nhiệm vụ.

Song song với việc nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, việc thấu hiểu và vận dụng đúng đắn pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các văn bản pháp luật nền tảng như BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025) và Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và 2025) là cơ sở pháp lý trực tiếp điều chỉnh hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tội phạm ma túy. Nếu CBĐT không nắm chắc nội dung, tinh thần của pháp luật hoặc hiểu sai quy định, rất dễ dẫn đến tình trạng ADPL không thống nhất, thậm chí gây oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Vì vậy, cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về pháp luật TTHS, các quy định đặc thù liên quan đến tội phạm ma túy; đồng thời trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá chứng cứ, áp dụng quy phạm trong các tình huống thực tế. Các khóa học nên kết hợp linh hoạt nhiều hình thức đào tạo như học trực tiếp, đào tạo trực tuyến (e-learning), hội thảo chuyên đề, tọa đàm nghiệp vụ, sinh hoạt chuyên môn định kỳ, bảo đảm mọi cán bộ, chiến sĩ đều có cơ hội được cập nhật kiến thức pháp lý và nghiệp vụ mới. Có thể lồng ghép việc đào tạo qua các mô hình “tình huống giả định điều tra”, “phiên tòa mô phỏng” nhằm giúp cán bộ, chiến sĩ rèn luyện tư duy pháp lý, năng lực lập luận và khả năng xử lý linh hoạt các tình huống phức tạp.

Hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nội dung này có thể được đánh giá dựa trên ba tiêu chí cơ bản: (1) mức độ hiểu biết và khả năng vận dụng đúng pháp luật trong thực tiễn điều tra; (2) kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể như chất lượng hồ sơ, tỷ lệ điều tra khám phá án, không để xảy ra

oan sai, bỏ lọt tội phạm; (3) sự chuyển biến tích cực về thái độ, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, chiến sĩ.

Thứ hai, tăng cường biên chế và bảo đảm chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật và kinh nghiệm công tác cho lực lượng điều tra tội phạm về ma túy tại các tỉnh Tây Bắc.

Địa bàn Tây Bắc là khu vực trọng điểm phức tạp về ma túy, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, đồng thời là tuyến trung chuyển ma túy lớn từ khu vực “Tam giác vàng” vào nội địa. Vì vậy, việc bố trí, kiện toàn đủ về số lượng và mạnh về chất lượng cho các Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh này là yêu cầu cấp thiết. Việc bổ sung biên chế cần căn cứ vào tính chất địa bàn, khối lượng công việc thực tế, chỉ tiêu của Bộ Công an và yêu cầu thực tiễn của công tác ADPL trong điều tra tội phạm ma túy.

Hiện nay, số lượng ĐTV, CBĐT tại nhiều đơn vị thuộc Công an các tỉnh Tây Bắc còn thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng, nhiều cán bộ mới chỉ đạt tiêu chuẩn tối thiểu, chưa có đủ kinh nghiệm thực tiễn để xử lý các vụ án ma túy phức tạp, liên tỉnh, xuyên quốc gia. Do đó, cần ưu tiên tăng cường nhân lực có kinh nghiệm, bố trí luân chuyển cán bộ từ các địa bàn khác đến hỗ trợ; đồng thời có chính sách ưu đãi, khuyến khích về vật chất và tinh thần đối với cán bộ công tác tại vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc chuẩn hóa trình độ chuyên môn, từng bước nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học, kỹ năng khai thác thông tin, sử dụng công nghệ, kỹ thuật hình sự, phương tiện nghiệp vụ hiện đại trong hoạt động điều tra. Cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực cá nhân theo lộ trình, với mục tiêu cụ thể cho từng cấp bậc chức danh: ĐTV sơ cấp, trung cấp, cao cấp. Việc đánh giá hiệu quả cần căn cứ vào kết quả thực thi nhiệm vụ và mức độ cải thiện năng lực qua từng giai đoạn đào tạo, bồi dưỡng. Đây là điều kiện quan trọng để tăng hiệu quả ADPL, bảo đảm tính chính xác và kịp thời trong phát hiện, xử lý tội phạm ma túy.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ ĐTV và CBĐT chuyên sâu, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông về nghiệp vụ, am hiểu pháp luật và tâm lý tội phạm.

Cần tập trung xây dựng đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV và CBĐT có trình độ chuyên sâu, có hiểu biết toàn diện về hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm ma túy. Việc lựa chọn, quy hoạch, bố trí nhân sự phải bảo đảm nguyên tắc “đúng người, đúng việc”, chú trọng những cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn phong phú, đã từng trực tiếp điều tra, phá nhiều chuyên án lớn, có kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, đấu tranh tâm lý với đối tượng phạm tội.

Đặc biệt, đối với những vụ án có yếu tố nước ngoài, liên tỉnh, liên tuyến hoặc có tổ chức, cần bố trí đội ngũ ĐTV tinh nhuệ, có khả năng phối hợp quốc tế, sử dụng ngoại ngữ và am hiểu pháp luật quốc tế. Ngoài ra, cần quan tâm xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực ĐTV chuyên sâu, bao gồm: (1) trình độ pháp lý và nghiệp vụ; (2) khả năng phân tích, lập kế hoạch điều tra và thu thập, xử lý chứng cứ; (3) phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức kỷ luật; (4) năng lực phối hợp, giao tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, thông qua việc kiểm tra định kỳ hồ sơ vụ án, tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm chuyên đề, đánh giá công tác theo quý và theo năm; qua đó phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những hạn chế, sai sót trong quá trình ADPL.

Thứ tư, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và pháp luật tại các cơ sở đào tạo và đơn vị nghiệp vụ trong CAND.

Các học viện, trường CAND và các Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an, đặc biệt là Cục CSĐT tội phạm về ma túy, cần thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề, cập nhật kiến thức mới về pháp luật TTHS, pháp luật quốc tế về ma túy, tâm lý học tội phạm, kỹ thuật điều tra và ứng dụng công nghệ trong thu thập chứng cứ.

Các khóa học nên được thiết kế theo hướng thực hành, gắn lý luận với thực tiễn, kết hợp mời các chuyên gia, giảng viên giàu kinh nghiệm tham gia

giảng dạy, hướng dẫn phân tích các vụ án điển hình. Ngoài ra, cần xây dựng chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn theo chuẩn năng lực, áp dụng các phương pháp học tập hiện đại như mô phỏng tình huống, thực hành điều tra, thảo luận nhóm và chia sẻ kinh nghiệm điển hình tiên tiến.

Để bảo đảm triển khai bền vững, cần xác định nguồn lực thực hiện ổn định và lâu dài, trong đó chú trọng: (1) bố trí ngân sách riêng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBĐT về ma túy; (2) huy động sự phối hợp của các cơ sở đào tạo trong và ngoài lực lượng Công an; (3) tranh thủ các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, chuyển giao công nghệ, chia sẻ thông tin nghiệp vụ với các quốc gia, tổ chức quốc tế có kinh nghiệm trong đấu tranh chống ma túy. Đồng thời, cần hình thành cơ chế giám sát và đánh giá kết quả đào tạo thông qua các tiêu chí định lượng (tỉ lệ cán bộ đạt chuẩn, số lượng cán bộ được cấp chứng nhận, tỉ lệ án điều tra khám phá thành công) và định tính (mức độ hài lòng, năng lực thực tế được nâng cao, chuyển biến về tư duy và phong cách làm việc). Việc đánh giá cần được thực hiện định kỳ, có báo cáo tổng hợp và phản hồi để điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Việc đào tạo liên tục, có hệ thống, được đầu tư nguồn lực và giám sát chặt chẽ sẽ giúp đội ngũ ĐTV, CBĐT ở các tỉnh Tây Bắc được trang bị kiến thức toàn diện, từ đó nâng cao năng lực ADPL, xử lý đúng pháp luật và đúng thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả điều tra, xử lý tội phạm ma túy trong tình hình mới.

4.3.4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Tây Bắc, bảo đảm gắn trách nhiệm của người đứng đầu với hiệu quả công tác áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án về ma túy của Công an các tỉnh Tây Bắc

Bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo là vấn đề then chốt có ý nghĩa quyết định kết quả cuối cùng của hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của Công an các tỉnh Tây Bắc, đồng thời khắc phục nguy cơ đứt gãy

trong chỉ đạo, điều hành do không còn cấp huyện làm trung gian. Bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo sẽ giúp cho hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy được tiến hành một cách thường xuyên liên tục, huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và các lực lượng trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc kịp thời điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn triển khai hoạt động ADPL trong điều tra các VAHS nói chung và ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy nói riêng.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc thể hiện trên hai phương diện: tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các Đảng ủy, Ban Giám đốc Công an các tỉnh Tây Bắc và vai trò của lãnh đạo đơn vị chuyên trách đấu tranh phòng, chống ma túy (Phòng CSĐT tội phạm về ma túy) Công an các tỉnh Tây Bắc. Cụ thể:

- Đối với Đảng ủy, Ban Giám đốc Công an các tỉnh Tây Bắc cần:

+ Chỉ đạo Phòng CSĐT tội phạm về ma túy thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quan điểm của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Đảng ủy Công an Trung ương trong hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy; trên cơ sở đó cụ thể hóa thành nghị quyết, chương trình công tác phù hợp với mô hình tổ chức Công an hai cấp (cấp tỉnh - cấp xã), làm căn cứ để lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất trong toàn lực lượng.

+ Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc đề ra mục tiêu, chương trình, kế hoạch, huy động lực lượng, kinh phí, phương tiện phục vụ cho triển khai hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy; đặc biệt chú trọng bố trí nguồn lực cho các đơn vị cấp tỉnh và lực lượng Công an cấp xã trong việc tiếp nhận, quản lý địa bàn, nắm tình hình cơ sở sau khi không còn Công an cấp huyện.

+ Tăng cường hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên và của Đảng ủy, Ban Giám đốc

Công an các tỉnh; kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập nảy sinh trong quá trình vận hành mô hình tổ chức mới, từ đó điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu, phương pháp lãnh đạo cho phù hợp với tình hình thực tế.

+ Giao trách nhiệm cụ thể cho cấp ủy, chi bộ Phòng CSĐT tội phạm về ma túy gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy; xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân người đứng đầu đơn vị khi để xảy ra sai sót, kéo dài thời gian điều tra, oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Thực hiện nghiêm chế độ khen thưởng, kỷ luật kịp thời, công bằng, minh bạch.

- Đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc:

+ Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy phải luôn tranh thủ ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Tỉnh ủy, UBND các tỉnh Tây Bắc trong chỉ đạo các ban ngành, lực lượng tham gia phối hợp, cũng như tạo điều kiện về kinh phí, trang thiết bị phục vụ cho quá trình triển khai hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

+ Bố trí đúng năng lực, sở trường của từng ĐTV, CBĐT hiện có phù hợp với yêu cầu công tác điều tra các vụ án và đặc điểm địa bàn các tỉnh Tây Bắc. Có chiến lược tuyển chọn, đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ ĐTV, CBĐT giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, giỏi kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc với đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng phạm tội về ma túy nhằm đáp ứng được yêu cầu của công tác điều tra các vụ án ma túy nói chung và ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy nói riêng.

+ Yêu cầu không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu ngành, mến nghề, tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao cho đội ngũ ĐTV, CBĐT, bảo đảm tất cả đội ngũ ĐTV, CBĐT nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy nhằm hướng đến thực hiện thắng lợi công tác điều tra các vụ án về ma túy.

+ Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các tỉnh Tây Bắc phải thật sự nắm bắt kịp thời diễn biến nội dung vụ án về ma túy để chỉ đạo kịp thời trong từng tình huống cụ thể. Bên cạnh đó phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác tổ chức đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của Công an các tỉnh Tây Bắc nói riêng.

4.3.5. Đổi mới công tác tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy về việc tiến hành áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc

Trong quá trình điều tra các vụ án ma túy, vai trò lãnh đạo, chỉ huy của Công an các cấp có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả ADPL và kết quả xử lý tội phạm. Lãnh đạo, chỉ huy chỉ có thể ra quyết định đúng đắn khi có được những thông tin đầy đủ, chính xác và mang tính phân tích chuyên sâu, được cung cấp từ bộ phận tham mưu. Khi mô hình tổ chức Công an các cấp đã được sắp xếp theo hướng tinh gọn, không còn tổ chức Công an cấp huyện, chức năng tham mưu tập trung chủ yếu ở Công an cấp tỉnh, yêu cầu đối với chất lượng, tính kịp thời và chiều sâu của công tác tham mưu càng trở nên cấp thiết. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác tham mưu trong điều tra các vụ án ma túy tại một số địa phương khu vực Tây Bắc còn tồn tại những hạn chế nhất định như thiếu tính hệ thống, phản ứng chậm trước diễn biến mới của tội phạm, chất lượng phân tích pháp lý chưa cao, chưa theo kịp yêu cầu chỉ đạo điều hành trong điều kiện khối lượng vụ việc tập trung về cấp tỉnh ngày càng lớn, chưa gắn kết chặt chẽ giữa thực tiễn điều tra và quy định pháp luật hiện hành. Do vậy, đổi mới công tác tham mưu là một trong những giải pháp có tính đột phá, góp phần hoàn thiện cơ chế ADPL trong điều tra tội phạm ma túy, đặc biệt trong bối cảnh khu vực Tây Bắc tiếp tục là điểm nóng về ma túy xuyên biên giới.

Trước hết, cần nâng cao chất lượng tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình tội phạm và thực tiễn ADPL trong điều tra các vụ án ma túy. Đây là chức

năng cốt lõi của công tác tham mưu, là tiền đề để lãnh đạo, chỉ huy đưa ra quyết định phù hợp với pháp luật và sát với thực tiễn. Để đạt được điều này, lực lượng tham mưu chuyên trách phải chủ động xây dựng các hệ thống báo cáo chuyên đề, báo cáo chuyên sâu về tình hình tội phạm ma túy, các vụ án điển hình, đồng thời rà soát, hệ thống hóa các vụ việc có tình tiết phức tạp để từ đó rút ra bài học về chiến thuật, phương pháp điều tra, áp dụng quy định của Bộ luật TTHS, BLHS cũng như các văn bản pháp luật liên quan đến xử lý vật chứng, định lượng ma túy, sử dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Ví dụ trong nhiều vụ án ma túy lớn tại các tỉnh Tây Bắc, việc xác định vai trò của từng đối tượng trong đường dây đòi hỏi phải vận dụng linh hoạt các điều khoản của Điều 17 BLHS về đồng phạm, đồng thời gắn với các căn cứ chứng minh tội phạm theo Điều 85 Bộ luật TTHS [51]. Công tác tham mưu phải nắm chắc được các tình huống đó để đề xuất hướng xử lý thống nhất.

Bên cạnh đó, cần đổi mới nội dung và phương pháp tham mưu theo hướng chủ động, linh hoạt, gắn với yêu cầu thực tiễn địa phương và đặc thù của tội phạm ma túy tại các tỉnh Tây Bắc. Địa bàn Tây Bắc có đường biên giới dài, rừng núi hiểm trở, dân cư phân bố không đều, nhiều điểm dân cư biệt lập. Đây là điều kiện lý tưởng để các đường dây ma túy xuyên quốc gia lợi dụng vận chuyển, cất giấu và trung chuyển ma túy vào nội địa. Do vậy, công tác tham mưu phải được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu đặc thù của từng địa bàn, từ đó đề xuất các phương án tổ chức điều tra phù hợp. Cần ứng dụng phương pháp phân tích mạng lưới tội phạm, xây dựng bản đồ tội phạm ma túy, xác định các “điểm nóng”, “tuyến nóng”, từ đó thiết kế các kế hoạch điều tra tổng thể và tham mưu cho lãnh đạo chỉ huy phân bổ lực lượng, thời gian, phương tiện một cách khoa học. Đồng thời, công tác tham mưu cần cập nhật các thông lệ quốc tế trong điều tra tội phạm ma túy, đặc biệt là các nguyên tắc về bảo đảm quyền con người, quyền của người bị tạm giữ, tạm giam theo các công ước quốc tế để đề xuất biện pháp điều tra phù hợp với chuẩn mực quốc tế nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả đấu tranh.

Công an các tỉnh Tây Bắc cũng cần tăng cường vai trò phối hợp trong tham mưu giữa các lực lượng chức năng. Tội phạm ma túy mang tính liên kết cao, phạm vi hoạt động rộng, thường xuyên thay đổi địa bàn hoạt động để trốn tránh sự kiểm soát của cơ quan chức năng. Trước thực tế này, công tác tham mưu cần xây dựng các cơ chế chia sẻ thông tin giữa Công an các tỉnh và lực lượng Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm sát nhân dân cũng như các cơ quan tư pháp khác. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử dùng chung về tội phạm ma túy cần được xây dựng, cập nhật liên tục, tạo điều kiện cho việc phân tích, dự báo và phối hợp điều tra. Cần tham mưu tổ chức các cuộc họp liên ngành định kỳ để rà soát khó khăn, bất cập trong ADPL, như những vướng mắc về giám định hàm lượng ma túy, về thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt..., từ đó đề xuất các giải pháp tháo gỡ đồng bộ và thống nhất. Ngoài ra, cần thiết lập các tổ công tác liên tỉnh có sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Bộ Công an, nhằm giải quyết dứt điểm các chuyên án lớn vượt quá thẩm quyền của từng địa phương.

Song song với các biện pháp cụ thể trên, cần phải đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực pháp lý và nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu. Lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc cần xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng định kỳ, đặc biệt là các lớp tập huấn chuyên đề về kỹ năng phân tích chứng cứ, xác định dấu hiệu tội phạm, áp dụng các biện pháp ngăn chặn đúng quy định pháp luật. Đồng thời, cần có cơ chế luân chuyển CBĐT có kinh nghiệm sang bộ phận tham mưu, tạo điều kiện cho công tác tham mưu được thực hiện bởi những người có năng lực tổng hợp cao và hiểu biết thực tiễn. Đây cũng là cách để từng bước chuyên nghiệp hóa đội ngũ tham mưu, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác tham mưu. Trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo để hỗ

trợ công tác tổng hợp, đánh giá và dự báo tình hình tội phạm ma túy là xu thế tất yếu. Các phần mềm chuyên dụng có thể giúp phân tích nhanh hành vi phạm tội, mối liên hệ giữa các đối tượng, thậm chí đưa ra mô hình dự báo hoạt động của các đường dây ma túy. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử liên thông giữa các đơn vị nghiệp vụ, các địa phương và Trung ương sẽ giúp giảm thời gian xử lý vụ án, nâng cao tính chính xác trong việc phân loại hành vi và định khung truy cứu TNHS. Trong công tác chỉ đạo điều tra, lãnh đạo có thể sử dụng các hệ thống báo cáo số để theo dõi tiến độ điều tra, xử lý các vụ án ma túy trọng điểm, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát, điều hành và ra quyết định kịp thời, phù hợp với nguyên tắc quản lý nhà nước hiện đại.

4.3.6. Tiếp tục đầu tư nguồn kinh phí, trang thiết bị và xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù bảo đảm hoạt động điều tra các vụ án về ma túy nói chung và áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án về ma túy nói riêng của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc

Bảo đảm nguồn kinh phí, trang thiết bị cho hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc là một trong những điều kiện cần thiết, bảo đảm cho việc triển khai các nội dung công tác điều tra, khám phá tội phạm đạt hiệu quả và có tính khả thi cao nhất. Thực tiễn cho thấy, hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy liên quan đến nhiều chủ thể với nhiều nội dung đòi hỏi cần phải có nguồn kinh phí như: phòng điều tra thân thiện, nhà tạm giữ, phòng tạm giam, phòng hỏi cung, phòng lấy lời khai có lắp đặt thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh, kho bảo quản vật chứng, máy quay phim, máy ảnh, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác phát hiện, thu thập, bảo quản dấu vết, vật chứng...

Để bảo đảm nguồn kinh phí, đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy, cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau đây:

+ Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh Tây Bắc cần tiếp tục dành một nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, địa điểm làm việc cho lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy, bảo đảm có nơi làm việc chất lượng theo quy định của Nhà nước, trong đó có nơi tiếp xúc, làm việc và buồng hỏi cung riêng, phù hợp đối với đối tượng phạm tội về ma túy.

+ Bảo đảm nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ, tiếng dân tộc và kỹ năng công tác cho đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV, CBĐT; đặc biệt chú trọng đào tạo kỹ năng tổ chức điều tra trên địa bàn rộng, phối hợp nhiều lực lượng trong điều kiện tổ chức bộ máy hai cấp.

+ Bố trí kinh phí phù hợp cho việc triển khai các biện pháp nghiệp vụ điều tra trong các vụ án ma túy, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong tổ chức điều tra khi các vụ việc phát sinh trực tiếp từ cơ sở (Công an cấp xã) được chuyển thẳng lên cấp tỉnh.

+ Tiếp tục đầu tư phương tiện giao thông, phương tiện thông tin liên lạc và trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng như: thiết bị ghi âm, ghi hình, camera, máy ảnh, ống nhòm hồng ngoại, phương tiện trinh sát chuyên dụng..., phù hợp với điều kiện địa hình hiểm trở, địa bàn rộng, giao thông khó khăn của khu vực Tây Bắc, nhằm nâng cao hiệu quả ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy.

+ Đẩy mạnh trang bị thiết bị công nghệ cao, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động điều tra; xây dựng hệ thống thông tin thông suốt từ Cục CSĐT tội phạm về ma túy Bộ Công an đến Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc và kết nối với lực lượng Công an cấp xã, thực hiện số hóa hồ sơ các VAHS về ma túy nhằm phục vụ khai thác, lưu trữ và sử dụng lâu dài.

Ngoài ra, trong thời gian tới, cần tăng cường nguồn kinh phí để tổ chức sơ kết toàn bộ quá trình thực hiện Bộ luật TTHS năm 2015 và Luật Tổ chức

CQĐT hình sự năm 2015 trong điều tra các VAHS nói chung và điều tra các vụ án về ma túy nói riêng, bảo đảm việc sơ kết phải đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện, từ đó có phương án khắc phục, đáp ứng yêu cầu của hoạt động ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy, qua đó phục vụ có hiệu quả cho công tác điều tra, khám phá vụ án ma túy trong thực tiễn.

Cùng với việc tăng cường cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính, chính sách đãi ngộ đối với ĐTV, CBĐT cũng cần được cải cách mạnh mẽ, bảo đảm tính công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến và khó khăn mà họ phải đối diện. Thực tiễn cho thấy, chế độ phụ cấp vùng cao, phụ cấp trách nhiệm hiện nay chưa đủ để bù đắp chi phí sinh hoạt ngày càng tăng và chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho cán bộ an tâm công tác. Điều này đã dẫn đến tình trạng một bộ phận cán bộ giỏi, có kinh nghiệm xin chuyển công tác về nơi có điều kiện thuận lợi hơn. Để khắc phục, cần nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đãi ngộ đặc thù cho CBĐT ma túy tại Tây Bắc. Các hình thức ưu đãi có thể bao gồm tăng mức phụ cấp vùng cao, phụ cấp trách nhiệm, hỗ trợ nhà ở, chính sách ưu tiên về học tập, chăm sóc y tế cho gia đình cán bộ. Bên cạnh đó, cần có cơ chế khen thưởng kịp thời, xứng đáng cho những cán bộ có thành tích xuất sắc để họ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài.

Bên cạnh đó, cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cho ĐTV, CBĐT gắn với đặc điểm đặc thù vùng miền của các tỉnh Tây Bắc. Trong điều kiện đặc thù của khu vực này, nhiều vụ án ma túy có liên quan đến người dân tộc thiểu số, nơi mà phong tục, tập quán, ngôn ngữ địa phương có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình điều tra. Thực tiễn cho thấy, nhiều ĐTV, CBĐT còn hạn chế trong khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ dân tộc, thiếu kiến thức về văn hóa, phong tục nên khó tạo được sự tin tưởng, hợp tác từ phía cộng đồng. Vì vậy, giải pháp cần thiết là xây dựng các chương trình đào tạo chuyên biệt về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc và kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa cho CBĐT. Các khóa đào tạo này cần được tổ chức thường xuyên, gắn

với thực tiễn, có sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia văn hóa, già làng, trưởng bản am hiểu sâu sắc về đời sống của đồng bào. Đồng thời, cần khuyến khích, ưu tiên tuyển dụng những cán bộ là người dân tộc thiểu số vào lực lượng điều tra, bởi họ không chỉ am hiểu ngôn ngữ, văn hóa mà còn có lợi thế trong việc tạo dựng lòng tin với cộng đồng địa phương.

Ngoài ra, để bảo đảm ADPL trong điều tra, cần hoàn thiện cơ chế thực hiện các quy định pháp luật phù hợp với điều kiện đặc thù của Tây Bắc. Hiện nay, việc áp dụng thống nhất các quy định về thủ tục tố tụng còn gặp nhiều khó khăn do sự khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán. Nhiều quy định còn thiếu hướng dẫn cụ thể cho vùng cao, dẫn đến lúng túng trong quá trình xử lý. Vì vậy, cần ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể hóa việc ADPL trong điều kiện đặc thù miền núi, bảo đảm vừa đúng pháp luật vừa phù hợp với phong tục tập quán hợp lý của địa phương. Đặc biệt, cần thiết lập cơ chế huy động sự tham gia của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng vào quá trình điều tra. Đây là một giải pháp vừa có tính pháp lý, vừa có tính xã hội, giúp tạo dựng sự đồng thuận, ủng hộ của cộng đồng, từ đó tăng hiệu quả xác minh, thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án.

4.3.7. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc với các cơ quan hữu quan trong và ngoài nước

Tăng cường quan hệ phối hợp giữa lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc và các cơ quan tổ chức hữu quan trong điều tra các vụ án về ma túy ở vùng Tây Bắc là tăng cường, đổi mới các nhóm quan hệ phối hợp trong điều tra các vụ án về ma túy, cụ thể:

Thứ nhất, tăng cường nhóm quan hệ phối hợp với các cơ quan khác trong ngành CAND. Đây là quan hệ phân công và phối hợp theo quy định của pháp luật có sự thống nhất về mục đích và nhiệm vụ, biện pháp và phương pháp, phương tiện, thời gian và địa điểm tiến hành, có sự chỉ đạo và thực hiện thỏa thuận có liên quan đến ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy.

Chủ thể của quan hệ phối hợp này là Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc và các cơ quan khác trong CAND. Trong đó, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc đóng vai trò tổ chức và thực hiện quan hệ phối hợp này dựa trên cơ sở pháp luật và hướng tới mục đích của việc ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy. Phối hợp với các cơ quan khác trong CAND trong ủy thác điều tra, trong áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để điều tra các hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng phạm tội về ma túy và cung cấp thông tin cần thiết trong quá trình điều tra vụ án về ma túy. Quan hệ phối hợp với các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của CAND (lực lượng Cảnh sát giao thông; lực lượng Cảnh sát kinh tế; Cơ quan nghiệp vụ an ninh của lực lượng CAND...) trong tiếp nhận thông tin, tài liệu, chứng cứ và hồ sơ vụ án liên quan đến vụ án về ma túy.

Nội dung phối hợp bao gồm: chia sẻ dữ liệu nghiệp vụ, thông tin tội phạm, hỗ trợ kỹ thuật và giám định, phối hợp triển khai biện pháp trinh sát, trao đổi thông tin về tuyến, địa bàn, đối tượng nghi vấn, và thực hiện ủy thác điều tra khi có yếu tố liên tỉnh, xuyên quốc gia... Hình thức phối hợp có thể được thực hiện thông qua hệ thống thông tin nghiệp vụ thống nhất, các cuộc họp giao ban định kỳ, cơ chế đầu mối liên lạc nhanh hoặc các tổ công tác liên ngành đặc biệt. Việc phối hợp phải tuân thủ nguyên tắc: bảo đảm đúng thẩm quyền, chức năng, bảo mật thông tin, không chồng chéo hoặc bỏ trống trách nhiệm, đồng thời bảo đảm việc xử lý thông tin, chứng cứ đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định nội bộ của ngành Công an.

Thứ hai, tăng cường nhóm quan hệ phối hợp với các cơ quan ngoài ngành CAND, đặc biệt là Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan.

Phối hợp giữa lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy với Viện kiểm sát nhân dân có ý nghĩa đặc biệt trong bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý và thống

nhất của các quyết định tố tụng. Nội dung phối hợp bao gồm: thống nhất trong việc xác định dấu hiệu tội phạm, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn và cưỡng chế, giám sát việc thu thập, đánh giá chứng cứ, đồng thời trao đổi, phản hồi kịp thời về các vướng mắc pháp lý phát sinh trong quá trình điều tra.

Phối hợp với Tòa án nhân dân tập trung vào giai đoạn chuẩn bị xét xử và rút kinh nghiệm sau phiên tòa, trong đó Tòa án có thể cung cấp phản hồi về chất lượng hồ sơ điều tra, tính hợp pháp của chứng cứ, hiệu quả của các biện pháp tố tụng; từ đó giúp CQĐT rút kinh nghiệm, hoàn thiện quy trình ADPL trong điều tra các vụ án về ma túy.

Bên cạnh đó, quan hệ phối hợp cần được mở rộng với các cơ quan như Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm lâm, Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức giám định chuyên ngành... Các cơ quan này cung cấp thông tin có giá trị trong phát hiện đường dây vận chuyển ma túy qua biên giới, rửa tiền, hỗ trợ truy nguyên nguồn gốc hàng hóa, tài chính, tang vật, giúp hoạt động điều tra được toàn diện và khoa học hơn.

Phương thức phối hợp có thể thực hiện dưới nhiều hình thức như: Trao đổi thông tin trực tuyến và định kỳ qua cổng thông tin liên ngành bảo mật; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, hội nghị liên ngành về tố tụng và điều tra ma túy; ký kết quy chế phối hợp ba bên (Công an - Viện kiểm sát - Tòa án) ở cấp tỉnh; tổ chức hội nghị giao ban hàng quý, sơ kết - tổng kết thường niên để đánh giá hiệu quả phối hợp, rút kinh nghiệm xử lý vụ án ma túy trọng điểm.

Quan hệ phối hợp này cần tuân thủ các nguyên tắc: tôn trọng chức năng, thẩm quyền của từng cơ quan; bảo đảm khách quan, minh bạch, kịp thời, đúng pháp luật; đồng thời phải giữ bí mật nhà nước, bí mật công tác và thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu và TTTHS.

Ngoài ra, cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả phối hợp (như: thời gian xử lý thông tin, số vụ án điều tra kết thúc đúng hạn, số sai sót tố tụng được khắc phục, mức độ tin cậy dữ liệu trao đổi, kết quả rút kinh nghiệm sau xét xử...) để bảo đảm tính định lượng, khách quan và bền vững của hoạt động này.

Thứ ba, củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong đấu tranh, điều tra, xử lý tội phạm ma túy xuyên quốc gia.

Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc cần duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với lực lượng Công an, An ninh, Biên phòng của Trung Quốc, Lào, cũng như các tổ chức quốc tế như INTERPOL, ASEANAPOL, UNODC...

Nội dung hợp tác quốc tế cần được mở rộng theo hướng chia sẻ thông tin, dữ liệu nghiệp vụ, phối hợp điều tra chung, truy bắt và dẫn độ tội phạm, xác minh nhân thân, di biến động đối tượng phạm tội, phối hợp thu giữ tang vật, dòng tiền liên quan đến tội phạm ma túy xuyên biên giới. Ngoài ra, cần triển khai các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nghiệp vụ, trao đổi chuyên gia, nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế cho CBĐT.

Về phương thức thực hiện, cần đa dạng hóa hình thức hợp tác, kết hợp linh hoạt giữa các kênh song phương và đa phương. Trước hết, duy trì hiệu quả cơ chế trao đổi thông tin trực tiếp thông qua các đầu mối liên lạc, sĩ quan liên lạc, đường dây nóng giữa các lực lượng chức năng hai bên biên giới và thông qua các tổ chức cảnh sát quốc tế như INTERPOL, ASEANAPOL. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất thiết lập hoặc tham gia các trung tâm điều phối chung tại khu vực biên giới, các địa bàn, tuyến trọng điểm về ma túy nhằm kịp thời chia sẻ thông tin, phối hợp xử lý các tình huống phát sinh ngay từ cửa ngõ quốc gia. Đồng thời, tăng cường tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề, diễn tập chung về phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép

chất ma túy xuyên biên giới; từng bước xây dựng và vận hành hệ thống cảnh báo sớm giữa các quốc gia trong khu vực (Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc) về xu hướng, phương thức mới của tội phạm ma túy, góp phần ngăn chặn hiệu quả nguồn ma túy từ khu vực “Tam giác vàng”.

Việc tăng cường quan hệ phối hợp đa chiều cả trong nước và quốc tế sẽ tạo nên mạng lưới pháp lý, kỹ thuật và nghiệp vụ thống nhất, giúp lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy Công an các tỉnh Tây Bắc nâng cao năng lực ADPL, phát hiện nhanh, xử lý kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời góp phần nâng cao vị thế, uy tín của lực lượng Công an Việt Nam trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy. Để bảo đảm tính bền vững, cần có cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ, gắn kết quả phối hợp với chỉ tiêu thi đua, khen thưởng và trách nhiệm người đứng đầu, từ đó tạo động lực, duy trì hiệu quả và sự chủ động trong hợp tác liên ngành, liên quốc gia về đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh tình hình tội phạm ma túy tại khu vực Tây Bắc Việt Nam ngày càng diễn biến phức tạp, với tính chất ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp, có yếu tố liên tỉnh, xuyên quốc gia và gắn với các điều kiện địa lý, xã hội đặc thù, việc nâng cao hiệu quả ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam là yêu cầu khách quan, cấp thiết và lâu dài. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu thực tiễn công tác đặt ra, cần xác định rõ rằng việc ADPL không chỉ là hoạt động mang tính nghiệp vụ thuần túy mà còn là sự thể hiện cụ thể của tư duy pháp quyền, góp phần bảo đảm công lý, công bằng xã hội và bảo đảm ANTT trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

Công tác điều tra tội phạm ma túy tại các tỉnh Tây Bắc phải được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Nghị quyết số 12-NQ/TW về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đồng thời, phải chú trọng đến các yếu tố đặc thù về kinh tế - xã hội, văn hóa, dân tộc, địa hình, hạ tầng của khu vực Tây Bắc để bảo đảm ADPL trong công tác quản lý xã hội nói chung và trong điều tra các vụ án về ma túy nói riêng bảo đảm phù hợp với thực tiễn công tác qua đó nâng cao hiệu quả công tác điều tra khám phá tội phạm về ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam.

Đề tài luận án “*Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*” đã đáp ứng được các mục tiêu đã đặt ra. Cụ thể, có thể tóm tắt những kết quả nghiên cứu đã đạt được của Luận án trên những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, Luận án đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về những vấn đề: Ma túy, điều tra tội phạm về ma túy và ADPL trong ĐTVA ma túy của lực lượng CAND.

Thứ hai, Luận án đã nghiên cứu, khảo sát thực trạng ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc Việt Nam, qua đó đánh giá được những ưu điểm, hạn chế và chỉ ra được nguyên nhân của những hạn chế thiếu sót làm cơ sở cho việc đề xuất các quan điểm và đưa ra các nội dung dự báo có liên quan đến đề tài luận án.

Thứ ba, Luận án trên cơ sở lý thuyết về dự báo tội phạm và tình hình thực tiễn điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc đã xây dựng các dự báo khoa học về tình hình tội phạm ma túy và các yếu tố ảnh hưởng đến ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc trong thời gian tới.

Thứ tư, Luận án đã phân tích các quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an trong ĐTVÁ ma túy, gắn với đặc thù riêng có của địa bàn các tỉnh Tây Bắc để xác định về quan điểm bảo đảm ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc.

Thứ năm, trên cơ sở các dự báo và quan điểm đã nêu, luận án đã xây dựng các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả ADPL trong ĐTVÁ ma túy của lực lượng Công an 06 tỉnh Tây Bắc trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Lê Huy Hoàng (2024), “Áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án ma túy gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, Học viện Khoa học xã hội, Số tháng 10/2024 (137).
2. Lê Huy Hoàng (2025), “Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm ma túy có yếu tố nước ngoài”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Học viện Hành chính và Quản trị công, Số tháng 8/2025 (355).
3. Lê Huy Hoàng (2025), “Bảo đảm quyền của bị can là người chưa thành niên trong điều tra vụ án ma túy”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, Trường Đại học Kiểm sát, Số tháng 7/2025 (91).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO*** Tài liệu tiếng Việt**

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trong công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2017), *Nghị quyết 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2021), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

10. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
11. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Hà Nội.
12. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
13. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 về tổng kết nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Hà Nội.
14. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII*, Hà Nội.
15. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hà Nội.
16. Bộ Công an (2018), *Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
17. Bộ Công an (2018), *Thông tư số 07/VBHN-BCA ngày 19/11/2018 quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, thẩm quyền điều tra hình sự trong CAND và các đội điều tra thuộc Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện*, Hà Nội.

18. Bộ Công an (2021), *Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08/12/2021 quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự*, Hà Nội.
19. Bộ Công an (2022), *Kế hoạch số 118-KH/ĐUCA ngày 25/5/2022 thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
20. Bộ Công an (2023), *Đề án số 19/ĐA-BCA ngày 10/7/2023 về tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong của Công an đơn vị, địa phương tinh, gọn, mạnh*, Hà Nội.
21. Bộ Công an (2025), *Đề án số 25-ĐA/ĐUCA ngày 11/01/2025 của Đảng ủy Công an Trung ương về tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Công an địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới*, Hà Nội.
22. Bộ Tư pháp, Viện Khoa học Pháp lý (2007), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa và Nxb Tư pháp, Hà Nội.
23. Ngô Gia Bắc (2013), *Hoạt động truy nã đối tượng phạm tội về ma túy theo chức năng của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy*, luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
24. Ngô Gia Bắc (2017), *Giáo trình Các chất ma túy, tiền chất, pháp luật và hệ thống kiểm soát ma túy*, Học viện CSND, Hà Nội.
25. Trần Hưng Bình (2016), *Một số vấn đề về áp dụng những quy định có lợi cho người bị buộc tội theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, Số 16 (tháng 8/2016), Hà Nội.
26. Nguyễn Văn Cảnh (2004), *Tổ chức, hoạt động điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện theo pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

27. Đỗ Văn Chiến (2024), *Áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án có bị can là người dưới 18 tuổi của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
28. Chính phủ (2018), *Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Công an*, Hà Nội.
29. Chính phủ (2025), *Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an*, Hà Nội.
30. Chính phủ (2025), *Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/04/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*, Hà Nội.
31. Công an tỉnh Điện Biên (2015-2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 - 2024*, Điện Biên.
32. Công an tỉnh Hòa Bình (2015-2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 - 2024*, Hòa Bình.
33. Công an tỉnh Lai Châu (2015-2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 - 2024*, Lai Châu.
34. Công an tỉnh Lào Cai (2015-2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 - 2024*, Lào Cai.
35. Công an tỉnh Sơn La (2015-2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 - 2024*, Sơn La.
36. Công an tỉnh Yên Bái (2015-2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 - 2024*, Yên Bái.
37. Bùi Trần Cường (2020), *Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Công an nhân dân với Bộ đội Biên phòng trong phòng, chống tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt - Lào*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.

38. Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
40. Phạm Tuấn Đợi (2015), *Quan hệ phối hợp giữa Bộ đội Biên phòng Việt Nam với Công an Lào trong phòng, chống tội phạm ma túy*, luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
41. Lê Quang Hanh (2011), *Phát hiện, điều tra ban đầu các tội phạm ma túy của Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào*, luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
42. Lý Thế Hoa (2019), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Phần 1, Học viện CSND, Hà Nội.
43. Lý Thế Hoa (2019), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Phần 2, Học viện CSND, Hà Nội.
44. Ngô Văn Hóa (2018), *Hoạt động của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tội phạm về ma túy ở các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
45. Học viện Cảnh sát nhân dân (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Học viện Cảnh sát nhân dân (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, tập I. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Học viện Cảnh sát nhân dân (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, tập II. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Ngô Thị Huệ (2022), *Hoạt động của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy trong phòng ngừa tội phạm về ma túy tại địa bàn trọng điểm các tỉnh miền núi phía Bắc*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.

49. Trần Minh Hường (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam. Tập 1 - Phần những quy định chung*, Nxb Lao động, Hà Nội.
50. Trần Minh Hường (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam. Tập 2 - Phần các tội phạm*, Nxb Lao động, Hà Nội.
51. Trần Quang Huyền (2013), *Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Công an nhân dân với lực lượng Hải quan và Bộ đội Biên phòng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới, cửa khẩu đất liền*, luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
52. Trần Quang Huyền (2019), *Quan hệ phối hợp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới trên biển*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.
53. Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội (2017), *Giáo trình Đại cương về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
54. Phùng Thị Thùy Linh (2016), *Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy với Bộ đội Biên phòng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở khu vực biên giới các tỉnh miền trung*, luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
55. Lê Đình Nghĩa (2001), *Những vướng mắc trong đối chất và thực nghiệm điều tra vụ án hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, Số 7/2021, Hà Nội.
56. Trần Công Phàn (2019), *Điều tra và truy tố các tội phạm về ma túy theo pháp luật mới nhất*, Nxb CAND, Hà Nội.
57. Bùi Ngọc Phong (2020), *Giáo trình Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy*, Học viện CSND, Hà Nội.
58. Bùi Ngọc Phong (2020), *Hoạt động nghiệp vụ trình sát của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy trong phòng, chống tội phạm về ma túy có tổ chức xuyên quốc gia*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.
59. Nguyễn Thiện Phú (2015), *Giáo trình Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy*, Học viện CSND, Hà Nội.

60. Nguyễn Đức Phúc (2020), *Giáo trình Pháp luật về quyền con người trong tố tụng hình sự* (Dùng cho Đại học hệ chính quy chuyên ngành Luật tố tụng hình sự), Học viện CSND, Hà Nội.
61. Nguyễn Đức Phúc (2021), *Giáo trình Pháp luật về cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án và tổ chức hỗ trợ tư pháp* (Dùng cho đào tạo Đại học hệ chính quy, chuyên ngành Luật tố tụng hình sự), Học viện CSND, Hà Nội.
62. Trần Hữu Phúc (2007), *Quan hệ phối hợp giữa Bộ đội Biên phòng với các lực lượng Công an nhân dân trong phòng ngừa tội phạm ở khu vực biên giới đất liền*, NXB CAND, Hà Nội.
63. Đỗ Thị Phương (2004), *Bàn về khái niệm và cơ sở áp dụng thủ tục đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học, số 4/2004, Hà Nội.
64. Đỗ Ngọc Quang (2001), *Cơ quan điều tra Công an nhân dân trong tố tụng hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
65. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
66. Quốc hội (2000), *Luật Phòng, chống ma túy*, Nxb CAND, Hà Nội.
67. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
68. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
69. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
70. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
71. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

72. Quốc hội (2018), *Luật Công an nhân dân*, Nxb CAND, Hà Nội.
73. Quốc hội (2021), *Luật Phòng, chống ma túy*, Nxb CAND, Hà Nội.
74. Quốc hội (2021), *Luật Biên phòng*, Nxb CAND, Hà Nội.
75. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*, Hà Nội.
76. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
77. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Hà Nội.
78. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*, Hà Nội.
79. Quốc hội (2025), *Luật số 99/ 2025/QH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
80. Phạm Đăng Quyền (2014), *Giáo trình Phương pháp điều tra tội phạm về ma túy*, Học viện CSND, Hà Nội.
81. Lê Quang Sáng (2024), *Phòng ngừa tội phạm vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy tổng hợp qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc theo chức năng của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
82. Nguyễn Xuân Sơn (2020), *Luật Hình sự quốc tế*, Học viện CSND, Hà Nội.
83. Trần Thanh Sơn (2020), *Phát hiện, điều tra tội phạm vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy tại các xã trọng điểm về ma túy của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an các tỉnh tiểu vùng Tây Bắc*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
84. Hoàng Minh Thành (2009), *Hoạt động điều tra tội phạm vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy trên tuyến Tây Bắc - Hà Nội của lực*

- lượng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy - Thực trạng và giải pháp nâng cao*, luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
85. Nguyễn Hữu Thành (2023), *Chuyên án trình sát đấu tranh chống tội phạm mua bán trái phép chất ma túy của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an các tỉnh biên giới Việt - Trung*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
 86. Nguyễn Huy Thuật (2021), *Giáo trình Chiến thuật điều tra hình sự (Dùng cho đào tạo chuyên ngành Trình sát phòng, chống tội phạm về trật tự xã hội, ma túy, môi trường)*, Học viện CSND, Hà Nội.
 87. Nguyễn Văn Thuyết (2018), *So sánh và thống kê Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) với Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb Lao động, Hà Nội.
 88. Đinh Quang Toàn (2014), *Tổ chức hoạt động phòng ngừa tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy*, luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.
 89. Bùi Minh Trung (2010), *Hoạt động phòng ngừa và điều tra tội phạm về ma túy*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 90. Lê Xuân Trung (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Phần chung*, Nxb Lao động, Hà Nội.
 91. Phạm Minh Tuyên (2013), *Các tội phạm về ma túy ở Việt Nam - Cơ sở lý luận và thực tiễn xét xử*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
 92. Trường đại học Luật Hà Nội (2023), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
 93. Chu Thị Trang Vân (2009), *Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 94. Nguyễn Văn Vịnh (2018), *Tăng cường vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự nói chung và phòng,*

chống tội phạm xuyên quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Tạp chí Tuyên giáo, số 9 năm 2018, Hà Nội.

95. Trịnh Xuyên (2010), *Phát hiện, điều tra tội phạm vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện CSND, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng nước ngoài**

96. Brian K. Payne và Randy R. Gainey (2005), *Drugs and Policing A Scientific Perspective*, NXB Charles C. Thomas.
97. Cyrille Fijnaut (2013), *The internationalization of police cooperation in Western Europe*, NXB Tilburg University, Hà Lan.
98. David Fellman (1977), *The Defendant's Rights Today*, NXB Univ of Wisconsin, Hoa Kỳ.
99. Fletcher BW và Chandler RK (2015), *A Global War on Drugs: Why the United States Should Support the Prosecution of Drug Traffickers in the International Criminal Court*, NXB Georgetown, Hoa Kỳ.
100. George S. Steffen và Samuel M. Candelaria (2010), *Drug Interdiction*, NXB Taylor & Francis.
101. James Henning (2005), *Practical Narcotics Investigations*, NXB Xlibris, Hoa Kỳ.
102. Kevin R. Davis (2018), *Use of Force Investiga*, NXB Independent Publishing Platform, Hoa Kỳ.
103. Kevin J. Mahoney (2016), *Crime Prevention Inter-agency Coordination*, NXB Worldtime, Anh.
104. Leukefeld CG, Tims F và Farabee D (2002), *Treatment of Drug Offenders: Policies and Issues*, NXB New York, NY: Springer, Hoa Kỳ.

105. Levinthal, Charles F (2012), *Drugs, Society, and Criminal Justice*, Denver, Prentice Hall, Hoa Kỳ.
106. Linda Bickerstaff (2013), *Careers in Undercover Narcotics Investigation*, NXB Rosen Publishing Group, Anh.
107. Michael D. Lyman (2001), *Practical Drug Enforcement*, NXB CRC Press, Hoa Kỳ.
108. Michael C. Braswell, Belinda R. McCarthy và Bernard J. McCarthy (2019), *Justice, Crime, and Ethics*, NXB Taylor & Francis.
109. Simon Willmetts (2019), *“The War on Drugs”: U.S.-Mexico Intelligence Cooperation*, NXB OUP Oxford, Anh.
110. Redonna K. Chandler (2014), *Successful Fight against Drug Trafficking, Transnational Organized Crime Requires Interlocking National, Regional, International Strategies*, Third Committee Told, Dept of Justice publication NCJ.
111. Terlouw, G. J. (2017), *Investigating cybercrime: Challenges for law enforcement and judicial authorities in the Netherlands*, Springer, Dordrecht, Hà Lan.
112. The United Nations (1988), *The United Nations Convention Against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances*, New York, Hoa Kỳ
113. The United Nations (2020), *The United Nations Convention Against Transnational Organized Crime*, Palermo, Italia.
114. Tim Lindsey, Pip Nicholson (2016), *Drugs Law and Legal Practice in Southeast Asia Indonesia, Singapore and Vietnam*, NXB Bloomsbury Publishing, Anh.
115. Wilson DB, Bouffard LA, Mackenzie DL (2016), *International effort to combat drug trafficking and other forms of crime*, NXB Nat Neurosci, Anh.

116. Zaitch, D. (2002), *Organised Crime Policies in the Netherlands*, Springer, Dordrecht, Hà Lan.
117. <https://sso.agc.gov.sg/Act/MDA1973> (truy cập ngày 15/12/2024)
118. https://www.gov.cn/xinwen/2018-10/27/content_5334920.htm#1 (truy cập ngày 15/12/2024)
119. https://www.spp.gov.cn/spp/fl/201802/t20180206_364975.shtml (truy cập ngày 15/12/2024)
120. <https://www.dea.gov/drug-information/csa> (truy cập ngày 14/12/2024)
121. https://www.senate.gov/civics/resources/pdf/US_Constitution-Senate_Publication_103-21.pdf (truy cập ngày 14/12/2024)
122. <https://www.govinfo.gov/content/pkg/STATUTE-92/pdf/STATUTE-92-Pg1783.pdf>. (truy cập ngày 14/12/2024)

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ TIẾP NHẬN TỔ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM MA TÚY
CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2024

Năm	Tổng số tổ giác, tin báo về tội phạm ma túy	Nguồn tiếp nhận tổ giác, tin báo về tội phạm				Tổng số tổ giác, tin báo được xác định có tội phạm ma túy	Tổng số tổ giác, tin báo không có tội phạm về ma túy
		Phòng PC04 trực tiếp tiếp nhận	Công an cấp huyện, cấp xã tiếp nhận	Đội nghiệp vụ phát hiện	Đối tượng tự thú		
2015	143	57	47	21	18	115	25
2016	94	38	27	16	13	71	23
2017	102	37	35	14	16	78	24
2018	95	29	25	19	22	73	22
2019	67	23	19	14	21	41	26
2020	83	32	23	21	7	59	24
2021	106	34	47	17	8	85	21
2022	125	56	38	21	10	87	42
2023	118	44	31	20	13	98	30
2024	88	47	31	6	4	76	57
Tổng số	1.021	397	323	169	132	783	238
Tỉ lệ	100%	38.9%	31.6%	16.5%	13%	77%	23%

PHỤ LỤC 2

**KẾT QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT TỘI GIÁC, TIN BÁO TỘI PHẠM VỀ MA TÚY
CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2024**

Năm	Quyết định phân công Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT	Phân công ĐTV, CBĐT	Quyết định thay đổi Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT	Quyết định thay đổi ĐTV, CBĐT giải quyết nguồn tin về tội phạm ma túy		Đề nghị gia hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm	Báo cáo kết thúc giải quyết nguồn tin về tội phạm	Quyết định khởi tố vụ án	Quyết định không khởi tố vụ án	Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm	Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm
				Quyết định thay đổi ĐTV	Quyết định thay đổi CBĐT						
2015	4	31	1	2	2	31	67	72	23	1	1
2016	6	37	2	1	2	23	74	61	16	2	2
2017	7	39	2	1	1	27	71	54	21	1	1
2018	5	30	1	2	2	19	85	63	19	2	2
2019	9	29	2	2	1	22	58	58	22	3	3
2020	4	34	1	1	2	25	82	64	17	2	1
2021	8	27	2	2	3	23	77	59	26	3	0
2022	5	31	3	3	2	26	87	52	23	1	1
2023	4	35	2	2	3	26	72	56	20	2	2
2024	5	31	1	2	1	35	91	45	12	2	1
Tổng số	57	324	17	18	19	257	764	584	199	19	14

PHỤ LỤC 3
TÌNH HÌNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN ĐỐI VỚI BỊ CAN PHẠM TỘI VỀ MA TÚY
CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC, TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2024

Năm	Tạm giữ	Tạm giam	Bảo lãnh	Cấm đi khỏi nơi cư trú	Tạm hoãn xuất cảnh	Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm	Đặt tiền để bảo đảm
2015	169	26	67	133	91	1	0
2016	143	21	61	144	87	0	0
2017	148	32	54	156	83	0	0
2018	152	28	71	148	112	0	0
2019	161	25	69	143	103	0	1
2020	146	27	66	129	94	1	1
2021	156	22	58	145	97	1	1
2022	152	26	63	148	100	2	2
2023	147	19	59	131	97	1	0
2024	131	44	59	160	83	1	0
Tổng số	1.505	270	627	1.437	947	7	5

PHỤ LỤC 4

**TÌNH HÌNH TÌNH HÌNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TRONG QUÁ TRÌNH ADPL TRONG ĐTVA
VỀ MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2024**

Năm	Tổng số vụ xảy ra	Lấy lời khai	Hỏi cung bị can	Đối chất	Khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật	Khám nghiệm hiện trường	Xem xét dấu vết trên thân thể	Thực nghiệm điều tra	Trung cầu giám định	Định giá tài sản	Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt
2015	115	57	115	11	61	89	7	102	89	46	2
2016	71	30	71	4	33	45	5	55	45	31	1
2017	78	34	78	3	37	59	4	62	59	35	0
2018	73	28	73	4	40	52	6	60	52	47	1
2019	41	12	41	0	15	31	3	31	31	24	0
2020	59	22	59	1	34	44	3	35	44	41	0
2021	85	38	85	6	41	58	5	78	58	52	1
2022	87	39	87	5	51	67	6	77	67	54	1
2023	98	44	98	5	57	78	7	86	78	67	1
2024	76	30	76	2	43	60	2	66	60	55	0
Tổng số lượt	783	334 (42,66%)	783 (100%)	41 (5,2%)	412 (52,6%)	583 (74,46%)	48 (6,13%)	652 (83,27%)	583 (74,46%)	452 (57,73%)	07 (0,01%)

PHỤ LỤC 5
TÌNH HÌNH KẾT THÚC ĐIỀU TRA VỤ ÁN TRONG QUÁ TRÌNH ADPL TRONG ĐTVÁ
VỀ MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2024

Năm	Tổng số vụ xảy ra	Số bị can	Đề nghị truy tố	Đình chỉ điều tra
2015	115	256	68	47
2016	71	245	65	6
2017	78	236	58	20
2018	73	264	63	10
2019	41	262	38	3
2020	59	231	52	7
2021	85	253	79	6
2022	87	272	83	4
2023	98	227	93	5
2024	76	211	75	1
Tổng số	783	2.457	674	109

PHỤ LỤC 6
THÔNG KÊ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI VỀ MA TÚY TRONG 150 HỒ SƠ VỤ ÁN
VỀ MA TÚY CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN CÁC TỈNH TÂY BẮC TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2024

Stt	Đặc điểm		Tổng số	Số lượng	Tỷ lệ
1	<i>Trình độ văn hóa</i>	Không biết chữ	240	13	5,4%
		Tiểu học		59	24,6%
		Trung học cơ sở		120	50%
		Trung học phổ thông		34	14,2%
		Đã bỏ học		14	5,8%
2	<i>Tình trạng gia đình</i>	Sống cùng cha, mẹ	240	212	88,3%
		Bố mẹ ly hôn		09	3,8%
		Sống với bố		05	2,1%
		Sống với mẹ		10	4,2%
		Sống cùng người khác hoặc không có bố mẹ		4	1,7%
3	<i>Điều kiện kinh tế</i>	Gia đình nghèo	240	69	28,8%
		Gia đình đủ ăn		157	65,4%
		Gia đình khá giả		14	5,8%
4	<i>Thành phần gia đình</i>	Công nhân	240	85	35,4%
		Nông dân		132	55,0%
		Cán bộ viên chức		17	7,1%
		Học sinh, sinh viên		2	0,8%
		Quân đội, Công an		0	0%
		Bố, mẹ là đảng viên		4	1,7%
5	<i>Dân tộc</i>	Kinh	240	76	31,7%
		Tày		17	7,1%
		Thái		27	11,3%
		Mông		39	16,2%
		Thổ		13	5,4%
		Khác		68	28,3%